

DANH XŨNG THANH HÓA

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY THANH HÓA

**DANH XƯNG
THANH HÓA**

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA - 2018

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Văn Phát

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

BAN SỬU TÂM VÀ BIÊN SOẠN

1. **TS. Hoàng Bá Tường**

Phó trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Trưởng ban

2. **ThS. Trịnh Khắc Bản**

Trưởng phòng LLCT&LSD - Thành viên

3. **ThS. Nguyễn Tuyết Nhung**

Phó Trưởng phòng LLCT&LSD - Thành viên

4. **ThS. Nguyễn Xuân Minh**

Chuyên viên Phòng LLCT&LSD - Thành viên

LỜI NÓI ĐẦU

Trong dòng chảy của lịch sử dân tộc, tỉnh Thanh Hóa có vị thế đặc biệt quan trọng, có nhiều đóng góp to lớn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, một câu hỏi đau đáu đặt ra: tên gọi Thanh Hóa có tự bao giờ. Để trả lời câu hỏi ấy, đã có nhiều cuộc hội thảo được tổ chức, thu hút nhiều tâm huyết, công sức của các nhà lãnh đạo, các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa trong tỉnh, trong nước.

Suốt chiều dài lịch sử của dân tộc ta, địa dư của Thanh Hóa khá ổn định, hầu như không có sự sáp nhập hay chia tách lớn. Thanh Hóa tự hào là vùng đất khởi nghiệp của nhiều triều đại quân chủ phong kiến; là đất “thang mộc” của các bậc quân vương và dòng chúa Nguyễn, chúa Trịnh; là địa bàn trọng yếu, “phên dậu” của đất nước; là mảnh đất địa linh nhân kiệt, có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, đồng hành cùng với sự nghiệp dựng nước và giữ nước vẻ vang của dân tộc.

Truyền thống và bề dày lịch sử, vị thế của Thanh Hóa đã được khẳng định và ghi chép khá đầy đủ, thống nhất, toàn diện và sáng tỏ trong các bộ chính sử từ thời cổ đại đến cận đại, trong các thư tịch, văn bia và các

công trình nghiên cứu từ xưa đến nay. Tuy nhiên, thời điểm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương vào lúc nào thì sử sách lại ghi chưa đầy đủ, chính xác, thiếu thống nhất, dẫn đến có nhiều ý kiến và quan điểm khác nhau, làm cho việc xác định niên đại ra đời của Danh xưng Thanh Hóa trở nên hết sức khó khăn, phức tạp. Thông qua 3 cuộc hội thảo khoa học cấp ngành, cấp tỉnh, với sự tham gia của nhiều chuyên gia, nhà sử học, nhà nghiên cứu hàng đầu trong cả nước, dựa vào các căn cứ khoa học và thực tiễn để khẳng định. Các tư liệu để chứng minh sự xuất hiện của Danh xưng Thanh Hóa, như: Bộ sử *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của các sử thần triều Nguyễn; sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi; công trình nghiên cứu *Đất nước Việt Nam qua các đời* của Giáo sư Đào Duy Anh... đã được nhiều nhà sử học, nhà khoa học Trung ương, các tỉnh trong cả nước và tỉnh nhà thống nhất năm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa là năm 1029 (năm Thiên Thành thứ 2, đời vua Lý Thái Tông), đây là một dấu mốc lịch sử quan trọng đối với tỉnh Thanh Hóa.

Cùng với lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, tỉnh Thanh Hóa luôn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, là địa danh có truyền thống lịch sử, văn hóa hào hùng, có những đóng góp to lớn mang dấu ấn lịch sử trong công cuộc đấu tranh vĩ đại của dân tộc. Do vậy, việc xác định được năm 1029 là năm xuất hiện Danh

xung Thanh Hóa có ý nghĩa hết sức quan trọng, khẳng định bề dày truyền thống lịch sử hào hùng của con người và miền đất xứ Thanh anh hùng, cách mạng, giàu truyền thống nhân văn, khoa bảng.

Kỷ niệm 990 năm ra đời Danh xưng Thanh Hóa nhằm phát huy những giá trị, ý nghĩa của Danh xưng, phục vụ xây dựng quê hương ngày càng văn minh, giàu đẹp. Đó cũng chính là những hoạt động nhằm giáo dục truyền thống tốt đẹp, nhân lên niềm tin tưởng tự hào về lịch sử dân tộc và vùng đất “Địa linh nhân kiệt”, quê hương của “Tam vương, nhị chúa”, của nền văn hiến và khoa bảng; là nguồn cội sức mạnh, động lực tinh thần to lớn để Đảng bộ, chính quyền và mỗi người dân Thanh Hóa vượt qua khó khăn, thách thức, nỗ lực phấn đấu vươn lên, quyết tâm xây dựng đất nước, quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh; chung sức, đồng lòng xây dựng Thanh Hóa sớm trở thành “Tỉnh kiêu mẫu” như sinh thời Bác Hồ kính yêu hằng mong muốn.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY

Phần một

DANH XUNG MIỀN ĐẤT XỨ THANH TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC

1. Tên gọi miền đất xứ Thanh qua các thời kỳ

Bất kỳ một quốc gia nào, việc phân chia các đơn vị hành chính và tên gọi của nó qua các thời kỳ đều rất quan trọng. Tổ chức phân chia các đơn vị hành chính cùng với danh xưng không phải là bất biến mà luôn có sự thay đổi in dấu ấn thời đại và phù hợp với từng thời kỳ lịch sử, là một trong những yếu tố đảm bảo tính kế thừa và phát triển bền vững.

Đồng hành cùng với sự phát triển của dân tộc, Thanh Hóa ngày nay thời Hùng Vương thuộc bộ Cửu Chân; nhà Tần thuộc Tượng Quận; nhà Hán thuộc quận Cửu Chân, là đơn vị hành chính trực thuộc chính quyền Trung ương, nhưng danh xưng có sự đổi thay trong từng thời kỳ, từng triều đại.

Ngay sau khi chiếm được Âu Lạc (năm 179, Tr.CN), Triệu Đà đã tiến hành sáp nhập toàn bộ đất đai Âu Lạc vào nước Nam Việt. Hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân đặt dưới sự thống trị của chính quyền Nam Việt ở Phiên

Ngung (Quảng Châu, Quảng Đông, Trung Quốc) và “*sai hai sứ thần coi giữ*”. Sứ thần ở đây chỉ đại diện của triều đình nhà Triệu cai quản các công việc trong quận, trong đó chủ yếu là thực hiện chế độ thuế khóa theo phương thức cống nạp. Quận Giao Chỉ tương đương với khu vực Bắc Bộ nước ta ngày nay (tuy nhiên lúc đó chưa bao gồm khu vực Tây Bắc, nhưng lại mở rộng sang khu vực phía Tây Nam của tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc). Quận Cửu Chân nằm ở phía nam quận Giao Chỉ chạy dài vào đến Hoàn Sơn (phía nam tỉnh Hà Tĩnh, phía bắc tỉnh Quảng Bình), tương đương với khu vực các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay. Ranh giới giữa Giao Chỉ và Cửu Chân là đèo Tam Điệp. Như vậy, từ thời nhà nước Văn Lang - Âu Lạc dưới sự trị vì của các Vua Hùng và An Dương Vương, bộ Cửu Chân là đơn vị hành chính trực thuộc chính quyền Trung ương.

Sau khi đánh bại nhà Triệu, chiếm được nước Nam Việt, nhà Hán chia vùng đất mới chiếm ra làm 9 quận là Đam Nhĩ, Chu Nhai (thuộc đảo Hải Nam, Trung Quốc), Nam Hải, Hợp Phố, Uất Lâm, Thương Ngô (đều thuộc các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Trung Quốc), Giao Chỉ (tương đương khu vực Bắc Bộ), Cửu Chân (tương đương với vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh) và Nhật Nam (tương đương với vùng từ Quảng Bình trở vào đến Quảng Nam). Theo *Tiền Hán thư* (mục Địa lý chí) đã thống kê toàn bộ châu Giao Chỉ có 7 quận gồm 55 huyện,

trong đó khu vực đất nước ta khi đó có 3 quận, 22 huyện. Mỗi quận có một viên Thái thú và một viên Đô úy, trong đó Thái thú cai quản việc dân sự và Đô úy chuyên trách việc quân sự. Sách *Thủy kinh chú* của Lịch Đạo Nguyên cho biết: “*Lộ Bắc Đức phong hai sứ giả làm Thái thú Giao Chỉ và Cửu Chân. Các Lạc tướng lại làm chủ, cai trị nhân dân như cũ*”.

Năm Tân Mão (271), sau khi đánh chiếm lại được Giao Châu từ tay nhà Tấn, tướng Đông Ngô là Đào Hoàng đã xin với vua Ngô là Tôn Hạo đặt thêm 2 quận Vũ Bình và Tân Hưng trên cơ sở tách 3 huyện lớn quận Giao Chỉ ra và đặt thêm quận Cửu Đức tách khỏi quận Cửu Chân. Quận Cửu Đức (được tách từ một bộ phận ở phía nam quận Cửu Chân tương ứng với huyện Hàm Hoan cũ). Quận Cửu Đức gồm 6 huyện của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh (ngày nay gồm 7 huyện). Còn quận Cửu Chân, gồm 6 huyện. Đây là lần đầu tiên quận Cửu Chân chia thành 2 quận. Đến thời điểm này cương vực của Cửu Chân (cơ bản là vùng đất Thanh Hóa ngày nay) vẫn là một đơn vị hành chính trực thuộc chính quyền Trung ương.

Năm 523, nhà Lương đổi Cửu Chân thành Ái Châu. ***Đây là lần đầu tiên vùng đất xứ Thanh được đổi tên gọi.***

Năm 607, dưới đời Tùy Dạng Đế, nhà Tùy bỏ đơn vị hành chính cấp châu và lập lại cấp quận. Quận Cửu Chân gồm 7 huyện là: Cửu Chân, Di Phong, Tư Phố,

Long An, Quân An, An Thuận, Nhật Nam. Lúc này tên gọi Cửu Chân vừa là tên một quận, vừa là tên của một huyện. ***Đây là lần thứ hai vùng đất xứ Thanh này được đổi tên gọi, trở về tên cũ Cửu Chân.***

Thời thuộc Đường, đổi tên gọi cấp “quận” thành “châu”. Lúc này, nước ta bao gồm 12 châu là: Giao Châu, Lục Châu, Phong Châu, Ái Châu, Hoan Châu, Trường Châu, Phúc Lộc Châu, Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga Châu, Diễn Châu, Vũ An Châu. Tên gọi Cửu Chân được thay là Ái Châu. Ái Châu thời kỳ này có 6 huyện là: Cửu Chân, An Thuận, Sùng Bình, Quân Ninh, Nhật Nam, Trường Lâm. ***Đây là lần thứ ba vùng đất xứ Thanh được đổi tên gọi trở về tên Ái Châu.***

Dưới thời họ Khúc (905-930), họ Dương (931-937) và thời Ngô Vương (939-965), các đơn vị hành chính về cơ bản như dưới thời Đường. Sau khi dẹp xong “12 sứ quân”, năm 970, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, tổ chức bộ máy quản lý đất nước với 3 cấp là triều đình Trung ương, đạo và cấp giáp, xã. Về phân chia các đơn vị hành chính, tháng 2, mùa xuân năm 974, quốc gia Đại Cồ Việt được Đinh Tiên Hoàng “*chia trong nước làm 10 đạo*”.

Đến năm 1002, nhà Tiền Lê với vua Lê Đại Hành (Lê Hoàn) đổi đạo thành lộ, phủ, châu. Về cơ bản sự phân chia các đơn vị hành chính vẫn theo như các thời kỳ trước. Thời kỳ này vùng đất Thanh Hóa vẫn gọi là Ái Châu.

Bước sang thời kỳ Đại Việt, tháng 7 năm Canh Tuất (1010), Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng đế, niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất, ông cho dời đô từ Hoa Lư ra Đại La rồi đổi tên thành Thăng Long, mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc. Tháng 12 cùng năm, Lý Thái Tổ chia lại các khu vực hành chính trong nước, đổi 10 đạo (thời Đinh - Tiền Lê) thành 24 lộ. Châu Hoan và Châu Ái được gọi là “Trại”. Trại ở đây gọi vùng đất xa kinh đô, còn về mặt hành chính vẫn là cấp trực thuộc chính quyền Trung ương. Đến đời Lý Thái Tông niên hiệu Thiên Thành năm thứ 2 (1029), đổi làm phủ Thanh Hóa. *Từ đây Danh xưng Thanh Hóa chính thức xuất hiện với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương.*

Thời kỳ nhà Trần, vua Trần Thái Tông niên hiệu Nguyên Phong năm thứ 2 (1252) gọi là “*Trại*”; đến đời vua Trần Dụ Tông, khoảng năm Thiệu Phong (1341 - 1357), đổi làm “*Lộ*”, chia đặt 3 phủ (Thanh Hóa, Cửu Chân và Ái Châu). Cuối thời Trần (1397), Hồ Quý Ly ép Thuận Tông dời kinh đô vào động An Tôn, đặt làm Trần Thanh Đô “lấy 3 phủ này lệ thuộc vào trấn ấy”⁽¹⁾.

Nhà Hồ, Hồ Quý Ly đổi phủ Thanh Hóa thành phủ Thiên Xương, hợp với Cửu Chân và Ái Châu làm tam

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, tr.1078.

phủ, gọi là Tây Đô. Thời thuộc Minh, giai đoạn (1414 - 1427), lại hợp làm phủ Thanh Hóa.

Nhà Hậu Lê, đầu niên hiệu Thuận Thiên (1428 - 1433), vua Lê Thái Tổ đổi thuộc vào đạo Hải Tây; niên hiệu Thiệu Bình năm thứ 2 (1435), vua Thái Tông lấy 6 phủ là: Thiệu Thiên, Hà Trung, Tĩnh Gia, Thanh Đô, Trường Yên, Thiên Quan lệ vào phủ Thanh Hóa. Đến đời Lê Thánh Tông, niên hiệu Quang Thuận năm thứ 7 (1466), chia cả nước thành 12 đạo thừa tuyên, đặt ra Thanh Hóa thừa tuyên, gồm 6 phủ, 22 huyện, 4 châu. Đến đây, tách 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan lệ vào Sơn Nam. Năm Quang Thuận thứ 10 (1469), đổi Thanh Hóa thừa tuyên thành Thanh Hoa thừa tuyên.

Đến niên hiệu Hồng Đức năm thứ 21 (1490) đổi làm “*xứ*”; niên hiệu Hồng Thuận đời vua Lê Tương Dực (1509 - 1516), gọi là “*trấn*”. Sau đó đến thời Lê Trung Hưng (1533 - 1789) đặt làm Thanh Hoa nội trấn, lấy hai phủ Trường Yên và Thiên Quan của trấn Sơn Nam cho lệ thuộc vào gọi là Thanh Hoa ngoại trấn. Nhà Tây Sơn, lấy Thanh Hoa ngoại trấn lệ vào Bắc Thành.

Thời Nguyễn, đầu niên hiệu Gia Long, vẫn gọi là Thanh Hoa nội trấn. Các văn bản hành chính dưới hai triều Gia Long, Minh Mệnh đều gọi tắt là Thanh Hoa trấn. Trong tờ tấu về tình hình an ninh trong hạt gửi lên triều đình đề ngày 22 tháng 6 năm Minh Mệnh thứ 7 (1826) có ghi: “*Trấn Thanh Hoa, thần Nguyễn Văn Hiếu,*

thần Nguyễn Hữu Phụng, Nguyễn Công Trứ kính tâu: Từ tháng 2 trở lại đây, thổ phỉ ở các huyện thuộc trấn hạt đều đã im hơi”⁽¹⁾.

Đến niên hiệu Minh Mệnh năm thứ 12 (1831), chia cả nước thành 30 tỉnh, Thanh Hoa trấn được đổi gọi là tỉnh Thanh Hoa. Khi Thiệu Trị lên ngôi vì có mẹ là Tá Thiên Nhân hoàng hậu Hồ Thị Hoa⁽²⁾, nên dưới triều Thiệu Trị có sự thay đổi tên gọi và cách viết của địa danh Thanh Hóa (điều đó được thể hiện trong các sách biên soạn thời Nguyễn). Mặc dù, ngay năm đầu niên hiệu Thiệu Trị, bộ Lễ đã dâng các quốc húy, trong đó quy định: *“Các chữ khi làm văn phải viết chữ xuyên lên trên chữ ấy, khi đọc thì đọc chệch sang tiếng khác; tên người, tên đất không được dùng, gồm hai chữ Hoa và chữ Thật.*

(1). Tài liệu lưu trữ tại Cục Lưu trữ Nhà nước, *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập 2, năm Minh Mệnh thứ 6 (1825) và thứ 7 (1826), Nxb. Văn hóa, 1998, tr.691.

(2). Tá Thiên Nhân hoàng hậu húy là Hồ Thị Hoa, người Bình An, Biên Hòa, là con gái của Phúc Quốc công Hồ Văn Bôi, mẹ là Phúc Quốc phu nhân Hoàng thị. Bà sinh ngày 05 tháng 11 năm Tân Hợi (1791). Năm Bính Dần (1806), Đức Thế tổ và Thuận Thiên hoàng hậu tuyển chọn con gái công thần làm phi cho Thánh tổ; bà được chọn làm chính thất, tiến vào hầu ở tiềm đế. Bà có đức tính dịu dàng, thận trọng, hiền đức, một lòng hiếu kính nên Thế tổ rất khen ngợi và ban cho bà tên là Thật, ngài nói: *“Phi nguyên có tên là Hoa, là lấy ý nghĩa ở 4 chữ “Đặc dĩ phương văn” (để truyền hương thơm) sao bằng tên Thật, gồm cả phúc lẫn quả”*. Một năm sau, vào ngày 16 tháng 6, bà sinh ra Hoàng tử trưởng là Nguyễn Phúc Miên Tông, rồi 13 ngày sau bị bệnh hậu sản mà mất, khi chỉ mới 17 tuổi. Lãng táng ở núi Cư Chính, huyện Hương Thủy (nay là thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế).

*Chữ khi làm văn phải bớt nét, khi đọc chệnh sang âm khác”. Song, do Thanh Hoa là đất “thang mộc”, nên vua Thiệu Trị vẫn cho giữ nguyên tên gọi của tỉnh Thanh Hoa và khi viết văn bản thì ghi ký hiệu lên đầu chữ để biết là chữ kiêng húy. Do đó, từ năm 1841 đến tháng 7 năm 1843, trong các văn bản hành chính nhà nước đều viết là tỉnh Thanh để nhằm chỉ tỉnh Thanh Hoa. Cụ thể như trong tờ tấu đề ngày 01 tháng 7 năm Thiệu Trị nguyên niên bộ Lại tâu: “*Tỉnh Thanh dân số nói hiện nay phủ Hà Trung và hai huyện Nga Sơn, Cẩm Thủy đều khuyết Lại mục, xin cho bọn Thư lại Nguyễn Huy Quang, Lê Văn Chân và Trần Công Trí sung bổ*”⁽¹⁾.*

Đến năm Quý Mão, ***niên hiệu Thiệu Trị năm thứ 3 (1843), mùa thu tháng 7 cho đổi Thanh Hoa tỉnh thành Thanh Hóa tỉnh.*** Đại Nam thực lục có ghi: “*Đổi tên gọi tỉnh Thanh Hoa là tỉnh Thanh Hóa. Trước kia, vì húy nhà vua, phải đổi lại cả ấn triện. Nay, vua nói: “Những chữ húy ở Thái miếu rất là tôn trọng, theo lễ phải nên cung kính mà kiêng tránh. Nhưng đối với cái nơi phát tích nghìn muôn đời, cũng phải nên còn lại sự thực. Xét các sử sách của nước Nam, tỉnh Thanh đời cổ là Thanh Hóa. Vậy chuẩn cho lấy lại tên cổ, phàm các dấu quan phòng*

(1). Bản gốc tờ châu bản chữ Hán, lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, triều Thiệu Trị nguyên niên.

và *án triện cũng đều đổi lại mà ban cấp*”⁽¹⁾. Do đó, các văn bản hành chính tấu sớ lệnh,... đều dùng tên gọi và cách viết Thanh Hóa tỉnh và tên gọi đó tồn tại cho đến ngày nay.

2. Một số sử liệu viết về Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện trước và sau năm 1029

Thanh Hóa tự hào là vùng đất khởi nghiệp của nhiều triều đại quân chủ (triều Tiền Lê, triều Hồ, triều Hậu Lê (Lê Sơ, Lê Trung Hưng) và triều Nguyễn), là đất “thang mộc” của các dòng chúa Trịnh, chúa Nguyễn. Trên địa bàn Thanh Hóa từng diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước được ghi chép khá đầy đủ trong các bộ chính sử từ thời cổ - trung đại đến thời cận hiện đại. Nhiều vấn đề về lịch sử Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dân tộc được nghiên cứu đầy đủ, toàn diện đã khẳng định Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương xuất hiện năm 1029. Tuy nhiên vẫn có một số sách, tư liệu ghi chép Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện trước và sau năm 1029.

2.1. Sử liệu về Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện trước năm 1029

Trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú đã viết: “*Nguyên trước là Tượng Quận, Tần, Hán gọi là quận Cửu Chân, Lương đặt là Châu Ái. Tùy*

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 24, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1970, tr.387-388.

lại gọi là Cửu Chân. Thời Đinh, Lê cũng như thế. Nhà Lý đổi thành trại, rồi đổi làm phủ. Nhà Trần đổi là lộ Thanh Hóa. Khi nhà Trần dời về đóng ở Tây Đô đổi làm Thanh Đô trấn. Nhà Hồ đổi thành phủ Thiên Xương, gồm cả Cửu Chân, Ái Châu gọi là Kinh kỳ tam phủ. Khi thuộc Minh lại gọi là phủ Thanh Hóa và phủ Ái Châu. Nhà Lê cũng như thế. Trong đời Quang Trung đặt là Thừa tuyên Thanh Hoa”⁽¹⁾.

Theo tài liệu *Lĩnh ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi, sử gia thời Nam Tống, viết về nước An Nam như sau: “*Giao Chỉ vốn là Tượng Quận thời Tần. Thời Hán, Đường phân đặt, được chép trong Cổ địa Bách Việt. Trong nội địa nguy đặt 4 phủ 13 châu 3 trại. Phủ có: Đô Hộ, Đại Thông, Thanh Hóa, Phú Lương; châu có: Vĩnh An, Vĩnh Thọ, Vạn Xuân, Phong Đạo, Thái Bình, **Thanh Hóa**, Nghệ An, Giá Phong, Trà Lư, An Phong, Tô Châu, Mậu Châu, Lạng Châu; trại có: Hòa Ninh, Đại Bàn, Tân An*”.

Thời Đại Việt - khi nhà Lý dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc. Nhà Lý tiến hành sắp đặt diên cách, thiết lập bộ máy hành chính nhà nước. Theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư*: “*năm 1010, mùa đông tháng 12 đổi 10 đạo làm 24 lộ, châu Hoan, châu Ái làm trại*”⁽²⁾. Theo ghi chép của Đào

(1). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch của Viện Sử học, 1960, Nxb. KHXH, tr.42.

(2). Trích *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1972, tr.242.

Duy Anh, Lý Công Uẩn chia cả nước thành 24 lộ, song sách *Toàn thư* và *Cương mục* chỉ chép tên 12 lộ là: Thiên Trường lộ, Quốc Oai lộ, Hải Đông lộ, Kiến Xương lộ, Khoái lộ, Hoàng Giang lộ, Long Hưng lộ, Bắc Giang lộ, Trường Yên lộ, Hồng lộ, **Thanh Hóa lộ**, Diễn Châu lộ⁽¹⁾.

Cũng theo *Đại Việt sử ký toàn thư* thì khi dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, Lý Thái Tổ đã có thay đổi tên gọi ở một số nơi: “Mùa thu, tháng 7, vua từ thành Hoa Lư, dời đô ra kinh phủ ở thành Đại La, tạm đỗ thuyền dưới thành, có rồng vàng hiện lên ở thuyền ngự, nhân đó đổi tên thành gọi là thành Thăng Long; đổi châu Cổ Pháp gọi là phủ Thiên Đức, thành Hoa Lư gọi là phủ Trường Yên, sông Bắc Giang gọi là sông Thiên Đức và đổi 10 đạo trong cả nước thành 24 lộ và châu Hoan, châu Ái làm trại”⁽²⁾.

Theo sách *Thanh Hóa tỉnh chí*, trong phần khảo về thay đổi địa danh ở Thanh Hóa, có đoạn viết: “Đến đời nhà Lý, chia 10 lộ ra làm 24 lộ, còn châu Ái và châu Hoan đều đổi làm trại, sau lại đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu, Ái Châu làm Cửu Chân quận rồi lại làm Thanh Hóa phủ. Còn sự chia đặt đại khái vẫn theo quy chế cũ của các nhà Đinh, Lê. Nay thấy sử chép, ở lộ thì có An

(1). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.117.

(2). Trích *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1972, tr.265.

Phủ, ở phủ thì có Tri phủ và Phan phủ sự. Ở trại thì có trại chủ, châu thì có Tư châu, giáp thì có Quản giáp. Đầu đời nhà Trần, chia trong nước ra làm 12 lộ, mỗi lộ đều đặt hai viên quan là An Phủ sứ và Trấn Phủ sứ. Thanh Hóa là một trong 12 lộ”⁽¹⁾.

Qua các bộ sử biên niên của nước ta từ *Việt sử lược* (thế kỷ XIV), *Đại Việt sử ký toàn thư* (thế kỷ XV), *Đại Việt sử ký tiền biên* (thế kỷ XVIII) và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (thế kỷ XIX) không thấy bộ chính sử hay tài liệu nào chép sự kiện đó. Về điều này, theo Giáo sư Đào Duy Anh: “*Chúng tôi ngờ rằng tác giả Toàn thư có thể theo các tác giả của Đại Việt sử ký trước. Toàn thư lấy con số 24 lộ (phủ và châu), ở cuối thời Lý mà chép rằng Lý Thái Tổ đổi 10 đạo làm 24 lộ, chứ vị tất đời Lý Thái Tổ đã có đủ 24 lộ”⁽²⁾. Vì vậy, Danh xưng Thanh Hóa chưa thể xuất hiện vào năm đầu tiên của vương triều Lý, tức năm 1010 dưới thời Lý Thái Tổ (1009 - 1028).*

2.2. Văn bia và sử liệu về Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện sau năm 1029

Thời điểm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa sau năm 1029 được ghi chép ở các văn bia sau:

(1). Trích *Thanh Hóa tỉnh chí*, sách chữ Hán, kí hiệu A.3027, lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

(2). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.122.

Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh (ở xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung). Bia dựng ngày 3 tháng 9 năm Bính Ngọ, do Hải Chiếu Đại sư soạn, Khắc năm Thiên Phù Đại Vũ thứ 7 (1126). Văn bia có đoạn viết: *Đầu năm Anh Vũ Chiêu Thắng, Lý Thường Kiệt được phong làm em nuôi vua, trông coi mọi việc quân ở các châu trấn Thanh Hóa, quận Cửu Chân, châu Ái...*

Anh Vũ Chiêu Thắng là niên hiệu của Lý Nhân Tông từ năm 1076 đến năm 1084. Nếu nói là *năm đầu* hoặc *những năm đầu* của niên hiệu này thì hoặc là năm 1076, hoặc năm 1077 - 1078, chứ không thể là năm 1082 (năm gần cuối của niên hiệu). Theo chính sử thì năm 1076 - 1077, Lý Thường Kiệt đang ở Thăng Long cùng triều thần, tướng lĩnh và quân dân Đại Việt tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống nên ông chưa thể vào trấn trị vùng đất này. Khi mối quan hệ Đại Việt với nhà Tống đã trở lại bình thường thì Lý Thường Kiệt được điều vào Thanh Hóa để trông coi vùng phen dậu. Năm Nhâm Tuất - năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 7 là năm 1082 dương lịch, đời vua Lý Nhân Tông (1066 - 1127). Do vậy, nếu căn cứ vào văn bia trên thì Danh xưng Thanh Hóa phải có trước năm 1082.

An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký (nay thuộc phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa). Chùa có tên là Báo Ân do Lý Thường Kiệt khi cai quản trấn Thanh Hóa, sai bộ hạ Vũ Thừa Thao lấy đá núi An Hoạch xây dựng. Bia

được dựng vào năm Hội Phong thứ 9, Canh Thìn (1100) đã kể khá rõ sự nghiệp của Lý Thường Kiệt, nhất là thời gian làm Tổng trấn Thanh Hóa (1082 - 1101).

Trên văn bia có đoạn chép về Lý Thường Kiệt: *Đến năm Nhâm Tuất (1082), nhà vua đặc biệt ban thêm cho một quân Thanh Hóa làm ấp phong. Châu mục đều ngưỡng mộ phong thanh, muôn dân đều mến mộ đức độ của ông.*

Ở dưới cùng, ghi: *Chu Văn Thường giữ chức Thự Hiệu thư lang, quản câu ngự phủ, đồng Trung thư viện Biên tu, kiêm coi việc quan huyện Cửu Chân, trại Thanh Hóa, soạn thuật.*

Trên sườn bia, vào thời Trần được khắc thêm đoạn văn bản về ruộng Tam bảo của chùa vào các năm Long Khánh thứ 3 (1374) và Quang Thái thứ 2 (1389).

Qua ghi chép của văn bia, có thể khẳng định sự kiện năm 1082 được ghi trong văn bia đề cập đến Danh xưng Thanh Hóa không phải là việc khởi đặt danh xưng này mà là nhắc lại Danh xưng Thanh Hóa vốn đã có từ trước.

Để tìm hiểu thời điểm Lý Thường Kiệt được vua cử vào Thanh Hóa sớm nhất, chúng ta đối chiếu niên đại bia Báo Ân với niên đại bia Linh Xứng, thì thấy Lý Thường Kiệt trông nom mọi việc quân ở các châu thuộc trấn Thanh Hóa từ đầu niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng. Nếu

chúng ta ghép cả hai sự kiện trong văn bia Báo Ân và Linh Xứng sẽ thấy hoàn toàn khớp: *Đầu* năm Anh Vũ Chiêu Thắng (khoảng 1076 - 1077) thì ban phong chức tước, thực ấp, *đến* năm Nhâm Tuất (1082) ban thêm ấp phong. Trước một vạn hộ ở Việt Thường, sau thêm một “quân” ở Thanh Hóa. Như vậy, địa danh Thanh Hóa dù là *trại Thanh Hóa* (bia Báo Ân) hay *trấn Thanh Hóa* (bia Linh Xứng) thì tên Thanh Hóa đã được nhắc tới từ năm 1076 hoặc 1077, chứ không phải năm 1082.

Minh Tịnh tự bi văn (xã Hoằng Phúc, huyện Hoằng Hóa). Đây là tấm bia có niên đại sớm nhất ở triều Lý còn lại. Bia có hai mặt, khổ lớn 110 x 185cm, chạm rồng châu bông sen, diềm bên chạm hoa sen dây leo uốn lượn. Bia không ghi niên đại, song văn bia cho biết năm dựng chùa Minh Tịnh này vào năm 1090. Địa danh Thanh Hóa trong văn bia gắn với hai nhân vật: Quyền tri *Thanh Hóa trại*, Sùng Nghi sứ Hoàng Khánh Văn; Đồng tri *Thanh Hóa trại*, Nội điện Sùng ban Hoàng Thừa Nhĩ.

Nội dung bài văn bia hơn một ngàn chữ ca ngợi về diệu tính của đạo Phật và tấm lòng thiện nguyện của những người dựng chùa; đặc biệt trong đó có ghi:

“Quyền tri trại Thanh Hóa, Sùng Nghi sứ Hoàng Khánh Văn dựng chùa...”

Quyền tri Thanh Hóa trại, Sùng Nghi sứ Hoàng Khánh Văn ta thiết nghĩ...

Quyền tự chủ là Thích Pháp Lương, trụ trì tự chủ là Thích Huệ Lãng, Đồng tri trại Thanh Hóa là Sùng ban Hoàng Thừa Nhĩ lập thêm bia... ”.

Ở cuối bia có ghi dòng lạc khoản: *Ngày rằm tháng 2 năm Canh Ngọ niên hiệu Quảng Hựu thứ 6 (1090), đời vua Lý Nhân Tông.*

Theo khảo cứu của nhóm dịch chú văn bia: Sùng Nghi sứ Hoàng Khánh Văn là Quyền tri trại Thanh Hóa, ngoài ra không rõ hành trạng cụ thể. Đồng tri trại Thanh Hóa, Sùng ban Hoàng Thừa Nhĩ là con trai của Hoàng Khánh Văn, cũng không rõ hành trạng ra sao. Qua nội dung bia cho biết rằng: Hai cha con cùng trông coi công việc ở trại Thanh Hóa - Quyền tri trại và Đồng tri trại vào thời điểm (khắc bia) năm 1090.

Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh (bia ở làng Duy Tinh, nay thuộc xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc), được dựng vào năm Hội Tường Đại Khánh thứ nhất (1100). Bia ghi công một vị quan kế nhiệm với Lý Thường Kiệt đã có công với chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh. Đặc biệt, văn bia cũng ghi rõ danh xưng “*trấn Thanh Hóa*” ở đoạn mở đầu: “*Thông thiên Hải chiếu đại sư, tứ tử, Thích Pháp Bảo là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tự Thánh, quận Cửu Châu, trấn Thanh Hóa, kiêm chức Tri giáo môn công sự của bản quận, soạn lời*”.

Khi ghi chép đến công lao của Thông phán Chu Công, văn bia Sùng Nghiêm Diên Thánh còn nêu rõ được hệ thống hành chính của trấn Thanh Hóa dưới triều vua Lý Nhân Tông như: *“Năm Ất Mùi, Hội Tường Đại Khánh thứ 6 (1115), (ông) kính vâng chiếu chỉ tới giữ quận phủ, quyền thống lĩnh các việc quận châu của năm huyện và ba nguồn thuộc trấn Thanh Hóa... Mùa thu nhà vua xuống chiếu sai ông thống lĩnh dân chúng sửa sang nha thự ở quận, xây dựng điện đường cùng lang vũ chung quanh. Cũng cố thành quách, chia đặt trạm dịch, khai đào sông ngòi, mở mang vườn tược. Khi công việc đã thành, nhà vua thấy ông có tài năng, thăng ông làm chức Bí thư lang kiêm giữ công việc nội phủ, rồi lại trao trọng trách trông coi trấn Thanh Hóa”*.

Càn Ni sơn Hương Nghiêm tự bi minh (nay thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa), dựng vào năm 1125. Nội dung bia ghi chép về lịch sử xây dựng chùa và nêu việc Lý Thường Kiệt trong thời gian làm Tổng trấn Thanh Hóa đã cho tu sửa lại chùa Hương Nghiêm,...

Về địa danh, trong nội dung bia chỉ thấy ghi *“quận Cửu Chân, Châu Ái”*, không thấy ghi địa danh *“Thanh Hóa”*. Cụ thể là: *“Chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni là ngôi chùa do Thiên sư Đạo Dung tu sửa. Tổ tiên của Thiên sư là Trấn quốc bệch xạ Lê công thuộc một dòng họ lớn ở quận Cửu Chân, châu Ái, nước Việt. Về sau Đinh*

Tiên Hoàng biết ông là người có đạo nghĩa bèn phong trước Kim tử quang lộc đại phu, cho làm Đô quốc dịch sứ quận Cửu Chân, châu Ái, lại sắc ban cho nửa cõi”.

Như vậy, trong 5 văn bia thời Lý ở Thanh Hóa, có 4 văn bia ghi được địa danh Thanh Hóa (trong đó: 03 văn bia đầu ghi “*trại Thanh Hóa*”, 01 văn bia ghi “*trấn Thanh Hóa*”). Văn bia chùa Hương Nghiêm không đề cập đến địa danh Thanh Hóa, nhưng cho biết địa danh Thanh Hóa ở thời Đinh, Lê là Châu Ái, quận Cửu Chân, nước Việt, phù hợp với tài liệu thư tịch.

Nội dung của các văn bia trên, tuy không chỉ rõ Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện chính xác vào thời điểm nào, song đã góp phần khẳng định Danh xưng Thanh Hóa có trước năm 1082.

Ngoài các văn bia trên, còn có một số sử liệu dẫn chứng về sự xuất hiện của Danh xưng Thanh Hóa như sau:

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, năm 1105 Lý Thường Kiệt mất, sử ghi tóm tắt việc Thường Kiệt đi Thanh Hóa như sau: “*Thánh Tông (1054 - 1072) cho (Lý Thường Kiệt) làm Thái bảo, ban cho phủ việt đi xét thăm các lại dân Thanh Hóa, Nghệ An. Đến khi vua thân đi đánh Chiêm Thành, cho làm tướng tiên phong, bắt được vua Chiêm là Chế Củ, có công được phong làm Phụ quốc Thái úy dao thụ chur trấn tiết độ đồng trung thượng trụ quốc thiên tử nghĩa đệ (?) phụ quốc thượng tướng quân,*

Khai quốc công, sau lại có công, được phong Thái úy, rồi chết”⁽¹⁾. Như vậy, tên Thanh Hóa đã được nhắc đến từ trước năm 1072.

Sự kiện “*Năm Tân Mão, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh năm thứ 2 (1111). Mùa xuân, phủ Thanh Hóa dâng cây cau một gốc 9 thân*”⁽²⁾ được ghi trong *Đại Việt sử ký toàn thư* không phải là năm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa. Vì nếu, Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện năm 1111 là quá muộn.

Như vậy, địa danh Thanh Hóa dù là *trại Thanh Hóa* (bia Báo Ân) hay *trấn Thanh Hóa* (bia Linh Xứng), thì tên Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương đã được nhắc tới từ năm 1076 hoặc 1077, không phải là năm 1082 hay năm 1111 mới xuất hiện.

3. Sử liệu về Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện năm 1029

Thông qua một số nguồn tư liệu (chính sử), bối cảnh lịch sử, chính trị xã hội của Ái Châu - Thanh Hóa đầu triều Lý với hàng loạt sự kiện liên tiếp xảy ra liên quan đến Vương triều (như sự kiện thần đèn Đồng Cổ báo mộng, sự kiện Lê Phụng Hiểu dẹp loạn Tam vương), góp phần khẳng định việc đổi đặt trại Ái Châu làm phủ Thanh Hóa vào năm 1029.

(1), (2). Trích *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1972, tr.244, tr 283.

3.1. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*

Là bộ quốc sử lớn nhất của Quốc sử quán triều Nguyễn, do Phan Thanh Giản làm Tổng tài cùng Phó Tổng tài Phạm Xuân Quế và các vị Toàn tu Trần Văn Vi, Đặng Quốc Lang, Hồ Sĩ Tuân, Đặng Trần Chuyên, Lê Thái Bạt, Trần Tiến Thọ..., được biên soạn bắt đầu từ năm Tự Đức thứ 9 (1856) đến năm Tự Đức thứ 12 (1859). Bộ sách đã trải qua bổ sung nhiều lần, đến năm Tự Đức thứ 24 (1871) thì sách được Duyệt nghĩ; đến năm Tự Đức thứ 25 (1872) tiến hành Duyệt kiểm; đến năm Tự Đức thứ 29 (1876) lại tiến hành *Phục kiểm*; đến năm Tự Đức thứ 31 (1878) tiến hành *Duyệt đính*; từ năm Tự Đức thứ 34 (1881) đến năm Kiến Phúc thứ nhất (1884) tiến hành *Kiểm duyệt* và *Đăng lục*, cuối cùng là việc *Phục duyệt*. Sau đó được khắc in vào ngày 21 tháng 7 niên hiệu Kiến Phúc thứ nhất.

Có thể thấy đây là bộ sử được biên tập một cách cẩn thận, chưa hề thấy trong các bộ sử Việt Nam thời phong kiến. Nội dung được thể hiện trong phần viết về “*Định bản đồ trong nước*” tháng 3 năm Kỷ Sửu, niên hiệu Quang Thuận thứ 10 (1469) đời Lê Thánh Tông. Trong phần này đã ghi rõ nhà vua định bản đồ 12 thừa tuyên (Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Nam Sách, Thiên Trường, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Thái Nguyên); phần “*Xét*” về Thanh Hóa như sau:

“Xét⁽¹⁾:

1. Thanh Hóa: Đời Hùng Vương xưa Thanh Hóa thuộc bộ Cửu Chân; nhà Tần thuộc Tượng Quận; nhà Hán, là quận Cửu Chân; Ngô, Tấn, Tống cũng theo tên cũ của Hán; Lương Võ đế đổi Cửu Chân làm Ái Châu; nhà Tùy lại gọi là quận Cửu Chân quận; nhà Đường chia đặt làm 2 quận: Ái Châu và Cửu Chân.

*Nhà Đinh và nhà Lê gọi Thanh Hóa là Ái Châu; nhà Lý đổi làm trại, năm Thiên Thành thứ 2 đổi làm **Thanh Hóa phủ**... ”⁽²⁾ (tức là năm 1029).*

3.2. Sách *Việt sử địa dư* của Phan Đình Phùng

Trong phần nói về Thanh Hóa có viết: “*Nhà Đinh, nhà Tiền Lê gọi Ái Châu, nhà Lý đổi thành trại, niên hiệu Thiên Thành năm thứ 2 (1029) đổi làm phủ Thanh Hóa*”⁽³⁾.

3.3. Sách *Dư Địa chí* của Nguyễn Trãi

Được biên soạn và dâng lên vua Lê Thái Tông năm 1435, ghi về vùng đất Thanh Hóa như sau: “*Thanh Hóa là đất của quận Cửu Chân thời thuộc Hán, đến đời*

(1). “Xét” là phần “Khảo xét”. “Xét” tổng hợp nhiều vấn đề nhỏ trong một vấn đề lớn.

- “*Lời xét*” để hiệu đính điều ghi chép trong các sách vở cũ, trích dẫn tài liệu cụ thể.

(2). Trích Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Viện Sử học (Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.1078, 1079.

(3). Phan Đình Phùng, *Việt sử địa dư*, Nxb. Nghệ An, 2008, tr.293.

Đường là đất Ái Châu (tên Ái Châu có từ thời Lương Vũ đế). Thời Ngô, Đinh, Lê, vẫn gọi là Ái Châu. Sang thời Lý, Năm Thuận Thiên thứ 1 (1010), đổi Ái Châu thành Trại. Năm Thiên Thành thứ 2 (1029) thì đổi thành phủ Thanh Hóa. Nhà Hồ lại đổi phủ Thanh Hóa thành phủ Thiên Xương cùng với Cửu Chân và Ái Châu là miền phụ ký của Tây Đô. Thời thuộc Minh lại đặt làm phủ Thanh Hóa gồm phủ Thanh Hóa, Ái Châu và châu Cửu Chân... ”⁽¹⁾.

3.4. Sách Việt Nam quốc sử khảo của Phan Bội Châu

Trong phần địa lý, sản vật nước ta, mục tỉnh Thanh Hóa có viết: “*Cổ gọi là Cửu Chân, Tần gọi là Tượng Quận... Lý gọi là trại. Năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi thành phủ Thanh Hóa*”⁽²⁾.

3.5. Sách Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn

Trong phần dựng đặt diên cách chép về tỉnh Thanh Hóa như sau: “*Nước ta từ thời Đinh Lê vẫn theo Châu Ái, đời Lý năm Thuận Thiên thứ 1 đổi làm trại, sau đổi làm phủ Thanh Hóa (tên Thanh Hóa bắt đầu từ đây)*”⁽³⁾.

(1). Nguyễn Trãi toàn tập tân biên, Nxb. Văn học, 2001, tr.547.

(2). Phan Bội Châu, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, 1990, tr.359.

(3). Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.224.

3.6. Sách *Đất nước Việt Nam qua các đời* của Giáo sư Đào Duy Anh

Trong mục XII “*Sự diên cách về địa lý hành chính qua các đời Lê, Nguyễn*” khi viết về Thanh Hóa đã ghi lại lời “*xét*” trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*: “*Cương mục (Chb,q.21) thời Đinh, Lê gọi Thanh Hóa là Ái Châu; nhà Lý đổi làm trại, năm Thiên Thành thứ 2 đổi làm Thanh Hóa phủ*”⁽¹⁾.

Qua khảo cứu của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, cho thấy: Có nhiều lý do để nhà Lý đổi danh xưng Ái Châu thành Thanh Hóa vào năm 1029. Trong bối cảnh lịch sử trước và trong năm 1029, có nhiều sự kiện xảy ra tại Ái Châu khiến nhà Lý thay tên gọi cũ, đặt tên mới.

4. Về vương triều Lý với đền thờ thần Đổng Cỗ ở làng Đan Nê

Theo truyền thuyết, thần Đổng Cỗ hay còn gọi là thần Trống Đổng, là vị thần được thờ ở đền Đổng Cỗ⁽²⁾ thuộc núi Đổng Cỗ, xưa thuộc xã Đan Nê (nay thuộc làng Đan Nê, xã Yên Thọ, huyện Yên Định). Thần đã xin theo giúp Vua Hùng đánh giặc ở Hồ Tôn. Khi thắng trận trở

(1). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.190.

(2). Hiện nay, có ba đền Đổng Cỗ thờ thần (làng Đan Nê, xã Yên Thọ, huyện Yên Định, Thanh Hóa; đền Đổng Cỗ xã Hoàng Minh, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa; đền Đổng Cỗ ở 353 đường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội).

về, Vua Hùng vào đền làm lễ tạ ơn, cho đúc trống đồng và phong cho thần là “*Đông Cổ Đại Vương*”.

Vào thời Lý, tương truyền, thần Đông Cổ đã hai lần nhập mộng báo cho Thái tử Phật Mã những việc lớn liên quan đến quốc gia:

Lần đầu tiên vào năm 1020 báo mộng giúp Thái tử Lý Phật Mã đánh thắng quân Chiêm Thành quấy rối biên giới phía nam: “*Tôi là thần núi Đông Cổ, nghe tin thái tử sang đánh phương Nam, tôi xin theo giúp để phá giặc lập chút công nhỏ*”. Sau khi thắng trận trở về, Lý Phật Mã dừng lại ở Trường Châu - nơi thờ thần Trống Đông làm lễ tạ ơn và xin được rước linh vị của thần Đông Cổ về kinh đô thờ phụng để giữ nước hộ dân. Về đến Thăng Long, văn võ bá quan và các thầy phong thủy còn đang chọn đất lập đền thì ban đêm Thần lại báo mộng: “*Xin lập đền ở bên hữu, trong Đại La thành, sau chùa Thánh Thọ*”. Thái tử theo lời, cho hưng công xây dựng, không bao lâu đền dựng xong (nay là đền Đông Cổ, địa chỉ số 353, đường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội).

Lần thứ hai, khi Thái Tổ mất vào năm Mậu Thìn (1028), Thái Tông lên nối ngôi, đêm mộng thấy thần đến báo rằng: “*Ba vị vương em vua mưu làm phản, định đem giáp binh đến, xin nhà vua nên kíp đề phòng!*”. Vua thức dậy còn chưa tin, đến sáng mới thấy việc xảy ra đúng như lời thần báo. Khi quân của Thái tử và quân của các

vương giáp trận, Lê Phụng Hiểu⁽¹⁾ đã tuốt gươm chỉ vào Võ vương: “*Bọn Vũ Đức Vương ngấp nghé ngôi báu, không coi vua nói vào đâu, trên quên ơn Tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con, vì thế thần là Phụng Hiểu xin đem thanh gươm này để dâng*”. Khi dẹp xong nạn “ba vương”, Thái Tông xuống chiếu phong thần Đồng Cổ làm “Thiên hạ minh chủ, gia tước đại vương”.

Sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, trong phần “*Du địa chí*” của Phan Huy Chú viết như sau: “*Núi Đồng Cổ ở xã Đan Nê, huyện Yên Định, thần núi rất thiêng. Thời Lý Thái Tông đi đánh Chiêm Thành, đậu thuyền ngủ tại bãi Trường Châu, thần núi báo mộng xin theo đi để lập công. Đến khi đánh được nước Chiêm về, Thái Tông sai lập miếu thờ ở Kinh sư. Khi Thái Tông lên ngôi, lại báo mộng cho biết việc ba vương mưu làm phản*”⁽²⁾.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết về việc lên ngôi của Lý Thái Tông gắn với vùng đất Ái Châu như sau: “*Phong tước vương cho thần núi Đồng Cổ, dựng miếu để tuế thời cúng tế và làm lễ thờ..., lấy ngày 25 tháng ấy,*

(1). Lê Phụng Hiểu (982 - 1059), là một đại tướng nhà Lý, phụng sự ba triều vua đầu tiên của nhà Lý (Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông). Ông là người có công rất lớn trong việc phò vua Lý Thái Tông (tức Lý Phật Mã) lên ngôi.

(2). Phan Huy Chú, “*Lịch triều hiến chương loại chí*”, phần “*Du địa chí*”, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960, tr.14.

*đắp đàn ở trong miếu, cắm cờ xí, chỉnh đốn đội ngũ, treo guom giáo ở trước thần vị, đọc lời thề rằng: “**Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết**”. Các quan từ cửa Đông đi vào, đến trước thần vị cùng uống máu ăn thề, hàng năm lấy làm lệ thường. Sau vì tháng 3 có ngày quốc kỵ, chuyển sang mùng 4 tháng 4”⁽¹⁾.*

Như vậy, dựa vào những tư liệu đã dẫn, một lần nữa khẳng định sự kiện năm 1028 với việc Lý Thái Tông được thần Đổng Cỗ báo mộng đánh thắng quân Chiêm Thành quấy rối biên giới phía Nam và sau đó báo mộng cho vua dẹp loạn “ba vương” để lên ngôi báu... Vị thần Đổng Cỗ Thanh Hóa có dấu ấn sâu sắc với vương triều Lý. Vì thế, việc thờ thần Đổng Cỗ trở thành quốc lễ của triều Lý nói riêng và các vương triều phong kiến trong lịch sử Việt Nam nói chung.

(1). Trích *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, tập 1, tr.256.

Phần hai

KẾT LUẬN VÀ QUYẾT ĐỊNH VỀ DANH XUNG THANH HÓA

1. Bàn luận của các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học về sự xuất hiện của Danh xưng Thanh Hóa

Từ năm 2010 đến cuối năm 2011, Thanh Hóa đã tổ chức hai cuộc Hội thảo khoa học bàn về “Danh xưng Thanh Hóa” và một số vấn đề có liên quan:

Cuộc hội thảo lần thứ nhất với tiêu đề *Bàn về sự ra đời của Danh xưng Thanh Hóa* diễn ra vào tháng 10 năm 2010, do Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa cùng Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa phối hợp tổ chức.

Cuộc hội thảo lần thứ hai được tổ chức vào tháng 11 năm 2011, do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đồng chủ trì với tiêu đề *Thanh Hóa - đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương khởi đầu và diễn biến*. Mặc dù chủ đề Hội thảo lần thứ hai rất cụ thể nhưng phần lớn các tham luận của các nhà nghiên cứu ở Hà Nội, Thanh Hóa, Huế... vẫn chỉ tập trung xoay quanh đến nội dung: Tên

gọi Thanh Hóa xuất hiện từ lúc nào, ít bàn đến nội dung: vào thời điểm nào miền đất Thanh Hóa ngày nay trở thành đơn vị hành chính trực thuộc triều đình Trung ương. Qua nguồn tài liệu văn bia, thư tịch, theo cách hiểu của mình, các nhà nghiên cứu đưa ra nhiều niên đại khác nhau xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa, trong đó 3 niên đại được đề cập nhiều nhất là năm 1029, năm 1082 và năm 1111.

Tuy nhiên, kết quả của hai cuộc hội thảo chưa xác định được Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện khi nào.

Thực hiện nhiệm vụ được giao trong Chương trình công tác số 07-CTr/TU, ngày 25/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Xác định Danh xưng Thanh Hóa”, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã phối hợp cùng với các viện nghiên cứu, các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu ở Trung ương và trong tỉnh tiến hành sưu tầm, nghiên cứu và tổ chức các hội thảo khoa học để xác định sự ra đời của Danh xưng Thanh Hóa.

Từ tháng 01 năm 2016, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã đề nghị và được Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Sử học thống nhất, cùng phối hợp tiếp tục thực hiện sưu tầm, nghiên cứu, dịch thuật để bổ sung sử liệu nhằm làm sáng tỏ một số nội dung trong quan điểm, ý kiến khác nhau của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu; tìm kiếm bổ sung những cứ liệu lịch sử còn thiếu được chỉ ra qua các

lần hội thảo, hội nghị trước đây; chuẩn bị nội dung tổ chức hội thảo khoa học lần thứ 3 về “*Danh xưng Thanh Hóa*”.

Để chuẩn bị cho Hội thảo, Ban Tổ chức Hội thảo đã lựa chọn và mời các nhà khoa học, nhà nghiên cứu thuộc Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Sử học, Viện nghiên cứu Hán Nôm, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Phân viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam tại Huế, Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Hội Văn học Nghệ thuật Thanh Hóa, Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa, Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa... nghiên cứu và viết bài tham luận.

Được sự thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sáng ngày 23/5/2017, Ban Tổ chức đã tiến hành tổ chức Hội thảo khoa học “*Về Danh xưng Thanh Hóa*” với sự tham gia của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu về lịch sử trong nước và trong tỉnh, cùng dự Hội thảo có các đồng chí trong Thường trực, nguyên Thường trực Tỉnh ủy; các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy; lãnh đạo một số sở, ban, ngành của tỉnh. Đồng chủ trì Hội thảo là GS. NGND Phan Huy Lê, Chủ tịch danh dự Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam; đồng chí Nguyễn Văn Phát, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo

Tỉnh ủy Thanh Hóa và PGS.TS. Nguyễn Đức Nhuệ, Phó Viện trưởng Viện Sử học Việt Nam.

Hội thảo đã nhận được 24 báo cáo gửi đến từ cán bộ, nhà nghiên cứu của các cơ quan trong tỉnh như: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa, Hội Khoa học Lịch sử, Hội Văn học Nghệ thuật, Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa; từ một số tỉnh bạn như: Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Nghệ An, Trường Đại học Vinh; từ nhiều cơ quan nghiên cứu Trung ương như: Viện Sử học Việt Nam, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

Qua các báo cáo và tham luận tại Hội thảo, các nhà nghiên cứu, nhà khoa học đã phân tích, chứng minh sự ra đời của Danh xưng Thanh Hóa qua các cứ liệu lịch sử và khẳng định: “Thái Tông lên ngôi năm trước (1028) thì năm sau (1029) đổi đặt trại Ái Châu làm phủ Thanh Hóa” và tên Thanh Hóa bắt đầu từ đây⁽¹⁾; “việc tìm hiểu danh xưng các địa phương không thể không đặt nó trong quá

(1). Trích *Thời điểm ra đời địa danh Thanh Hóa*, Kỷ yếu Hội thảo Danh xưng Thanh Hóa năm 2017, tr.21.

trình quản lý, thiết lập bộ máy và các đơn vị hành chính của chính quyền đương thời. Thật khó xác định một cách đầy đủ quy mô và vị trí hành chính các loại như: châu, đạo, lộ, phủ qua những điều chỉnh và đổi thay giai đoạn này. Các công trình biên khảo, nghiên cứu về địa lý học lịch sử, trên cơ sở các nguồn thư tịch về Danh xưng Thanh Hóa vẫn còn nhiều bỏ ngỏ,... địa danh Thanh Hóa - với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương xuất hiện năm 1029⁽¹⁾; “Mặc dù niên đại 1029 không ghi vào phần chính văn trong bộ Cương mục mà chỉ ghi trong lời Xét của sử thần triều Nguyễn nhưng nó cũng có giá trị sử liệu nhất định... có thể chọn năm 1029 (năm Thiên Thành thứ 2, triều vua Lý Thái Tông) là năm ra đời của Danh xưng Thanh Hóa⁽²⁾; “Danh xưng Thanh Hóa đã xuất hiện từ năm Kỷ Tỵ, niên hiệu Thiên Thành thứ 2 (1029) dưới đời vua Lý Thái Tông⁽³⁾; “Tên gọi địa danh hành chính phủ Thanh Hóa lần đầu tiên được biết đến là năm 1029. Đơn vị phủ có thể tương đương với trại, lộ, thừa tuyên, trấn, tỉnh sau này. Như vậy, nếu tính từ năm 1029 đổi (trại) làm phủ Thanh Hóa, cho đến năm 2016, tỉnh Thanh Hóa đã trải qua lịch sử 987 năm thành

(1). Trích Từ *Ái Châu đến Thanh Hóa lộ trong thời kỳ mở đầu kỷ nguyên Đại Việt*, Kỷ yếu Hội thảo Danh xưng Thanh Hóa năm 2017, tr.25, 28.

(2). Trích *Thử đưa ra vài niên đại về Danh xưng Thanh Hóa qua tài liệu văn bia và thư tịch*, Kỷ yếu Hội thảo Danh xưng Thanh Hóa năm 2017, tr.40.

(3). Trích *Danh xưng Thanh Hóa*, Kỷ yếu Hội thảo Danh xưng Thanh Hóa năm 2017, tr.50.

lập và phát triển thịnh vượng. Tính đến năm 2019, tỉnh Thanh Hóa tròn 990 tuổi; đến năm 2029 tỉnh Thanh Hóa tròn 1000 tuổi”⁽¹⁾; “... nên chọn năm 1029. Đó là ý kiến của Nguyễn Trãi, của Quốc sử quán triều Nguyễn, của Đào Duy Anh”⁽²⁾; “địa danh hành chính Thanh Hóa (với tên gọi cụ thể *Thanh Hóa phủ*) hiện diện đầu tiên vào năm Thiên Thành thứ 2 triều Lý Thái Tông (1029) như ghi chép của *Cương mục* là hoàn toàn có cơ sở khách quan để xác định”⁽³⁾;...

Trên cơ sở các cứ liệu mà các nhà khoa học, nhà nghiên cứu viện dẫn, GS. NGND Phan Huy Lê, Chủ tịch danh dự Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đã kết luận Hội thảo: Năm 1029 được chép trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tuy có mặt hạn chế về sử liệu học nhưng vẫn là một bộ quốc sử thời Nguyễn. Vì vậy, ***Hội thảo thống nhất năm 1029 (năm Thiên Thành thứ 2) là năm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương.***

Việc xác định được năm 1029 là năm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực

(1). Trích *Góp phần xác định thời điểm xuất hiện tên địa danh hành chính Thanh Hóa*, Kỷ yếu Hội thảo Danh xưng Thanh Hóa năm 2017, tr.59.

(2). Trích *Danh xưng Thanh Hóa có từ bao giờ*, Kỷ yếu Hội thảo Danh xưng Thanh Hóa năm 2017, tr.79.

(3). Trích *Về thời điểm ra đời của tên gọi “Thanh Hóa”*, Kỷ yếu Hội thảo Danh xưng Thanh Hóa năm 2017, tr.116.

thuộc Trung ương có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi không chỉ giúp cho nhiều thế hệ người dân Thanh Hóa trả lời được câu hỏi Danh xưng Thanh Hóa có từ bao giờ mà còn thêm một lần nữa khẳng định bề dày truyền thống lịch sử hào hùng của mảnh đất xứ Thanh anh hùng và cách mạng.

2. Về ngày, tháng tổ chức lễ kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa

Trên cơ sở Kết luận số 87-KL/TU, ngày 12/6/2017 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, ngày 12/7/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc lấy năm 1029 là năm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương.

Để kịp thời tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định thời điểm tổ chức Lễ Kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tổ chức nhiều cuộc Hội nghị tham vấn và Hội thảo khoa học về việc đề xuất ngày, tháng Kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa. Thông qua các hội nghị, hội thảo, các đồng chí lãnh đạo tỉnh, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đề nghị xác định thời gian tổ chức Lễ kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa tập trung vào một số thời điểm trong năm 2019, như: ngày 20 tháng 2 (gắn với sự kiện Bác Hồ về thăm Thanh Hóa); ngày 03 - 04 tháng 4 (gắn

với Hàm Rồng chiến thắng); ngày 08 tháng 5 (tức ngày 04 tháng 4 âm lịch) gắn với sự kiện thần ĐỒNG CỎ; tháng 7, tháng 8 dương lịch (gắn với ngày thành lập Đảng bộ tỉnh và Cách mạng tháng Tám thành công).

Việc xác định thời điểm chính xác tháng và ngày là không thể, vì xác định năm đã khó khăn; trên cơ sở các ý kiến đề xuất của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu Trung ương và tỉnh đã khẳng định: Thần Trống đồng vốn phát tích và thờ ở đền ĐỒNG CỎ (nay thuộc làng Đan Nê, xã Yên Thọ, huyện Yên Định), tương truyền đã nhập mộng, báo cho Thái tử Phật Mã (sau này là vua Lý Thái Tông) đánh thắng quân Chiêm Thành quấy rối biên giới phía Nam và sau đó báo trước cho vua biết về việc “*ba vương*” làm loạn, cần phải đem quân dẹp ngay. Tri ân công đức của thần, Lý Thái Tông phong tước vương cho thần núi ĐỒNG CỎ, xuống chiếu dựng miếu bên hữu thành Đại La, lấy ngày 25 tháng 3 âm lịch đắp đàn dựng miếu, tuế thời cúng tế và làm lễ thờ. “*Sau vì tháng 3 có ngày quốc kỵ, chuyển sang mồng 4 tháng 4*”⁽¹⁾.

Mặt khác, theo ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư*, khi Lý Thái Tông lên ngôi (1028) đã diễn ra sự kiện

(1). Trích *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản in Nội Các Quan Bản, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam dịch (1985), Nxb. KHXH, Hà Nội, 1993, tr.89.

“Phong tước vương cho thần núi Đổng Cổ, dựng miếu tuế thời cúng tế và làm lễ thờ”. *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng ghi rõ sự kiện, giáp Đản Nãi (nơi có núi Đổng Cổ) ở Ái Châu làm phản “Mùa hạ, tháng tư, ngày mồng 1 (1029) vua thân chinh đi đánh giáp Đản Nãi, cho Đông Cung Thái Tử ở lại Kinh sư làm Giám quốc. Khi đánh được giặc Đản Nãi rồi, sai Trung sứ đốc suất người Đản Nãi đào kênh Đản Nãi. Vua từ Đản Nãi trở về Kinh sư”⁽¹⁾. Các sự kiện nổi loạn ở Ái Châu, nhất là sự kiện nổi loạn của giáp Đản Nãi làm cho Vua Lý Thái Tông cảm nhận được mối nguy cơ nghiêm trọng tại vùng đất phen đậu thứ hai của phương Nam. Nhiều ý kiến cho rằng, sau khi dẹp loạn tại Đản Nãi, Ái Châu, Vua Lý muốn vùng đất hay có nhiều hưng biến thành vùng đất thanh bình, với mong muốn “*Cái đức của người dân hóa thành thanh cao, trong sáng*”, hay là làm cho trong sạch, trong sáng (không làm phản, loạn nữa), cho nên có lẽ quyết định đổi tên Ái Châu thành Thanh Hóa diễn ra ngay sau khi dẹp loạn Đản Nãi.

Từ lý giải trên, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng: Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện ngay sau sự kiện này. Lịch sử cũng cho thấy: Các triều đại quân chủ phong kiến nước ta thường quyết định ngày trọng đại trước ngày rằm hằng

(1). Trích *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản in Nội Các Quan Bản, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam dịch (1985), Nxb. KHXH, Hà Nội 1993, tr.91.

tháng và cho rằng việc đổi Danh xưng Ái Châu thành Thanh Hóa cũng không ngoài lệ đó.

Theo sách “*Đại Nam quận huyện phong thổ nhân vật lược chí*” - sách chữ Hán, ký hiệu A.195, lưu tại Viện nghiên cứu Hán Nôm thì năm 1010, nhà Lý đổi 10 lộ thời Tiền Lê thành 24 lộ, thời điểm ấy Thanh Hóa vẫn dùng tên cũ là Ái Châu, Nghệ An là Hoan Châu. Năm Thiên Thành thứ 2 (1029), đổi Ái Châu làm Thanh Hóa phủ. Về ngày, tháng đổi đặt Danh xưng Thanh Hóa, theo như thời gian đặt đổi Hoan Châu thành Nghệ An vào tháng Tư, thì Ái Châu đổi thành Thanh Hóa cũng vào khoảng thời gian đó.

Qua các lần hội thảo và tọa đàm khoa học, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh đều thống nhất chọn ngày 8/5/2019 (tức ngày 4 tháng Tư âm lịch) để tổ chức kỷ niệm 990 năm ra đời Danh xưng Thanh Hóa. Sau khi nghiên cứu và xem xét ý kiến của các nhà khoa học, GS. NGND, Chủ tịch Danh dự Hội KHLS Việt Nam Phan Huy Lê ủng hộ và nhất trí chọn ngày lễ hội đền Đồng Cổ ngày 4 tháng Tư âm lịch (tức ngày 08/5/2019) là ngày kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa.

Với những cơ sở khoa học trên, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã báo cáo và đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thời điểm tổ chức Lễ Kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành

chính trực thuộc Trung ương là ngày 08 tháng 5 năm 2019 (tức ngày 4 tháng Tư âm lịch).

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, Ban Thường vụ Tỉnh đã ban hành Kết luận số 308-KL/TU về ngày tổ chức Lễ Kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa. Cụ thể như sau: *“Thống nhất lấy ngày 08 tháng 5 năm 2019 (tức ngày 04 tháng Tư âm lịch) là Ngày tổ chức Lễ Kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương (1029 - 2019) và ngày 08 tháng 5 dương lịch hằng năm là Ngày Kỷ niệm Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương”*⁽¹⁾.

Tại kỳ họp thứ 6, Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII đã thông qua Nghị quyết số 112/NQ-HĐND (ngày 11/7/2018) về ngày Kỷ niệm Danh xưng Thanh Hóa. Nghị quyết nêu rõ: Ngày Kỷ niệm Danh xưng Thanh Hóa: Ngày 08 tháng 5 (dương lịch) hằng năm; Ngày tổ chức Lễ Kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa (1029 - 2019): Ngày 08 tháng 5 năm 2019 (tức ngày 04 tháng 4 âm lịch)⁽²⁾.

(1). Trích Kết luận số 308-KL/TU, ngày 12/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ngày tổ chức kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa. Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy.

(2). Trích Nghị quyết số 112/NQ - HĐND, ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh (khóa XVII), kỳ họp thứ 6. Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng HĐND tỉnh Thanh Hóa.

3. Hướng tới kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa

Việc xác định năm 1029 là năm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương là một dấu mốc có ý nghĩa hết sức quan trọng, không chỉ giúp các thế hệ người dân Thanh Hóa trả lời được câu hỏi: Danh xưng Thanh Hóa có từ bao giờ mà còn thêm một lần nữa khẳng định bề dày truyền thống lịch sử hào hùng của mảnh đất xứ Thanh anh hùng và cách mạng. Hướng tới kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa, cần phải đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân để mọi người hiểu sâu sắc sự kiện lịch sử có ý nghĩa khoa học và thực tiễn này; tạo thêm động lực mới, sức mạnh mới trong cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân đồng lòng, chung tay, góp sức xây dựng tỉnh Thanh Hóa ngày càng giàu đẹp, văn minh, sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

Thiết thực chào mừng Lễ kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, tỉnh tổ chức các hoạt động chính như: Thi tìm hiểu “990 năm Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương”; thống kê, biên tập khái quát bộ tài liệu về các triều Vua - Chúa và những danh nhân, công thần tiêu biểu là người Thanh Hóa trong lịch sử Việt Nam; tổ chức nói chuyện chuyên

đề về 990 năm Danh xưng Thanh Hóa; đúc Cao đỉnh; xây dựng phim tư liệu, phóng sự phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa; Lễ kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa; tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử - văn hóa, lịch sử cách mạng; khởi công, khánh thành các công trình chào mừng kỷ niệm; xuất bản một số cuốn sách về truyền thống lịch sử... để các tầng lớp nhân dân hiểu biết sâu sắc, trân trọng, tự hào về truyền thống lịch sử lâu đời của tỉnh Thanh Hóa trong lịch sử dựng nước và giữ nước vẻ vang của dân tộc, đồng thời thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” đối với các thế hệ cha ông đã có công bảo vệ, dựng xây quê hương, đất nước, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của Thanh Hóa đối với bạn bè trong nước và quốc tế.

Các hoạt động tiến tới kỷ niệm và Lễ kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa là dịp để khẳng định vị trí, vai trò và những đóng góp to lớn của Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dựng nước, giữ nước; phát huy các giá trị truyền thống và lịch sử của cộng đồng các dân tộc xứ Thanh trong phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đấu tranh phòng, chống thiên tai, chống giặc ngoại xâm, xây dựng quê hương, đất nước... tạo không khí phấn khởi, tự hào, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh nhà trong việc xây dựng Thanh Hóa sớm trở thành tỉnh kiểu mẫu như Bác Hồ kính yêu mong muốn.

KẾT LUẬN

Thanh Hóa là mảnh đất giàu truyền thống trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Xứ Thanh cũng là nơi phát tích, sản sinh ra nhiều bậc vua chúa, anh hùng hào kiệt, danh nhân văn hóa, làm rạng danh son hà xã tắc. Trong diễn trình của lịch sử dân tộc, vùng đất này vốn có nhiều tên gọi và tách nhập khác nhau như: *Cửu Chân bộ* thời Hùng Vương, *Tượng Quận* thời Tần; *Cửu Chân quận* thời Hán; thời Ngô thì được chia làm hai quận: *Cửu Chân* và *Cửu Đức*; đến đời Lương Vũ Đế (502 - 549), vùng phía bắc *quận Cửu Chân* được tách ra, lập làm *Ái Châu*. Thời Tùy (581 - 618), *Ái Châu* lại lệ vào quận *Cửu Chân*. Đến nhà Đường (618 - 907) thì tách ra làm hai *quận Ái Châu* và *quận Cửu Chân*. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1010), Lý Thái Tổ đổi 10 đạo trong cả nước làm 24 lộ, *châu Hoan* và *châu Ái* làm *Trại*. Năm Thiên Thành thứ 2 (1029), vua Lý Thái Tông đổi thành *phủ Thanh Hóa*.

Việc xác định Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện năm 1029 với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương (năm Thiên Thành thứ 2, đời vua Lý Thái Tông) là một dấu mốc quan trọng của lịch sử xứ Thanh. Việc xác

định Danh xưng Thanh Hóa là quá trình nghiên cứu khoa học, công phu, tâm huyết và khách quan của nhiều nhà khoa học và giới nghiên cứu sử học hàng đầu của Trung ương và của tỉnh. Cùng với đó là sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa. Đây là sự kiện “lịch sử của lịch sử” đối với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thanh Hóa, không những xác định, làm sáng tỏ thời khắc lịch sử về sự ra đời của Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương mà còn nhân lên niềm tự hào của cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc trong tỉnh Thanh Hóa, tạo động lực, quyết tâm xây dựng Thanh Hóa trở thành tỉnh khá của cả nước vào năm 2020, đến năm 2030 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

Phụ lục

**MỘT SỐ CĂN CỨ SỬ LIỆU PHỤC VỤ
VIỆC QUYẾT ĐỊNH VỀ DANH XUNG THANH HÓA**

**TỪ ÁI CHÂU ĐẾN THANH HÓA LỘ
TRONG THỜI MỞ ĐẦU KỶ NGUYÊN ĐẠI VIỆT^(*)**

Trong lịch sử Việt Nam, xứ Thanh thường được biết đến với tư cách là gạch nối địa - văn hóa giữa Bắc Bộ và Trung Bộ. Địa dư và địa danh xứ Thanh, giống như nhiều địa phương khác, trong lịch sử thường xuyên biến động qua các triều đại. Những ghi chép về địa dư hành chính trong sử cũ, như cách nói của Nguyễn Văn Siêu “*nhieu chữ nhâm lẫn không sao hiểu được*”⁽¹⁾. Chính vì vậy, việc tìm hiểu danh xưng các địa phương không thể không đặt nó trong quá trình quản lý, thiết lập bộ máy và các đơn vị hành chính của chính quyền đương thời. Thật khó xác định một cách đầy đủ quy mô và vị trí hành chính các loại như *châu, đạo, lộ, phủ* qua những điều chỉnh và đổi thay giai đoạn này. Các công trình biên khảo, nghiên

(*) PGS. TS. Lâm Bá Nam, Đại học KHXH & NV - Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1). Nguyễn Văn Siêu, *Phương Đình địa dư chí*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2001, tr.42.

cứu về địa lý học lịch sử, trên cơ sở các nguồn thư tịch về Danh xưng Thanh Hóa vẫn còn nhiều bỏ ngỏ. Dưới đây chúng tôi xin điểm qua một số khảo cứu và ghi chép rất đáng lưu ý về vấn đề này.

Theo ghi chép của sử cũ, thời nhà Đường, năm Vũ Đức thứ 5 (622) đặt Giao Châu Đại tổng quản phủ, quản lĩnh 10 châu, trong đó có Ái Châu. Kể từ đó cho đến hết thời thuộc Đường vẫn tiếp tục được điều chỉnh: năm Thiên Bảo thứ 1 (742) đổi Ái Châu thành quận Cửu Chân; năm Càn Nguyên thứ 1 đổi lại thành Ái Châu.

Khi nước ta giành được độc lập chấm dứt ngàn năm Bắc thuộc khởi đầu từ chính quyền họ Khúc và tiếp đó là họ Dương, xứ Thanh vẫn là Ái Châu. Theo *Việt sử lược* và các nguồn thư tịch, Dương Đình Nghệ *người Ái Châu*⁽¹⁾, khi nắm quyền bính trong tay đã gả con gái cho Ngô Quyền và cho quản lĩnh Ái Châu là một khu vực trọng yếu trong nước⁽²⁾. Dưới thời Đinh - Lê, xứ Thanh vẫn được định danh là Ái Châu. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhà Đinh *chia nước làm 10 đạo* nhưng không ghi rõ cụ thể. Cũng theo *Toàn thư* năm 1002, thời Lê *mùa xuân, tháng 3, định luật lệ, chọn quân lính, chia tướng hiệu làm hai ban, đổi 10 đạo làm lộ, phủ, châu*⁽³⁾.

(1). *Đại Việt sử lược*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr.77.

(2). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời (nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam)*, bản in lần thứ hai, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1996, tr.109.

(3). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, tr.230.

Các sử thần triều Lê có ghi chép về việc năm 1001, vua (Lê Hoàn) thân đi *đánh giặc* Cử Long (vùng người Mường thuộc huyện Cẩm Thủy sau này). Tiếp đó khi Long Đĩnh lên ngôi, Ngự Bắc vương cùng với Trung Quốc vương chiếm trại Phù Lan làm phản, Vua thân đi đánh. Đến Đằng Châu, Quân giáp là Đỗ Thị đem việc người anh họ ngoại là Lê Hấp Ni làm phản tâu lên (...) Đến trại Phù Lan, người trại đóng cửa trại cố thủ. Đánh không hạ được, bèn vây chặt vài tháng, người trong trại hết lương ăn. Ngự Bắc vương biết kế cùng thế khuất, bèn bắt Trung Quốc Vương đem nộp. Chém Trung Quốc vương, tha tội cho Ngự Bắc vương rồi đem quân đánh Ngự Man vương ở Phong Châu. Ngự Man vương phải chịu hàng. Quân về đến Đằng Châu, đổi tên châu ấy làm phủ Thái Bình (...) *Chuyến đi này, khi quan quân đang đánh nhau với người trại Phù Lan, chợt thấy trạm báo tin là giặc Cử Long vào cướp đã đến cửa biển Thần Đầu. Vua về đến sông Tham đi sang Ái Châu để đánh giặc Cử Long*⁽¹⁾. Như vậy cho đến thời Lê, các đạo - đơn vị hành chính đã được thay đổi thành châu (Phong Châu, Ái Châu, Hoan Châu, châu Cổ Lãm...), phủ (Thái Bình). Thanh Hóa cho đến thời điểm này vẫn mang tên *Châu Ái* hay *Ái Châu*.

Bước sang thời Đại Việt khi nhà Lý dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.230-233.

dân tộc. Nhà Lý tiến hành sắp đặt diên cách, thiết lập bộ máy hành chính nhà nước. Theo Toàn thư, *năm 1010, mùa đông tháng 12 đổi 10 đạo làm 24 lộ, châu Hoan, châu Ái làm trại*⁽¹⁾. Theo ghi chép của Đào Duy Anh, Lý Công Uẩn chia cả nước thành 24 lộ song sách *Toàn thư* và *Cương mục* chỉ chép tên 12 lộ là: Thiên Trường lộ, Quốc Oai lộ, Hải Đông lộ, Kiến Xương lộ, Khoái lộ, Hoàng Giang lộ, Long Hưng lộ, Bắc Giang lộ, Trường Yên lộ, Hồng lộ, **Thanh Hóa lộ**, Diễn Châu lộ⁽²⁾.

Đào Duy Anh dẫn *Lĩnh ngoại đại đáp* của Châu Khứ Phi đời Tống cho biết: Giao Chỉ chia làm 4 phủ, 13 châu, 3 trại. Phủ là: phủ Đô hộ, phủ Đại Thông, phủ Thanh Hóa và đoán định: *lộ Thanh Hóa, cũng gọi là phủ Thanh Hóa, thì tương đương với phủ Thanh Hóa đời Trần, là miền tỉnh Thanh Hóa*⁽³⁾.

Cũng theo Đào Duy Anh, nhà Lý bắt chước chế độ nhà Tống, chia cả nước làm nhiều lộ, mỗi lộ gồm một hay hai, ba phủ và nhiều châu. Về phủ thì các sách *Việt sử lược* và *Toàn thư* chép tên phủ Thiên Đức do châu Cổ Pháp đổi ra, phủ Trường Yên do thành Hoa Lư đổi ra, phủ Ứng Thiên sau đổi thành Nam Kinh, phủ Đô hộ là phủ trực lệ, cùng là phủ Thanh Hóa, phủ Nghệ An.

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.242. Trại ở đây được hiểu là vùng xa so với các địa phương Bắc Bộ.

(2). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Sđd, tr.117.

(3). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Sđd, tr.118-119.

Theo H. Maspéro trong chuyên luận nghiên cứu về địa lý, lịch sử thời Lý, Trần, Hồ thì phủ Thanh Hóa gồm miền Thanh Hóa và cả miền Nghệ An hiện nay(?).

Tuy nhiên, theo những ghi chép về hệ thống địa dư hành chính trong các bộ sử trước đây, việc xác định tên gọi vùng đất Thanh Hóa hiện nay rất đa dạng và khó nhận diện một cách rõ ràng. Dưới đây chúng tôi xin điểm lại hai quan điểm cơ bản và bổ sung thêm một nguồn tài liệu gợi mở về vấn đề này:

- Theo ghi chép của Đào Duy Anh thì Thanh Hóa lộ được thành lập ngay khi triều Lý ra đời (Thuận Thiên năm thứ nhất - 1010). Tuy vậy, trong *Toàn thư* mãi về sau này vẫn gọi vùng đất Thanh Hóa hiện nay là Ái Châu hay Châu Ái khiến cho việc xác định danh xưng rất khó khăn. Thêm nữa vào năm 1010 đổi châu Hoan, châu Ái làm trại và Danh xưng Thanh Hóa chưa xuất hiện. Năm 1036, châu Hoan đổi thành châu Nghệ An và cho đến năm 1043 tên gọi châu Ái vẫn được ghi chép trong *Toàn thư* và sau đó không thấy xuất hiện.

- Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn, thời Đinh, Lê, Thanh Hóa là Châu Ái, năm *Thiên Thành thứ 2 (1029)*, *Châu Ái được đổi thành Thanh Hoa phủ*⁽¹⁾.

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.514.

- Các tác giả *Địa chí Thanh Hóa* căn cứ vào các ghi chép trong *Toàn thư* và *Cương mục* cho biết tên Thanh Hóa có từ năm 1111 và ghi thêm: Tân Mão năm thứ 2 (1111), mùa xuân, phủ Thanh Hóa dăng cây cau, một góc 9 cây, đồng thời nêu nghi vấn: Thanh Hóa đổi từ lộ sang phủ (có lẽ trước năm 1111)⁽¹⁾. Để có cơ sở xem xét vấn đề này chúng tôi xin bổ sung những ghi chép trong các bộ sử dưới đây:

- *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Đại Việt sử ký tiền biên* của Ngô Thì Sĩ ghi sự kiện năm 1105 Lý Thường Kiệt mất. Trong phần công trạng nêu: khi còn trẻ là Hoàng môn chi hậu thờ Thái Tông, dần dần thăng lên đến chức Nội thị sảnh Đô tri, Thánh Tông phong làm Thái bảo, ban chiếu cho tiết việt, **đi xét hỏi các lại dân ở Thanh Hóa, Nghệ An**⁽²⁾. Theo ghi chép trên đây thì tên gọi Thanh Hóa phải xuất hiện trước năm 1072 (năm Thánh Tông mất), hay trong khoảng thời gian trị vì của Thánh Tông (1054 - 1072) nhưng không rõ vị trí hành chính Thanh Hóa lúc bấy giờ là lộ hay phủ.

Từ những tư liệu trên đây, chúng tôi nghiêng về cách hiểu việc xuất hiện địa danh Thanh Hóa - với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương xuất hiện năm 1029. Tuy nhiên cần phải tiếp tục bổ sung các nguồn tư liệu để có thể xác định chắc chắn niên đại này.

(1). *Địa chí Thanh Hóa*, tập 1, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000, tr.267.

(2). *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1997, tr.253-254; *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sdd, tr.285.

**THỬ ĐƯA RA VÀI NIÊN ĐẠI
VỀ DANH XƯNG THANH HÓA
QUA TÀI LIỆU VĂN BIA VÀ THƯ TỊCH^(*)**

Cuối tháng 11 năm 2011, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức cuộc Hội thảo khoa học với chủ đề: “*Thanh Hóa - Đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, khởi đầu và diễn biến*”. Mặc dù chủ đề Hội thảo rất cụ thể nhưng phần lớn các tham luận của các nhà nghiên cứu ở Hà Nội, Thanh Hóa, Huế... vẫn chỉ tập trung xoay quanh đến nội dung: *Tên gọi Thanh Hóa xuất hiện từ lúc nào?* chứ ít bàn đến nội dung: vào thời điểm nào miền đất Thanh Hóa ngày nay trở thành đơn vị hành chính trực thuộc triều đình Trung ương? Qua nguồn tài liệu văn bia, thư tịch, theo cách hiểu của mình, các nhà nghiên cứu đưa ra nhiều niên đại khác nhau xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa, trong đó 3 niên đại được đề cập nhiều nhất là năm 1029, năm 1082 và năm 1111.

Với mục đích duy nhất của Hội thảo lần này là bàn về *Danh xưng Thanh Hóa* thì dường như chủ đề được thu

(*). PGS. TS. Nguyễn Đức Nhuệ, Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

hẹp lại và rõ hơn. Tuy nhiên, để đưa ra được một niên đại tuyệt đối, đảm bảo khách quan khoa học thì không dễ chút nào, và có lẽ cũng sẽ nhiều ý kiến trao đổi tại Hội thảo.

Trong Hội thảo cách đây gần 6 năm, với chủ đề “*Thanh Hóa - Đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, khởi đầu và diễn biến*”, tôi cho rằng sử liệu đầu tiên viết về **phủ Thanh Hóa** (với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc triều đình Trung ương) vào năm Hội Tường Đại Khánh thứ 2 (1111). Với chủ đề lần này của Hội thảo chỉ bàn về niên đại Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện đầu tiên thì đặt niên đại năm 1111 là chưa phù hợp vì trước đó, qua nội dung một số văn bia đã thấy xuất hiện địa danh Thanh Hóa kèm theo cấp hành chính (trại, trấn, quân...).

Để khảo về Danh xưng Thanh Hóa, chúng tôi căn cứ vào hai nguồn tài liệu quan trọng là *bi ký* và *thư tịch*:

I. Bi ký

Văn bia thời Lý trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa còn lại không nhiều và đã được công bố trong các công trình dịch thuật như *Thơ văn Lý - Trần*; công trình của Nguyễn Văn Thịnh và gần đây được công bố trong *Tuyển tập văn bia Thanh Hóa*, tập 1: *Văn bia thời Lý - Trần* (Nxb. Thanh Hóa, 2012)... Dưới đây, chúng tôi đề cập đến 4 văn bia thời Lý có ghi chép về địa danh Thanh Hóa (xếp theo thứ tự năm soạn, dựng bia):

1. *Minh Tịnh tự bi văn* 明淨寺碑文⁽¹⁾.

Niên đại soạn, dựng bia: 廣祐陸年歲次庚午...
(Quảng Hựu lục niên, tuế thứ Canh Ngọ - năm Canh Ngọ, niên hiệu Quảng Hựu thứ 6, tức năm 1090).

Địa danh Thanh Hóa trong văn bia gắn với hai nhân vật:
- 權知清化寨崇儀使黃慶文 (Quyền tri *Thanh Hóa trại*, Sùng Nghi sứ Hoàng Khánh Văn).

- 同知清化寨內殿崇班黃承爾 (Đồng tri *Thanh Hóa trại* Nội điện Sùng ban Hoàng Thừa Nhĩ).

2. *An Hoạch sơn Báo Ân tự bi kí* 安穫山報恩寺碑記.

Núi An Hoạch (núi Nhòì) nay thuộc phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa.

Nội dung văn bia cho biết: Chùa Báo Ân được khởi công từ mùa hạ năm Kỷ Mão (1099), đến mùa hạ năm Canh Thìn (1100) thì hoàn thành. Như vậy, bia có thể được soạn khắc vào năm khánh thành chùa (1100). Trong bia có khắc về ruộng Tam bảo thời Trần, do đó có ý kiến

(1). Bia nghề thôn Tế Độ, xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá. Nội dung tấm bia này đã được TS. Phạm Văn Thắm công bố trong *Thông báo Hán Nôm học* năm 2000, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2001, tr.472-477.

cho rằng đến cuối thời Trần, bia được khắc lại và khắc thêm nội dung của thời sau.

Địa danh Thanh Hóa được khắc trong đoạn:

1. 署校書郎管勾御府同中書院編修兼守清化寨九真縣公事朱文常述 - Thự Hiệu thư lang, quản câu ngự phủ, đồng Trung thư viện Biên tu, kiêm thủ Thanh Hóa trại, Cửu Chân huyện công sự Chu Văn Thường thuật (Chu Văn Thường giữ chức Thự Hiệu thư lang, quản câu ngự phủ, đồng Trung thư viện Biên tu, kiêm coi việc quan huyện Cửu Chân, trại Thanh Hóa, soạn thuật).

2. Đoạn ca ngợi sự nghiệp của Lý Thường Kiệt:

至壬戌之歲皇帝特加清化一軍賜公封邑群牧向風萬民慕德: “*Chí Nhâm Tuất chi tuế, Hoàng đế đặc gia Thanh Hóa nhất quân, tứ công phong ấp, quần mục hướng phong; vạn dân mộ đức*” (đến năm Nhâm Tuất [1082], nhà vua đặc biệt ban thêm cho một quân Thanh Hóa làm ấp phong. Châu mục đều ngưỡng mộ phong thanh, muôn dân đều mến mộ đức độ của ông).

3. *Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh*: 崇嚴延聖寺碑銘

Niên đại bia: 會祥大慶九年戊戌歲拾月拾玖日

Hội Tường Đại Khánh Mậu Tuất tuế thập nguyệt thập cửu nhật (ngày 19 tháng Mười năm Mậu Tuất, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh - tức năm 1118)⁽¹⁾.

Địa danh Thanh Hóa xuất hiện trong đoạn văn:

九真郡清化鎮福延資聖寺傳法沙門兼知本郡教門公事通禪海照大師賜紫釋法寶撰 - Cửu Chân quận, Thanh Hóa trấn, Phúc Diên Tư Thánh tự, Truyền pháp sa môn kiêm tri bản quận giáo môn công sự Thông thiền Hải Chiếu đại sư, tứ tử thích Pháp Bảo soạn (*Thông thiền Hải chiếu đại sư, tứ tử, thích Pháp Bảo, là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tư Thánh, quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa, kiêm quản công việc giáo môn trong quận soạn văn bia*).

4. Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi 仰山靈稱寺碑銘⁽²⁾

Niên đại soạn, dựng bia:

天符睿武七年丙午三月初三日 - Thiên Phù Duệ Vũ thất niên Bính Ngọ tam nguyệt sơ tam nhật

(1). Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh ở làng Duy Tĩnh (nay thuộc xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa). Duy Tĩnh nguyên là trấn lý Thanh Hóa thời Lý, sau là phủ lý phủ Hà Trung.

(2). Bia hiện lưu giữ tại Bảo tàng Quốc gia Việt Nam.

(Mông 3 tháng Ba năm Bính Ngọ, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ, tức năm 1126).

Nội dung văn bia chủ yếu ca tụng công lao sự nghiệp của Thái úy Lý Thường Kiệt trong khoảng trên dưới 20 năm ông trấn trị Thanh Hóa, trong văn bia có các đoạn viết liên quan đến địa danh Thanh Hóa:

- 英武昭勝初褒天子義弟知愛州九真郡清鎮諸軍州事封食越裳萬戶 - Anh Vũ Chiêu Thắng sơ, bao thiên tử nghĩa đệ, tri Ái châu Cửu Chân quận Thanh Hóa trấn chư lộ quân châu sự, phong thực Việt Thường vạn hộ [Đầu năm Anh Vũ Chiêu Thắng⁽¹⁾ [Ông] được phong làm em nuôi vua, trông coi mọi việc quân ở các châu trấn Thanh Hóa, quận Cửu Chân, châu Ái và phong cho thái ấp một vạn hộ ở Việt Thường”.

- 九真郡清化鎮福延資聖寺傳法沙門兼知本郡教門公事覺性海照大師賜紫釋法寶撰: *Cửu Chân quận, Thanh Hóa trấn, Phúc Diên Tư Thánh tự, truyền pháp sa môn, kiêm tri bản quận giáo môn công sự, Giác tính Hải Chiếu Đại sư, tứ tử Thích Pháp Bảo soạn* (Giác tính Hải Chiếu Đại sư, tứ tử Thích Pháp Bảo, là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tư

(1). Anh Vũ Chiêu Thắng là niên hiệu của Lý Nhân Tông từ năm 1076 đến năm 1084.

Thánh, quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa, kiêm coi việc giáo môn ở bản quận soạn lời).

- 秘書省校書郎管勾御府財貨充清化郡通判李允慈書並篆額 - Bí thư sảnh hiệu thư lang quản câu ngự phủ tài hóa sung Thanh Hóa quận thông phán Lý Doãn Từ tư tịnh triện ngạch (Lý Doãn Từ, chức Bí thư sảnh, Hiệu thư lang Quản câu ngự phủ tài hóa), sung Thông phán quận Thanh Hóa viết chữ, kiêm viết chữ triện trên trán bia.

II. Tài liệu chính sử

Dưới đây chúng tôi đề cập đến các bộ sử sau:

1. *Việt Sử lược* (tác giả khuyết danh thời Trần), bản dịch của Trần Quốc Vượng xuất bản năm 1960. Năm 2005, Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm ngôn ngữ văn hóa Đông - Tây xuất bản với sự tham gia đối chiếu, chỉnh lý của Đinh Khắc Thuân và kèm theo văn bản chữ Hán.

2. *Đại Việt sử ký toàn thư (Toàn thư)* do Ngô Sĩ Liên và Sử thần triều Lê biên soạn, phần Kỷ nhà Lý (theo bản khắc in năm Chính Hòa 18 - 1697), tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1983.

3. *Đại Việt sử ký tiền biên (Tiền biên)* của Ngô Thì Sĩ, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1997.

4. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (*Cương mục*) của Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998. *Bản chữ Hán, quyển 21*.

Ngoài ra, chúng tôi tham khảo thêm *Lịch triều hiến chương loại chí (Đư địa chí)* của Phan Huy Chú; *Đại Nam nhất thống chí* (tỉnh Thanh Hóa); *Đồng Khánh địa dư chí* (tỉnh Thanh Hóa) của Quốc sử quán triều Nguyễn và *Thanh Hóa tỉnh chí* của Nhữ Bá Sĩ (bản dịch đánh máy, ký hiệu 90-92/TL-107 Thư viện tỉnh Thanh Hóa)...

Về địa danh Thanh Hóa được chép trong *Việt Sử lược, Toàn thư* và *Tiền biên* gắn với các sự kiện diễn ra dưới thời Lý như sau:

- Năm Hội Tường Đại Khánh năm thứ 2 (1111): “phủ Thanh Hóa dâng một gốc cau sinh chín cây...” (*VSL*, 112; *Toàn thư*, 300).

- Năm Hội Tường Đại Khánh thứ 3 (1112): “Thanh Hóa nói rằng ven biển có đứa trẻ lạ, tuổi lên ba, ai nói gì cũng hiểu, tự xưng chính là Giác Hoàng (Phật). Phàm vua làm việc gì nó cũng đều biết trước cả. Vua sai trung sứ đến hỏi nó, thấy những điều nó nói đều đúng, bèn đón về tại chùa Báo Thiên. Vua thấy nó linh dị lại càng yêu lắm. Bấy giờ vua không có người kế tự, toan lập nó làm Thái tử, quần thần cho là không nên, vua bèn thôi” (*VSL*, 112).

- Năm Thiên Phù Khánh Thọ thứ 1 (1127): “Mùa xuân, tháng giêng, cho Ngự khổ thư gia là Phạm Tín làm phán sự phủ Thanh Hóa” (*Toàn thư*, 311; *Tiền biên*, 259)⁽¹⁾;

- Năm Thiên Thuận thứ 1 (1128): “Người Chân Lạp vào cướp hương Đỗ Gia ở châu Nghệ An, có đến hơn 700 chiếc thuyền. Xuống chiếu sai bọn Nguyễn Hà Viêm ở Thanh Hóa và Dương Ô ở châu ấy đưa quân đi đánh, phá được... Đày người phạm tội ở châu Quảng Nguyên đến phủ Thanh Hóa” (*Toàn thư*, 318; *Tiền biên*, 265).

- Năm Thiên Thuận thứ 2 (1129): “Cho Đỗ Nguyên Thiện làm Tham tri chính sự, giữ phủ Thanh Hóa” (*Toàn thư*, 320; *Tiền biên*, 269).

- Năm Thiên Thuận thứ 3 (1130): “Cho Ngự khổ thư gia là Lương Cải giữ phủ Thanh Hóa” (*Toàn thư*, 321; *Tiền biên*, 269).

- Năm Thiên Thuận thứ 5 (1132): Xuống chiếu cho Thái úy Dương Anh Nhĩ đem người ở phủ Thanh Hóa và châu Nghệ An đi đánh quân Chân Lạp và Chiêm Thành, phá tan (*Toàn thư*, 323; *Tiền biên*, 272)...

- Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ 3 (1135): “Cho Ngự khổ thư gia Dương Chương giữ phủ Thanh Hóa” (*Toàn thư*, 325; *Tiền biên*, 273).

(1). *Tiền biên* chép: Cho Ngự khổ thư gia là Phạm Tín đi giải quyết công việc ở phủ Thanh Hóa.

- Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ 4 (1136): “Vua ngự đến phủ Thanh Hóa xem bắt voi” (*Toàn thư*, 327; *Tiền biên*, 275).

- Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ 5 (1137): “Cho Ngự khổ thư gia giữ phủ Thanh Hóa là Dương Chương làm Viên ngoại lang” (*Toàn thư*, 327; *Tiền biên*, 275).

- Năm Đại Định thứ 13 (1152): “Người Chiêm Thành là Ung Minh Ta Điệp đến cửa khuyết xin mệnh làm vua nước ấy, vua ban chiếu cho Thượng chế Lý Mông đem hơn 5.000 quân đến Thanh Hóa và Nghệ An đưa về nước ấy lập làm vua...” (*Toàn thư*, 341; *Tiền biên*, 286).

- Năm Thiên Tư Gia Thụy thứ 7 (1192): “người giáp Cổ Hoàng, phủ Thanh Hóa làm phản, sai tướng đi đánh dẹp được” (*VSL*, 162; *Toàn thư*, 354; *Tiền biên*, 301).

- Năm Thiên Tư Gia Thụy thứ 14 (1199): “... vua ngự đến phủ Thanh Hóa bắt voi và sai sứ sang phong vua nước Chiêm Thành” (*VSL*, 164; *Toàn thư*, 355; *Tiền biên*, 302).

- Năm Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 2 (1203): “bọn Phí Lang ở sông Đại Hoàng làm phản... Vua sai Chi hậu Trần Lệnh Hinh làm nguyên soái, đem quân đi đánh. Lại sai Thượng thư là Từ Anh Nhĩ đem quân phủ Thanh Hóa cùng tiến” (*VSL*, 168; *Toàn thư*, 357; *Tiền biên*).

Từ năm 1111 là thời điểm địa danh Thanh Hóa xuất hiện đầu tiên (phủ Thanh Hóa) đến năm 1203, tổng cộng có 15 sự kiện (diễn ra trong 14 năm), trong đó *VSL*, *Toàn thư* và *Tiền biên* cùng chép 3 sự kiện (1192, 1199 và 1203); có 13 sự kiện *Toàn thư* và *Tiền biên* cùng chép; có 1 sự kiện *VSL* và *Toàn thư* cùng chép (1111) và 1 sự kiện duy có *VSL* chép (1112).

Trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (*Cương mục*) chúng tôi đặc biệt lưu ý đến sự kiện năm Quang Thuận thứ 10 (1469), vua Lê Thánh Tông định bản đồ 12 Thừa tuyên, trong Lời chú (註), Thừa tuyên Thanh Hóa gồm 4 phủ là phủ Thiệu Thiên (quản lãnh 8 huyện); phủ Hà Trung (quản lãnh 4 huyện); phủ Tĩnh Gia (quản lãnh 3 huyện) và phủ Thanh Đô (quản lãnh 1 huyện và 4 châu)⁽¹⁾.

Trong *Cương mục*, các sử thần triều Nguyễn (những người trực tiếp biên soạn bộ sử này) đã khảo xét (按) về diên cách 12 Thừa tuyên từ thời Hùng vương đến thời Tự Đức (thời điểm biên soạn bộ *Cương mục*) và cho biết về diên cách của Thừa tuyên Thanh Hóa như sau:

按:

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Sđd, tr.1074; bản chữ Hán, quyển 21, tờ 16.

[清化]古雄王九真部... 梁武帝改九真爲爱州隋復爲九真郡唐分置爱州九真二郡丁黎爲爱州李改爲寨天成二年改爲清化府陳元豐六年復爲寨...⁽¹⁾.

Án:

Thanh Hóa cổ Hùng vương Cửu Chân bộ... Lương Vũ đế cải Cửu Chân vi Ái Châu, Tuỳ phục vi Cửu Chân quận, Đường phân trí Ái Châu, Cửu Chân nhị quận. Đinh, Lê vi Ái Châu, Lý cải vi trại, Thiên Thành nhị niên cải vi Thanh Hóa phủ. Trần Nguyên Phong lục niên phục vi trại...

Dịch nghĩa:

Thời Hùng vương xưa Thanh Hóa thuộc bộ Cửu Chân... Lương Vũ đế đổi Cửu Chân làm Ái Châu; nhà Tuỳ lại gọi là Cửu Chân quận; nhà Đường chia đặt làm hai quận Ái Châu và Cửu Chân; nhà Đinh, nhà Lê gọi là Ái Châu, nhà Lý đổi làm trại, **năm Thiên Thành thứ 2 đổi làm Thanh Hóa phủ**; nhà Trần năm Nguyên Phong thứ sáu gọi là trại...

Thiên Thành là niên hiệu của vua Lý Thái Tông từ tháng Tư năm Mậu Thìn (1028) đến hết năm Quý Dậu (1033) và năm thứ 2 là năm 1029.

(1). *Cương mục*, quyển 21, tờ 19. Trong đoạn văn trên hai chữ 清化 được đặt trong ô vuông.

Địa danh Thanh Hóa, cấp hành chính phủ Thanh Hóa được chép lần đầu tiên trong thư tịch *qua lời xét của sử thần* triều Nguyễn khi biên soạn *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* là vào năm **1029** (Thiên Thành năm thứ 2, triều vua Lý Thái Tông) còn địa danh Thanh Hóa, cấp hành chính phủ Thanh Hóa được chép lần đầu tiên trong thư tịch ở *phần chính văn* của ba bộ sử: *Việt Sử lược*, *Toàn thư* và *Tiền biên* là vào năm **1111** (Hội Tường Đại Khánh thứ 2, triều vua Lý Nhân Tông)⁽¹⁾. Hai niên đại này cách nhau 82 năm. Tên gọi hành chính *cấp phủ Thanh Hóa* chép lần cuối cùng vào năm 1234: *nhà Trần phong Trần Thủ Độ làm Thống quốc Thái sư, trông coi việc ở phủ Thanh Hóa*. Từ năm 1242, Thanh Hóa trở thành đơn vị hành chính cấp Lộ.

Trong cuộc Hội thảo cuối năm 2011, một số nhà nghiên cứu căn cứ vào ghi chép của *Cương mục* khi chú thích về địa danh Thanh Hóa đã đưa ra kết luận: *Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện lần đầu tiên vào năm Thiên Thành thứ 2 (1029) triều vua Lý Thái Tông* và cũng có ý kiến cho rằng lấy niên đại 1082 khi địa danh Thanh Hóa

(1). Trong *Tiền biên*, địa danh Thanh Hóa được chép sớm nhất năm 1105, là năm Thái úy Lý Thường Kiệt qua đời. Đoạn văn chép như sau: "... khi còn trẻ là Hoàng môn chi hậu thờ Thái Tông dần dần thăng lên đến chức Nội thị sảnh đô tri. Thánh Tông phong làm Thái bảo, ban chiếu cho tiết việt, đi xét hỏi các lại dân ở *Thanh Hóa, Nghệ An*...". Tuy nhiên theo chúng tôi, đoạn văn này Ngô Thì Sĩ muốn chú thích rõ hơn về hành trạng của Lý Thường Kiệt.

xuất hiện trên tấm bia *An Hoạch sơn Báo Ân tự bi kí* 安獲山報恩寺碑記. Ngoài ra, đây đó có một vài ý kiến đề xuất chọn thời điểm 1111 là năm địa danh Thanh Hóa với sự xuất hiện cấp hành chính phủ *Thanh Hóa*. Tôi cho rằng những ý kiến trên sẽ được thảo luận nghiêm túc trong cuộc Hội thảo lần này nhằm đưa ra được những bằng chứng khoa học tin cậy nhất.

Trở lại với vấn đề thời điểm xuất hiện đầu tiên của Danh xưng Thanh Hóa, tôi có vài ý kiến tham góp như sau:

Hiện tại, chúng ta đang quan tâm đến hai niên đại là năm 1029 và năm 1082.

Về niên đại 1029: đây là quan điểm của các sử gia triều Nguyễn khi khảo xét về diên cách địa danh, hành chính của Thanh Hóa (nhân việc lập Thừa tuyên Thanh Hóa năm Quang Thuận thứ 10 - 1469, dưới triều Lê Thánh Tông), từ thời Hùng Vương, trải qua hơn 10 thế kỷ Bắc thuộc, đến các triều Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Mạc, Lê Trung Hưng, Tây Sơn và triều Nguyễn. Giới hạn niên đại cuối cùng của việc khảo xét địa danh, cấp hành chính Thanh Hóa đến năm Thiệu Trị thứ 3 (1843). Nhiều công trình địa lý học lịch sử sau này như *Đại Nam nhất thống chí*, *Đồng Khánh địa dư chí*; *Việt sử địa dư* (Phan Đình Phùng)⁽¹⁾... cũng bị chi phối từ quan điểm này.

(1). Phan Đình Phùng, *Việt sử địa dư*, Nguyễn Hữu Mùi dịch, Nxb. Nghệ An, 2008, tr.92, 93.

Diên cách Thanh Hóa - Thanh Hoa được ghi chép khá nhiều trong các bộ địa lý học lịch sử. Dưới đây, chúng tôi điểm lại ý kiến của Phan Huy Chú về vấn đề địa danh Thanh Hóa.

Trong phần *Dư địa chí*, mục *Thanh Hoa* sách *Lịch triều hiến chương loại chí* Phan Huy Chú cho biết: *Thanh Hoa... [thời] Tấn, Hán gọi là quận Cửu Chân, [thời] Lương đặt là châu Ái, [thời] Tùy gọi là Cửu Chân, [thời] Đường đổi là châu Ái. Thời Đinh cũng theo như thế. Nhà Lý đổi làm trại, rồi đổi làm phủ⁽¹⁾.*

Qua nội dung ghi chép trên đây cho thấy: Danh xưng Thanh Hóa bắt đầu được đổi từ Ái Châu, đầu tiên đổi là *trại Thanh Hóa*, sau mới đổi thành *phủ Thanh Hóa*. Và một điều rất dễ nhận thấy là từ sau khi xuất hiện địa danh Thanh Hóa (trại Thanh Hóa hay phủ Thanh Hóa) thì địa danh Ái Châu biến mất trong các bộ sử.

Dưới đây, chúng tôi điểm qua một số ghi chép về các sự kiện thời Lý liên quan đến địa danh Ái Châu:

- Năm 1011: Vua [Lý Thái Tổ] thân đi dẹp giặc Cử Long ở Ái Châu (VSL, 75, *Toàn thư*, 243; *Tiền biên*, 198).

Năm 1029: Giáp Đản Nãi ở châu Ái làm phản (VSL, 79, *Toàn thư*, 259; *Tiền biên*, 213).

(1). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1992, tr.42.

- Năm 1035: Người Châu Ái làm phản... (VSL, 81, *Toàn thư*, 264; *Tiền biên*, 216).

Năm 1043: Mùa xuân, tháng Giêng, Châu Ái làm phản... (VSL, 84, *Toàn thư*, 272; *Tiền biên*, 223).

Năm 1050: Giáp Long Trì ở Ngũ Huyện Giang thuộc Ái Châu làm phản... (VSL, 87).

Năm 1061: Ngũ Huyện Giang ở Ái Châu làm phản (VSL, 93).

Từ năm 1043 trở về sau, *Toàn thư* và *Tiền biên* không chép địa danh Ái Châu và từ năm 1061 trở về sau, *Việt Sử lược* cũng không chép về địa danh Ái Châu. Tuy nhiên, trong văn bia đầu thế kỷ XII các địa danh như Cửu Chân, Ái Châu vẫn hiện diện. Trong 4 văn bia thời Lý kể trên, địa danh Ái Châu xuất hiện ở hai bia, đó là:

- **Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh**: 崇嚴延聖寺碑銘, trong đoạn văn: 於會祥大慶七年丙申春二月御駕南巡至愛州遂纜龍舟暫停銜仗

- *Ư Hộì Tường Đại Khánh thất niên Bính Thân xuân nhị nguyệt, ngự giá Nam tuần chí Ái Châu toại lã long chu, tạm đình loan trượng*. (Tháng Hai năm Bính Thân niên hiệu Hộì Tường Đại Khánh, nhà vua tuần du phương Nam, đến Ái Châu liền buộc thuyền rồng, tạm dừng nghi trượng...).

- *Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi* 仰山靈稱寺碑銘, trong đoạn 英武昭勝初褒天子義弟知愛州九真郡清鎮諸軍州事封食越裳萬戶 “Anh Vũ Chiêu Thắng sơ, bao thiên tử nghĩa đệ, tri Ái châu Cửu Chân quận Thanh Hóa trấn chư lộ quân châu sự, phong thực Việt Thường vạn hộ”. (Đầu năm Anh Vũ Chiêu Thắng [Ông] được phong làm em nuôi vua, trông coi mọi việc quân ở các châu trấn Thanh Hóa, quận Cửu Chân, châu Ái và phong cho thái ấp một vạn hộ ở Việt Thường).

Về sự xuất hiện của địa danh Ái Châu, chúng tôi nhận thấy:

- Qua thư tịch, địa danh Ái Châu tồn tại đến năm 1061.
- Qua văn bia, địa danh Ái Châu tồn tại đến đầu thế kỷ XII (muộn nhất là năm 1116).

Như vậy, theo nội dung văn bia thì đến thập niên thứ hai (thế kỷ XII), địa danh Ái Châu vẫn còn được sử dụng, khi đó Ái Châu có thể là một cấp hành chính trực thuộc phủ Thanh Hóa?

Nếu như Thanh Hóa được đặt thành phủ vào năm Thiên Thành thứ 2 (1029) như lời Xét trong *Cương mục* và một số nhà nghiên cứu sau này thừa nhận, vậy tại sao các bộ sử như *Việt Sử lược*, *Toàn thư* và *Tiền biên* từ sau năm 1029 đến năm 1061 không hề nhắc đến địa danh

Thanh Hóa mà chỉ ghi chép về địa danh Ái Châu? Liệu có phải khi ấy Ái Châu đã trở thành một cấp hành chính của phủ Thanh Hóa, và những sự kiện được các bộ sử kể trên chép lại chỉ xảy ra trên địa bàn Ái Châu? Đây cũng là vấn đề cần được nghiên cứu sâu hơn.

Địa danh Thanh Hóa xuất hiện trong văn bia chùa Báo Ân có đề cập đến niên đại 1082, là thời điểm Lý Thường Kiệt được vua Lý Nhân Tông bao phong chứ không phải là năm ông đến nhậm chức ở Thanh Hóa. Đoạn văn như sau: 至壬戌之歲皇帝特加清化一軍賜公封邑群牧向風萬民慕德: “*Chí Nhâm Tuất chi tuế, Hoàng đế đặc gia Thanh Hóa nhất quân, tứ công phong ấp, quần mục hướng phong; vạn dân mộ đức*” (đến năm Nhâm Tuất [1082], nhà vua đặc biệt ban thêm cho một quân Thanh Hóa làm ấp phong. Châu mục đều ngưỡng mộ phong thanh, muôn dân đều mến mộ đức độ của ông). Tôi cho rằng, Lý Thường Kiệt vào Thanh Hóa trước đây vài năm và đến năm Nhâm Tuất (1082), vì có công lao nơi trị nhậm, ông được đặc biệt ban thêm cho một quân Thanh Hóa làm ấp phong (*Văn bia Báo Ân*).

Trong nội dung tấm bia Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi 仰山靈稱寺碑銘 chúng tôi đặc biệt lưu ý đến đoạn: 英武昭勝初褒天子義弟知愛州九真郡清鎮諸軍州事 - Anh Vũ Chiêu Thắng sơ, bao thiên tử

nghĩa đệ, tri Ái châu Cửu Chân quận Thanh Hóa trấn chư lộ quân châu sự... *Đầu năm Anh Vũ Chiêu Thắng [Lý Thường Kiệt] được phong làm em nuôi vua, trông coi mọi việc quân ở các châu trấn Thanh Hóa, quận Cửu Chân, châu Ái...*

Anh Vũ Chiêu Thắng là niên hiệu của Lý Nhân Tông từ năm 1076 đến năm 1084. Nếu nói là *năm đầu* hoặc *những năm đầu* của niên hiệu này thì hoặc là năm 1076, hoặc năm 1077-1078 là cùng, chứ không thể là năm 1082, năm gần cuối của niên hiệu. Theo chính sử thì năm 1076-1077, Lý Thường Kiệt đang ở Thăng Long cùng triều thần, tướng lĩnh và quân dân Đại Việt tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống nên ông chưa thể vào trấn trị vùng đất này. Khi mối quan hệ Đại Việt với nhà Tống đã trở lại bình thường thì Lý Thường Kiệt được điều vào Thanh Hóa để trông coi vùng phen dậu, có thể đó là năm 1078, 1079.

Từ những phân tích trên, có thể xác định khung thời gian xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa là từ năm 1029 đến trước năm 1082.

Về niên đại 1029: đây là niên đại tuyệt đối nhưng độ tin cậy của sự kiện chưa hoàn toàn tuyệt đối (dưới góc độ sử liệu học của khoa học lịch sử).

Mặc dù niên đại 1029 không ghi vào phần chính văn trong bộ Cương mục mà chỉ ghi trong lời Xét của sử thần

triều Nguyễn nhưng nó cũng có giá trị sử liệu nhất định. *Cương mục* là bộ quốc sử lớn của triều Nguyễn, do Phan Thanh Giản làm Tổng tài cùng Phó Tổng tài Phạm Xuân Quế và các vị Toàn tu Trần Văn Vi, Đặng Quốc Lang, Hồ Sĩ Tuần, Đặng Trần Chuyên, Lê Thái Bạt, Trần Tiến Thọ..., biên soạn công phu trong nhiều năm (từ năm 1856 đến năm 1859). Trước khi khắc in và ban hành vào năm Kiến Phúc thứ nhất (1884), bộ sách đã trải qua nhiều lần *duyet nghị, duyet kiểm, phúc kiểm, duyet định và kiểm duyet*. Lần kiểm duyệt cuối cùng trước khi đem khắc in được tiến hành từ năm 1881 đến năm 1884, do Hội bộ Thượng thư, sung Kinh diên giảng quan, sung Cơ Mật viện đại thần, sung Quốc sử quán Phó Tổng tài, kiêm quản Quốc Tử giám, dung Kiên Giang quận công phủ Su bảo Phạm Thận Duật phụ trách, do đó *Cương mục* cũng có thể được coi là bộ sử chính thống, quan phương, nguồn sử liệu có độ tin cậy cao. Trong số các sử gia tham gia làm bộ *Cương mục*, sau này có Phan Đình Phùng và Nguyễn Thông cũng đã biên soạn những cuốn sử có giá trị. Học giả Đào Duy Anh (trong công trình *Đất nước Việt Nam qua các đời*)⁽¹⁾ và GS. Hà Văn Tấn (phần hiệu đính, chú thích *Dur địa chí* của Nguyễn Trãi)⁽²⁾ cũng đã

(1). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.190.

(2). *Nguyễn Trãi toàn tập*, Phan Duy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1976, tr.611.

sử dụng tư liệu trong lời *Xét* của sử thần triều Nguyễn ở bộ *Cương mục* khi chú giải về Thanh Hóa.

Về niên đại 1082: Có lẽ nhiều ý kiến đã nhất trí rằng, Danh xưng Thanh Hóa phải xuất hiện trước năm 1082 (thời điểm Lý Thường Kiệt được phong thưởng khi ông đã và đang ở Thanh Hóa), còn cụ thể năm nào thì chưa xác định được. Do vậy, chọn năm 1082 đã thật sự phù hợp chưa nếu xét về tính cụ thể, tính chính xác của sự kiện lịch sử?.

Trong khi chờ đợi những nghiên cứu mới trên cơ sở nguồn tài liệu mới đảm bảo tính xác thực, khách quan khoa học, theo tôi, có thể **chọn năm 1029** (năm Thiên Thành thứ 2, triều vua Lý Thái Tông) là năm ra đời của Danh xưng Thanh Hóa.

DANH XUNG THANH HÓA^(*)

Bất kỳ một quốc gia nào, việc phân chia các đơn vị hành chính và tên gọi là một việc rất quan trọng. Tổ chức phân chia các đơn vị hành chính và danh xưng không phải là bất biến mà luôn có sự thay đổi cho phù hợp với từng thời kỳ, để đảm bảo tính kế thừa và phát triển bền vững. Lịch sử phát triển của đất nước ta từ thời dựng nước đến tận ngày nay, việc phân chia các đơn vị hành chính cùng sự thay đổi các danh xưng tuy mỗi giai đoạn có khác nhau, nhưng nhìn chung đều xuất phát từ nhu cầu quản lý (cai trị), bảo vệ và xây dựng một chính thể nhà nước đại diện cho một quốc gia có chủ quyền và thể hiện tính lịch sử và văn hóa của một dân tộc.

Quận Cửu Chân từ thời nhà nước Văn Lang của các Vua Hùng đến tỉnh Thanh Hóa ngày nay luôn là một đơn vị hành chính trực thuộc chính quyền Trung ương, nhưng danh xưng cũng có sự đổi thay.

Năm 179 Tr. CN khi chiếm được Âu Lạc, Triệu Đà đã tiến hành sáp nhập toàn bộ đất đai Âu Lạc vào nước

(*). PGS.TS. Hà Mạnh Khoa, Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Nam Việt và đặt hai quận là Giao Chỉ và Cửu Chân dưới sự thống trị của chính quyền Nam Việt ở Phiên Ngung (Quảng Châu, Quảng Đông, Trung Quốc) và “*sai hai sứ thần coi giữ*”⁽¹⁾. Sứ thần (hay quan sứ) ở đây không phải là chức Thái thú (quan văn) hay chức Đô úy (quan võ) mà chỉ đại diện cho triều đình nhà Triệu cai quản các công việc trong quận, trong đó chủ yếu là thực hiện chế độ thuế khóa theo phương thức công nạp.

Quận Giao Chỉ tương đương với khu vực Bắc Bộ (tuy nhiên lúc đó chưa bao gồm khu vực Tây Bắc, nhưng lại mở rộng sang khu vực phía tây nam của tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay).

Quận Cửu Chân nằm ở phía nam quận Giao Chỉ chạy dài vào đến Hoành Sơn (phía nam tỉnh Hà Tĩnh, phía bắc tỉnh Quảng Bình), tương đương với khu vực các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh hiện nay. Ranh giới giữa Giao Chỉ và Cửu Chân là đèo Tam Điệp⁽²⁾. Như vậy, từ thời Văn Lang - Âu Lạc, quận Cửu Chân là một đơn vị hành chính trực thuộc chính quyền của các Vua Hùng và An Dương Vương, một đơn vị hành chính trực thuộc chính quyền trung ương.

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.89.

(2). Đèo Tam Điệp nay thuộc phạm vi phía bắc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, phía nam thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Sau khi đánh bại nhà Triệu, chiếm được nước Nam Việt, nhà Hán chia vùng đất mới chiếm ra làm 9 quận là Đam Nhĩ, Chu Nhai (thuộc đảo Hải Nam, Trung Quốc), Nam Hải, Hợp Phố, Uất Lâm, Thương Ngô (đều thuộc các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Trung Quốc), Giao Chỉ (tương đương khu vực Bắc Bộ), Cửu Chân (tương đương với vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh) và Nhật Nam (tương đương với vùng từ Quảng Bình trở vào đến Quảng Nam). Theo *Tiền Hán thư* (Mục *Địa lý chí*) đã thống kê toàn bộ châu Giao Chỉ 7 quận có 55 huyện, trong đó khu vực đất nước ta khi đó gồm 3 quận, 22 huyện.

Mỗi quận có một viên Thái thú và một viên Đô úy, trong đó Thái thú cai quản việc dân sự và Đô úy chuyên trách việc quân sự. Sách *Thủy kinh chú* của Lịch Đạo Nguyên cho biết: “*Lộ Bác Đức phong hai sứ giả làm Thái thú Giao Chỉ và Cửu Chân. Các Lạc tướng lại làm chủ, cai trị nhân dân như cũ*”⁽¹⁾.

Năm 271, sau khi đánh chiếm lại được Giao Châu từ tay nhà Tấn (giành ngôi Tào Ngụy từ năm 265), tướng Đông Ngô là Đào Hoàng đã xin với vua Ngô là Tôn Hạo đặt thêm 2 quận Vũ Bình và Tân Hưng trên cơ sở tách 3 huyện lớn quận Giao Chỉ ra và đặt thêm quận Cửu Đức tách khỏi quận Cửu Chân. Quận Cửu Đức (được tách từ

(1). Lịch Đạo Nguyên, *Thủy kinh chú*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1990, quyển 37, tr.693.

một bộ phận ở phía nam quận Cửu Chân tương ứng với huyện Hàm Hoan cũ). Quận Cửu Đức gồm sáu huyện thuộc hầu hết đất đai hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay, gồm 7 huyện. Còn quận Cửu Chân, gồm 6 huyện. Đây là lần đầu tiên quận Cửu Chân chia thành 2 quận. Đến thời điểm này cương vực của Cửu Chân cơ bản là vùng đất Thanh Hóa hiện tại và vẫn là một đơn vị hành chính trực thuộc chính quyền trung ương.

Năm 523, nhà Lương đổi Cửu Chân thành Ái Châu, đổi quận Cửu Đức thành Đức Châu. ***Đây là lần đầu tiên vùng đất xứ Thanh này được đổi tên gọi.***

Năm 607, dưới đời Tuỳ Dương Đế, nhà Tuỳ lại bỏ đơn vị hành chính cấp châu và lập lại cấp quận. Quận Cửu Chân gồm 7 huyện là Cửu Chân, Di Phong, Tư Phố, Long An, Quân An, An Thuận, Nhật Nam. Lúc này tên gọi Cửu Chân vừa là tên một quận vừa là tên của một huyện. ***Đây là lần thứ hai vùng đất xứ Thanh này được đổi tên gọi trở về tên cũ Cửu Chân.***

Thời thuộc Đường, lại đổi tên gọi cấp “quận” thành “châu”, nước ta bao gồm 12 châu là Giao Châu, Lục Châu, Phong Châu, Ái Châu, Hoan Châu, Trường Châu, Phúc Lộc Châu, Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga Châu, Diễn Châu, Vũ An Châu. Và tên gọi Cửu Chân được thay là Ái Châu. Ái Châu thời kỳ này có 6 huyện là Cửu Chân, An Thuận, Sùng Bình, Quân Ninh, Nhật Nam,

Trường Lâm. *Đây là lần thứ ba vùng đất xứ Thanh này được đổi tên gọi trở về tên Ái Châu.*

Từ đó đến năm 938, nước ta giành được quyền độc lập tự chủ. Dưới thời họ Khúc, họ Dương và Ngô Vương Quyền, các đơn vị hành chính về cơ bản như dưới thời Đường.

Sau khi dẹp xong “12 sứ quân”, năm 970, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, tổ chức bộ máy quản lý đất nước với 3 cấp là triều đình trung ương, đạo và cấp giáp, xã.

Về phân chia các đơn vị hành chính, tháng 2, mùa xuân năm 974, quốc gia Đại Cồ Việt được Đinh Tiên Hoàng “*chia trong nước làm 10 đạo*”⁽¹⁾. Đến năm 1002 nhà Tiền Lê bỏ đạo đổi thành lộ, phủ, châu (chưa có sử liệu để biết rõ được tên gọi và vị trí của các đạo, lộ, phủ, châu). Về cơ bản sự phân chia các đơn vị hành chính vẫn theo như các thời kỳ trước. Thời kỳ này vùng đất Thanh Hóa vẫn gọi là Ái Châu.

Sau khi lên ngôi năm 1010, Lý Thái Tổ chia lại các khu vực hành chính trong nước, phân chia các đơn vị hành chính thời Đinh - Lê thành 24 lộ (hay phủ, ở miền núi gọi là châu). Châu Hoan và Châu Ái gọi là “Trại”⁽²⁾. Trại ở đây gọi vùng đất xa kinh đô, còn về mặt hành

(1). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Sđd, tr.240.

(2). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1983, tập 1, tr.243.

chính vẫn là cấp trực thuộc chính quyền trung ương. *Cuong mục* đã có lời căn án: “... ở đây chép đổi 10 đạo làm hai mươi bốn lộ, đặt Hoan Châu và Ái Châu làm trại, thì bấy giờ các châu đều gọi là châu hoặc giả đặt châu làm lộ, còn *Hoan Châu* và *Ái Châu* là đất biên viễn, nên lại gọi là trại để phân biệt đó chăng?”⁽¹⁾.

Nhưng cũng từ thời Lý các nguồn sử liệu đều cho biết từ đây danh xưng Ái Châu được đổi thành Thanh Hóa.

Vậy Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện vào thời gian nào thuộc thời Lý. Theo văn bản chữ Hán trong *Đại Việt sử ký toàn thư*⁽²⁾, từ năm Canh Tuất (1010) đến trước năm Ất Dậu (1105) trong văn bản chỉ ghi là Ái Châu, còn địa danh Thanh Hóa (chữ Hán là 清化) chỉ được ghi từ năm Ất Dậu (1105) khi Lý Thường Kiệt qua đời và sau đó luôn xuất hiện mà không hề có đề cập việc thay đổi tên gọi.

Trong *Đại Việt sử ký toàn thư* viết “mùa hạ, tháng 6 năm (1105), Lý Thường Kiệt mất có ghi lại công trạng của ông: là người nhiều mưu lược, có tài làm tướng. Khi còn ít tuổi, vì vẻ mặt tươi đẹp được sung làm Hoàng môn chi hậu theo hầu Thái Tông, thăng dần đến chức Nội thị sảnh đô tri. Thái Tông phong chức Thái bảo, trao cho tiết

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Sđd, tr.288.

(2). Bản chữ Hán, tập 4, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1993, từ tr.109 đến tr.167.

[15a] viết để đi thăm hỏi lại dân ở Thanh Hóa, Nghệ An”.
Đời vua Lý Thánh Tông (1054-1072)⁽¹⁾.

Như vậy, văn bản *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết dưới đời vua Lý Thánh Tông (1054-1072) mà không cụ thể là năm nào Lý Thường Kiệt được “*phong chức Thái bảo, trao cho tiết [15a] viết để đi thăm hỏi lại dân ở Thanh Hóa, Nghệ An*” không ghi việc đổi tên từ Ái Châu thành Thanh Hóa vào thời gian nào. Ở đây cần lưu ý việc ghi sự việc trên vào các năm Lý Thánh Tông ở ngôi vua còn Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện trong *Đại Việt sử ký toàn thư* là năm 1105.

Nhưng tìm các chứng cứ khác trong các văn bia thời Lý - Trần ở Thanh Hóa thì các bia có ghi Danh xưng Thanh Hóa là:

Bia chùa Linh Xứng, trên núi Ngưỡng Sơn, thuộc ấp Đại Lý, quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa là ngôi chùa do quan Thái úy Lý Thường Kiệt dựng vào thời Lý và bia chùa Linh Xứng được tìm thấy ở làng Ngộ Xá, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa⁽²⁾, nội dung bia cho biết, văn bia do đại sư Hải Chiếu là một thuộc hạ của Lý Thường Kiệt viết. Ngoài việc ghi lại lịch và công tích của Lý Thường

(1). Lý Thánh Tông (1023-1072) là vị vua thứ ba của nhà Lý, cai trị từ năm 1054 đến 1072. Ông sinh ngày 25 tháng 2 năm Quý Hợi, niên hiệu Thuận Thiên thứ 14 (tức 30 tháng 3 năm 1023).

(2). Nay thuộc xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Kiệt, văn bia còn cho biết vào năm Anh Vũ Chiêu Thắng nhưng không cho biết cụ thể vào năm nào. Niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng được đặt từ năm 1076 đến năm 1084. Trong thời gian này, Lý Thường Kiệt được vua Lý Nhân Tông ban cho hiệu là *Thiên tử nghĩa đệ* (em nuôi vua), trông nom mọi việc quân ở các châu thuộc trấn Thanh Hóa, quận Cửu Châu, Châu Ái và được cấp thực ấp gồm *một vạn hộ ở Việt Thường*⁽¹⁾. **Nhưng sau khi Lý Thường Kiệt mất năm Ất Dậu (1105), bia được khắc và dựng tại chùa vào ngày mồng 3 tháng 3 năm Bính Ngọ (1126)**. Như vậy, Danh xưng Thanh Hóa đã xuất hiện trước năm 1084.

Liên quan đến thân thế, sự nghiệp của Lý Thường Kiệt, bia chùa Báo Ân ở núi An Hoạch đã khắc dòng chữ: “*Chi Nhâm Tuất chi tuế, Hoàng đế đặc gia Thanh Hóa nhất quân, tứ công phong ấp*” (至壬戌之岁皇帝特加清化一军 饒公葑邑). Dịch nghĩa là: “*Đến năm Nhâm Tuất, Hoàng đế đặc cách gia thêm một quân Thanh Hóa, ban tặng cho ông làm ấp phong*”.

Năm Nhâm Tuất, niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 7 là năm 1082 dương lịch, đời vua Lý Nhân Tông (1072 -

(1). Văn bia Lý - Trần trong *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1977, tr.362.

1127). Căn cứ vào văn bia trên thì Danh xưng Thanh Hóa phải có trước năm 1082. Ngoài ra, danh xưng này còn được lưu trên bia chùa Minh Tịnh⁽¹⁾ dựng ngày 15 tháng 2 năm Canh Ngọ niên hiệu Quảng Hựu 6 (1090), tìm thấy ở thôn Tế Độ, xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa thì Danh xưng Thanh Hóa đã được ghi chép: “*Quyền tri Thanh Hóa trại Sùng Nghi sứ Hoàng Khánh Văn khởi xướng việc xây [chùa]*”. Hoàng Xuân Hãn trong tác phẩm Lý Thường Kiệt: “*Năm Nhâm Tuất (1082), vua Lý Nhân Tông đặt riêng một quân ở Thanh Hóa, ban cho Lý Thường Kiệt*”⁽²⁾ làm phong ấp.

Đó là những văn bia ghi Danh xưng Thanh Hóa sớm nhất mà ta hiện có. Như vậy, Danh xưng Thanh Hóa có trước ***năm Nhâm Tuất (1082)***.

Còn các công trình khác được biên soạn, in ấn trong thời kỳ sau như thế nào?

Vào thế kỷ XV, trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi viết “Triều Lý lấy làm phủ Thanh Hóa”⁽³⁾.

(1). Phạm Văn Thắm, *Một tấm bia đời Lý mới phát hiện tại huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa*, in trong *Thông báo Hán Nôm học* năm 2000. Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản năm 2001. tr.472-477. Và *Tổng tập văn bia Thanh Hóa*, tập 1, *Văn bia thời Lý-Trần*, Nxb. Thanh Hóa, 2012, tr.103-133.

(2). Xem Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt*, Sđd, tr.323.

(3). *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1976, tr.239.

Đến thời Nguyễn, các sử gia trong Quốc sử quán đã biên soạn nhiều tác phẩm liên quan đến lịch sử, địa lý... đều đề cập đến việc đổi tên Ái Châu thành Thanh Hóa vào thời Lý nhưng đều không có một minh chứng cụ thể. Như trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* ở nội dung khi viết về sự kiện năm 1469 vua Lê Thánh Tông “**Định bản đồ trong nước**” 12 đạo thừa tuyên, ghi bằng chữ Hán, và trong mục “**xét**”⁽¹⁾ được dịch như sau: “*Nhà Đinh và nhà Lê gọi Thanh Hóa là Ái Châu; nhà Lý đổi làm trại, năm Thiên Thành thứ 2 đổi làm **Thanh Hóa phủ** (清化府)⁽²⁾”*. Năm ***Thiên Thành thứ 2 tức là năm Kỷ Ty, dương lịch là năm 1029.***

Các dịch giả của Viện Sử học khi dịch nội dung trên đã chú như sau: “Đoạn văn dưới đây, sử gia chép sự duyên cớ của 12 thừa tuyên và phủ Phụng Thiên từ đời Hùng Vương đến đời Tự Đức, tức là đến thời gian biên soạn bộ *Cương mục* này. Về các triều nhà Hồ, nhà Mạc và nhà Tây Sơn, họ chép là nhuận Hồ, ngụ Mạc và ngụ Tây vì quan điểm của sử gia thời phong kiến họ cho các triều ấy là tiếm ngụ không phải chính thống. Ở đây

(1). Trong *Việt Sử thông giám cương mục* có các mục “Chú, Chua” có nghĩa là giải thích cho rõ nghĩa bằng cách chép một điều gì đó cho rõ nghĩa hơn. Do các tác giả đời sau ghi vào. Còn từ Xét có nghĩa là khảo, tra cứu và đề xuất ý kiến của mình.

(2). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Sđd, tr.1078.

chúng tôi cũng phải buộc lòng dịch theo nguyên văn, không hề thay đổi.

Những năm có sự thay đổi của từng địa phương từ đời Đinh đến đời Tự Đức, chúng tôi theo thứ tự từng triều đại trước sau mà chưa thêm năm dương lịch chung cả ở đây để tiện khảo cứu”⁽¹⁾.

Phan Đình Phùng trong tác phẩm *Việt sử địa dư* đã ghi: “Nhà Đinh, nhà Tiền Lê vẫn gọi là Ái Châu; nhà Lý đổi làm trại; niên hiệu Thiên Thành thứ 2 (1029) thì đổi làm phủ Thanh Hóa”⁽²⁾.

Mốc thời gian trên đã được một số nhà sử học Việt Nam ghi chép lại trong các công trình khảo cứu như sau:

Giáo sư Đào Duy Anh, trong “*Đất nước Việt Nam qua các đời*” trong mục XII “*Sự diên cách về địa lý hành chính qua các đời Lê, Nguyễn*” khi viết về Thanh Hóa đã ghi lại lời “xét” trong *Việt Sử thông giám cương mục*: “Cương mục (Chb,q.21) “*Thời Đinh, Lê gọi Thanh Hóa*

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Sđd, tr.1080.

(2). Phan Đình Phùng, *Việt sử địa dư*, Nxb. Nghệ An, 2008, tr.92, 93. *Việt sử địa dư* (越史地輿): Sách viết bằng Hán văn, hoàn thành năm Kiến Phúc thứ nhất (Tây lịch năm 1883), hiện chỉ còn một bản viết tay. Sách được dịch sang tiếng Việt và xuất bản lần đầu tiên năm 2008. Nguyễn Hữu Mùi dịch và chú giải, Chương Thâu viết lời dẫn.

là Ái Châu; nhà Lý đổi làm trại, năm Thiên Thành thứ 2 đổi làm Thanh Hóa phủ”⁽¹⁾.

Giáo sư Hà Văn Tấn khi dịch tác phẩm *Dur địa chí* của Nguyễn Trãi đã chú thích nội dung Nguyễn Trãi viết “*Triều Lý lấy làm phủ Thanh Hóa*” như sau: “*Thời Ngô, Đinh, Lê vẫn gọi là Ái Châu. Sang thời Lý năm Thuận Thiên thứ nhất (1010) đổi Ái Châu thành trại. Năm Thiên Thành thứ 2 (1029) thì đổi làm phủ Thanh Hóa*”⁽²⁾.

Các ghi chép trên đều chưa đưa ra nguyên nhân hoặc lý do nào mà nhà Lý đã đổi danh xưng Ái Châu thành Thanh Hóa. Tất nhiên sự thay đổi danh xưng một vùng đất có nhiều lý do và theo tôi có các sự kiện đã xảy ra trên vùng đất này khiến nhà Lý thay tên gọi cũ và đặt tên mới.

Sau khi lên ngôi, khi dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, Lý Thái Tổ đã có một số thay đổi tên gọi một số nơi: “*Năm Canh Tuất (1010) vua Lý Thái Tổ “Mùa thu, tháng 7, vua [3a] từ thành Hoa Lư, dời đô ra kinh phủ ở thành Đại La, tạm đỗ thuyền dưới thành, có rồng vàng hiện lên ở thuyền ngự, nhân đó đổi tên thành gọi là thành Thăng Long. Đổi châu Cổ Pháp gọi là phủ Thiên Đức, thành Hoa Lư gọi là phủ Trường Yên, sông Bắc Giang*

(1). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.190.

(2). Nguyễn Trãi toàn tập, Sđd, tr.611.

gọi là sông Thiên Đức”⁽¹⁾. Và trong năm đó “đổi 10 đạo trong cả nước thành 24 lộ và châu Hoan, châu Ái làm trại”⁽²⁾.

Còn vùng đất Ái Châu, tháng 2 năm Tân Hợi (1011) tức là khi Lý Thái Tổ mới lên ngôi được 1 năm đã phải vào vùng đất này, vì: “vua thấy giặc Cử Long hung hãn, dữ tợn, trái hai triều Đinh, Lê không đánh nổi, đến nay ngày càng dữ mới đem sáu quân đi đánh, đốt bộ lạc, bắt kẻ đầu sỏ đem về, giặc ấy bèn tan”⁽³⁾.

Nếu Đào Cam Mộc⁽⁴⁾ người Ái Châu là một trong những người có công lao phò tá Lý Thái Tổ lên ngôi thì đến năm Mậu Thìn (1028) Lê Phụng Hiểu cũng là người Ái Châu có công lớn “đẹp loạn 3 vương” để Lý Phật Mã (Thái Tông) ngồi vào ngôi báu.

Đại Việt sử ký toàn thư viết về một sự việc liên quan đến việc lên ngôi của Lý Thái Tông gắn với vùng đất Ái Châu: “Trước đây, một hôm trước khi ba vương làm phản, vua chiêm bao thấy một người tự xưng là thần núi Đồng Cổ nói với vua về việc ba vương Vũ Đức, Đông

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr.265.

(2). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr.243.

(3). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr.243.

(4). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr.246. Đào Cam Mộc mất năm Ất Mão (1015) được phong tặng Thái sư, Ái vương.

Chinh, Dực Thánh làm loạn, phải mau đem quân dẹp ngay. Tỉnh dậy liền sai phòng bị, quả nhiên ứng nghiệm. Đến đây xuống chiếu giao cho Hữu ty dựng miếu ở bên hữu thành Đại La sau chùa Thánh Thọ, lấy ngày 25 tháng ấy, đắp đàn ở trong miếu, cắm cờ xí, chỉnh đốn đội ngũ, treo gương giáo ở trước thần vị, đọc lời thề rằng: “Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết”. Các quan từ cửa đông đi vào, đến trước thần vị cùng uống máu ăn thề, hàng năm lấy làm lệ thường. Sau vì tháng 3 có ngày quốc kỵ, chuyển sang mùng 4 tháng 4⁽¹⁾.

Phan Huy Chú viết về vấn đề này như sau: “Núi Đổng Cổ ở xã Đan Nê, huyện Yên Định, thần núi rất thiêng. Thời Lý (năm 1020), Thái Tông (bấy giờ còn là Khai Thiên vương, chưa làm vua, vua cha sai đi đánh Chiêm Thành) đi đánh Chiêm Thành, đậu thuyền ngủ tại bãi Trường Châu⁽²⁾, thần núi báo mộng xin theo đi để lập công. Đến khi đánh được nước Chiêm về, Thái Tông sai lập miếu thờ ở Kinh sư⁽³⁾. Khi Thái Tông lên ngôi, lại báo mộng cho biết việc ba vương (là Đông Chinh vương, Dực Thánh vương, Vũ Đức vương đều là em Thái Tông)

(1). Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, Sđd, tr.256.

(2). Bờ phải sông Mã, nay thuộc xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

(3). Đền Đổng Cổ được xây dựng ở làng Đông Xã - Thăng Long (nay là số 353 đường Thụy Khê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội).

mưu làm phản. Khi đã dẹp yên nạn ấy rồi, ban chiếu phong làm “Thiên hạ minh chủ thần”, tước vương”⁽¹⁾.

Sau khi lên ngôi được 1 năm, Lý Thái Tông là một người thông thạo vùng đất Ái Châu, ngày mùng 1 tháng 4 năm Kỷ Ty, niên hiệu Thiên Thành thứ 2 (1029): *“Giáp Đản Nãi ở Châu Ái làm phản Lý Thái Tông thân chinh đem quân “đi đánh giáp Đản Nãi... Khi đánh được giáp Đản Nãi rồi sai trung sứ đốc suất người Đản Nãi đào kênh Đản Nãi. Vua từ Đản Nãi trở về kinh sư”*⁽²⁾.

Như vậy trước và trong năm 1029, có 3 sự kiện quan trọng liên quan đến đất và người Ái Châu, đó là:

- Trước khi Lý Thái Tông lên ngôi được thần Đồng Cổ của đất Ái Châu báo mộng.

- Lý Phụng Hiểu người Ái Châu đã có công lớn dẹp “loạn 3 vương”.

- Vua Lý Thái Tông trực tiếp đi dẹp loạn ở giáp Đản Nãi và cho đào sông ở giáp này.

Nhận xét về Lý Thái Tông, *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: *“Vua là người trầm mặc, cơ trí, biết trước mọi việc, giống như Hán Quang Vũ đánh đâu được đấy, công tích*

(1). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần “Du địa chí”, Nxb. Giáo dục, 2007, tr.51. Núi và đền Đồng Cổ nay thuộc xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

(2). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr.259.

sánh với Đường Thái Tông. Vua bảm tính nhân từ, sáng suốt dĩnh ngộ, thông hiểu đại lược văn võ, còn như lục nghệ lễ nhạc, ngự xạ, thư số không môn gì là không tinh thông am tường”⁽¹⁾.

Phải chăng đó là một trong những nguyên nhân để danh xưng Ái Châu được đổi thành Thanh Hóa. Mặc dù chưa tìm thấy các chứng cứ xác thực hơn ghi rõ việc Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện năm nào trong thời Lý, nhưng những sự việc trên và nhất là trong các tác phẩm sử học thời phong kiến cũng như một số nhà sử học tầm cỡ của nước ta ở thế kỷ XX đã ghi lại trong các công trình sử học, tôi cho rằng Danh xưng Thanh Hóa đã xuất hiện từ **năm Kỷ Ty, niên hiệu Thiên Thành thứ 2 (1029) dưới đời vua Lý Thái Tông.**

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, tr.258.

**GÓP PHẦN XÁC ĐỊNH
THỜI ĐIỂM XUẤT HIỆN TÊN ĐỊA DANH
HÀNH CHÍNH THANH HÓA^(*)**

Như chúng ta đều biết tỉnh Thanh Hóa có một vị trí chiến lược vô cùng quan trọng ở khu vực miền Bắc, Việt Nam. Từ thuở khai nguyên, Thanh Hóa luôn đồng hành cùng lịch sử lâu dài, vẻ vang của dân tộc. Thanh Hóa là nơi còn lưu giữ dấu tích người Núi Đọ mấy chục vạn năm về trước; nơi phát lộ và là trung tâm của văn hóa Đông Sơn, văn hóa đồ đồng rực rỡ, với trống đồng Đông Sơn đặc sắc, không những nổi tiếng ở trong nước mà cả ở khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Trống đồng Đông Sơn, niềm tự hào của người Việt Cổ và của chúng ta hôm nay và con cháu mai sau. Các di tích ở nơi đây, được kể đến trong những truyền thuyết thần tiên huyền ảo về Mai An Tiêm, Từ Thức gặp tiên vẫn còn lưu dấu ở xứ Thanh. Thanh Hóa được lịch sử ghi nhận là đất thang mộc, là quê hương, nơi phát tích của nhà Lê (Lê Lợi), chúa Nguyễn (Nguyễn Kim), chúa Trịnh (Trịnh Kiểm). Các triều đại Lê, Trịnh, Nguyễn đó đã ghi dấu ấn rất sâu

(*). PGS. TS. Vũ Duy Mền, Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

đậm trong tiến trình lịch sử bảo tồn và phát triển quốc gia Đại Việt, Đại Nam ngày một cường thịnh. Thời cận đại, Thanh Hóa tham gia phong trào Cần Vương mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Ba Đình, thể hiện tinh thần chiến đấu chống Pháp quật cường của nghĩa quân. Thời hiện đại, hàng vạn người con ưu tú của nhân dân Thanh Hóa đã trực tiếp tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Nhân dân Thanh Hóa cùng với cả nước đã và đang góp phần to lớn, quyết định vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Truyền thống lịch sử Thanh Hóa vẻ vang, đặc sắc và rất đáng tự hào, nhưng còn một vấn đề đặt ra là: tên gọi “Thanh Hóa” gắn với địa danh hành chính xuất hiện từ khi nào? Có lẽ cũng cần được nghiên cứu, giải đáp thêm. Để góp phần làm sáng tỏ vấn đề đặt ra đó, thiết nghĩ cần phải khai thác nhiều tài liệu khác nhau. Trước hết chúng tôi chú ý tới các bộ chính sử của thời kỳ quân chủ, như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*.

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*

Canh Tuất, Thuận Thiên năm thứ nhất (1010),... tháng 7, Lý Thái Tổ (1010-1028) dời đô từ thành Hoa Lư ra kinh đô lớn là Đại La, đặt tên mới là Thăng Long...

Mùa đông tháng 12... Đồi 10 đạo làm 24 lộ, châu Hoan, châu Ái làm trại⁽¹⁾...

Canh Thân (Thuận Thiên) năm thứ 11 (1020)...

Mùa đông, tháng 12 sai Khai thiên vương và Đào Thạc Phụ đem quân đánh người Chiêm Thành ở trại Bồ Chính...

Ất Sửu (Thuận Thiên) thứ 16 (1025)...

Xuống chiếu lập trại Định Phiên ở nam giới của châu Hoan (huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh), cho Quản giáp là Lý Thai Giai làm Trại chủ⁽²⁾.

Kỷ Ty, (Thiên Thành), thứ 2 (1029), (đời vua Lý Thái Tông 1028-1054)...

Giáp Dần Nãi ở châu Ái làm phản...

Quý Mùi, Minh Đạo năm thứ 2 (1043), (đời vua Lý Thái Tông). Mùa xuân, tháng Giêng, châu Ái làm phản⁽³⁾.

Tân Mão, năm thứ 2 (**1111**), (niên hiệu Hội Tường Đại Khánh, đời vua Lý Nhân Tông 1072- 1128). Mùa xuân, **phủ Thanh Hóa** dưng cây cau một gốc 9 cây (thân)⁽⁴⁾...

Quý Hợi, Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 2 (**1203**), (đời vua Lý Cao Tông 1176-1210)...

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1972, tập 1, tr.190-192. (*Toàn thư...*).

(2). *Toàn thư...* Sđd, tr.197-198.

(3). *Toàn thư...* Sđd, tr.219.

(4). *Toàn thư...* Sđd, tr.245.

Tháng 9, người ở Đại Hoàng giang lại làm phản... Lại sai Thượng thư Từ Anh Nhĩ đem quân **phủ Thanh Hóa** đồng thời tiến đánh...

2. Đại Việt sử ký tiền biên

Ất Dậu năm thứ 5 (1105), (niên hiệu Lý Nhân Tông)... [Thánh Tông (**1054-1072**) phong (Thường Kiệt) làm Thái bảo, ban cho tiết việt, đi xét hỏi các lại dân ở **Thanh Hóa**, Nghệ An...]⁽¹⁾

Đinh Mùi, Thiên Phù Khánh Thọ năm thứ nhất (**1127**), (đời vua Lý Nhân Tông)... Mùa xuân, tháng Giêng, cho Ngự khổ thư gia là Phạm Tín đi giải quyết công việc ở **phủ Thanh Hóa**⁽²⁾.

Tân Mão, Kiến Trung năm thứ 7 (**1231**), (đời vua Trần Thái Tông 1225-1258)... Nạo vét kênh Trầm, Hào từ **phủ Thanh Hóa** đến châu Diễn...⁽³⁾

Canh Tý [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 9 (**1240**), (đời vua Trần Thái Tông) mùa xuân, tháng Giêng, sai Phùng Tá Chu xây dựng hành cung ở **phủ Thanh Hóa**, gồm 5 nơi⁽⁴⁾.

(1). *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1997, tr.253-254. (*Tiền biên*...).

(2). *Tiền biên*... Sđd, tr.259.

(3). *Tiền biên*... Sđd, tr.325.

(4). *Tiền biên*... Sđd, tr.332.

Nhâm Dần [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 11 (**1242**), mùa xuân, tháng 2, quy định trong nước thành **12 lộ**...⁽¹⁾

Quý Hợi [Thiệu Long] năm thứ 6 (**1263**), (đời vua Trần Thánh Tông 1258-1278)...

Mùa hạ, tháng 4, cho Lê Cư làm **trại chủ Thanh Hóa**⁽²⁾.

3. Khâm định Việt sử thông giám cương mục

Bính Thìn, năm thứ 6 (**1256**), (niên hiệu Nguyên Phong thứ 6, đời vua Trần Thái Tông)...

Tháng 2, mùa xuân, thi thái học sinh.

Trước kia thi lấy sĩ tử, chỉ lấy đỗ có một Trạng nguyên, nay mới chia ra kinh và trại. Từ **Thanh Hóa** trở vào trong gọi là **trại**; từ **Thanh Hóa** trở ra ngoài gọi là **kinh**. Khoa thi này lấy Trần Quốc Lặc đỗ kinh Trạng nguyên; Trương Xán đỗ trại Trạng nguyên⁽³⁾...

Bính Tuất, năm Quang Thuận thứ 7 (**1466**), (đời vua Lê Thánh Tông 1460-1497).

Tháng 6.. đến nay chia trong nước làm **12 đạo** **thừa tuyên** là: **Thanh Hóa**...⁽⁴⁾

Kỷ Sửu, năm (Quang Thuận) thứ 10 (**1469**):

(1). *Tiền biên*... Sđd, tr.333.

(2). *Tiền biên*... Sđd, tr.348.

(3). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, tập 1, tr.479. (*Cương mục*..).

(4). *Cương mục*, Sđd, tr.1015 & 1024...

... Định bản đồ trong nước. Nhà vua định bản đồ 12 thừa tuyên:

Thanh Hóa quản lĩnh 4 phủ, 16 huyện, 4 châu⁽¹⁾...

Trong (lời) xét, có ghi rõ:

Thanh Hóa: Đời Hùng Vương xưa Thanh Hóa thuộc bộ Cửu Chân... Nhà Hán, là quận Cửu Chân; Ngô, Tấn và Tống cũng theo tên cũ của Hán; Lương Võ đế đổi Cửu Chân làm Ái Châu; nhà Tùy lại gọi là Cửu Chân quận; nhà Đường chia đặt làm hai quận: Ái Châu và Cửu Chân.

Nhà Đinh và nhà Lê gọi Thanh Hóa là Ái Châu; nhà Lý đổi làm trại, “*Thiên Thành nhị niên cải Thanh Hóa phủ*”⁽²⁾ - **năm Thiên Thành thứ 2 (1029)**, (đời vua Lý Thái Tông) **đổi làm Thanh Hóa phủ**; nhà Trần năm Nguyên Phong thứ 6 (**1256**), (đời vua Trần Thái Tông) **gọi là trại**; khoảng năm Thiệu Phong (**1341-1357**), (đời vua Trần Dụ Tông 1341-1369) lại **đổi làm lộ**, chia đặt 3 phủ là: **Thanh Hóa**, Cửu Chân và Ái Châu... Quang Thuận thứ 7 (**1466**) đặt làm **Thanh Hóa thừa tuyên**... sau khi **Lê Trung Hưng** đặt làm **Thanh Hoa nội trấn**... **Thanh Hoa ngoại trấn**..., năm Minh Mệnh thứ 12

(1). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bản điện tử (Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Cơ sở dữ liệu Hán Nôm - Gồm bản chữ Hán Nôm và bản dịch), ký hiệu A.1/1-9.

(2). *Cương mục*. Sđd. A.1/1-9, tập 5, tr.323.

(1831) chia thành hai quản hạt: Nội trấn **Thanh Hoa tỉnh**; ngoại trấn là Ninh Bình tỉnh; năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) đổi nội trấn làm **Thanh Hóa tỉnh**⁽¹⁾.

Ngoài ghi chép của các bộ chính sử nêu trên, chúng ta may mắn được đọc một số tấm bia đời Lý ở Thanh Hóa in trong tập sách *Văn bia thời Lý*⁽²⁾.

4. Văn bia chùa Minh Tịnh (Minh Tịnh bi văn)

Văn bia chùa Minh Tịnh hiện đặt tại sân nghề thôn Tế Độ, xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đây là tấm bia có niên đại sớm nhất ở triều Lý còn lại mà chúng ta được biết đến.

Nội dung bài văn bia hơn một ngàn chữ ca ngợi về diệu tính của đạo Phật và tấm lòng thiện nguyện của những người dựng chùa; đặc biệt trong đó có ghi rằng:

“Quyền tri trại Thanh Hóa, Sùng nghi sứ Hoàng Khánh Văn dựng chùa...

Quyền tri Thanh Hóa trại, Sùng nghi sứ Hoàng Khánh Văn ta thiết nghĩ...

Quyền tự chủ là Thích Pháp Lương, trụ trì tự chủ là Thích Huệ Lãng, Đồng tri trại Thanh Hóa là Sùng ban Hoàng Thừa Nhĩ lập thêm bia...”.

(1). *Cương mục*, Sđd, tr.1078-1079.

(2). *Văn bia thời Lý*. Dịch chú và giới thiệu. Nguyễn Văn Thịnh (Chủ trì). Hoàng Văn Lâu - Phạm Văn Ánh. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. 2010, tr.39-58.

Ở cuối bia có ghi dòng lạc khoản: Quảng Hựu lục niên, tuế thứ Canh Ngọ trọng xuân thập ngũ nhật thụ - ngày rằm tháng 2 năm Canh Ngọ niên hiệu Quảng Hựu thứ 6 (**1090**), (đời vua Lý Nhân Tông).

Theo khảo cứu của nhóm dịch chú văn bia: Sùng nghi sứ Hoàng Khánh Văn là Quyền tri trại Thanh Hóa, ngoài ra không rõ hành trạng cụ thể. Đồng tri trại Thanh Hóa, Sùng ban Hoàng Thừa Nhĩ là con trai của Hoàng Khánh Văn, cũng không rõ hành trạng ra sao? Qua nội dung bia cho biết rằng: Hai cha con cùng trông coi công việc ở **trại Thanh Hóa - Quyền tri trại và Đồng tri trại vào thời điểm** (khắc bia) **năm 1090**.

5. Văn bia chùa Báo Ân núi An Hoạch (An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký)⁽¹⁾

Chùa Báo Ân ở trên núi An Hoạch, tục gọi là núi Nhồi, (nay thuộc phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa).

Chùa được xây dựng từ mùa hạ năm Kỷ Mão (**1099**) đến mùa hạ năm Canh Thìn (**1100**) thì hoàn thành. Có thể sau đó bia chùa Báo Ân cũng được dựng lên, nhưng không ghi rõ cụ thể vào thời gian nào?

Trong nội dung bia có ghi: Đến năm Nhâm Tuất (**1082**), nhà vua đặc cách gia thêm một **quân Thanh Hóa**, tặng cho ông (Thái úy Lý Thường Kiệt) làm đất phong...

(1). Văn bia thời Lý - Trần. Sđd, tr.64-78.

Ở cuối bài văn bia cho biết tác giả văn bia: Thự hiệu thư lang, Quản câu ngự phủ, Đồng trung thư viện Biên tu, kiêm các công vụ ở huyện Cửu Chân, **trại Thanh Hóa** là Chu Văn Thường soạn thuật.

6. Văn bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (Sùng Nghiêm Diên thánh tự bi minh - 1118)⁽¹⁾

Văn bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh tại xã Duy Tinh, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ở ngay phần đầu bài bia ghi rõ: Bài minh cùng lời tựa trên bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh ở **trấn Thanh Hóa**, quận Cửu Chân.

Thông Thiên Hải Chiếu đại sư, Tứ tử, Thích Pháp Bảo là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tự Thánh, **quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa**, kiêm chức Tri giáo môn công sự của bản quận soạn bia.

Năm Ất Mùi, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 6 (**1115**), (Thông phán Chu Công) kính vâng chiếu chỉ, tới giữ quận, phủ, quyền thống lĩnh các việc quân ở ba nguồn (nguyên) và 5 huyện thuộc **trấn Thanh Hóa**.... Khi công việc hoàn thành, nhà vua cho ông là người có tài năng, thăng chức Bí thư lang, kiêm giữ các công việc nội phủ, lại giao **Quyền tri các sự vụ ở trấn Thanh Hóa**.

Lễ chay dựng bia ngày 19 tháng Mười năm Mậu Tuất, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 9 (**1118**) (đời vua Lý Nhân Tông).

(1). *Văn bia thời Lý - Trần*, Sđd, tr.113-140.

7. Văn bia chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn

Nội dung văn bia, mở đầu ghi: Giác Tính Hải Chiếu đại sư, Tứ tử Thích Pháp Bảo, là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tư Thánh quận Cửu Chân, **trần Thanh Hóa**, kiêm coi việc giáo môn ở bản quận, soạn lời...

“Đế ái kỳ dũng, di gia sùng kính. Anh Vũ Chiêu Thắng sơ, bao thiên tử nghĩa đệ. Tri Ái Châu Cửu Chân quận Thanh Hóa trấn chư quân châu sự...”⁽¹⁾ - Vua mền Thái úy (Lý Thường Kiệt) dũng cảm nên càng sùng kính. Đầu năm Anh Vũ Chiêu Thắng (1076 - 1084), Thái úy được phong làm em vua, trông nom mọi việc quân ở **các châu thuộc trần Thanh Hóa**, quận Cửu Chân, châu Ái...⁽²⁾.

Khánh thành và dựng bia vào ngày 3 tháng 3 năm Bính Ngọ, năm thứ 7 niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ (1126), (đời vua Lý Nhân Tông).

Lý Doãn Tư, chức Bí thư sảnh, Hiệu thư lang, Quản câu ngự phủ tài hóa, sung Thông phán **quận Thanh Hóa**, viết chữ, kiêm viết đầu đề bằng chữ triện trên đá..

Như vậy, theo ghi chép (có thể chưa đầy đủ) của các tài liệu chính sử và một số tấm bia đời Lý ở Thanh Hóa thời quân chủ dẫn ở trên có thể rút ra mấy nhận xét bước đầu dưới đây:

(1). Văn bia thời Lý - Trần. Sđd, tr.211-216.

(2). Văn bia thời Lý - Trần. Sđd, tr.222.

Mấy nhận xét

- Cùng với sự hình thành lịch sử đất nước, vùng đất thuộc Thanh Hóa đã có từ rất lâu đời. Tổng hợp những thông tin được ghi lại trong các cuốn sử biên niên và bia ký nêu trên có thể cho thấy cả một quá trình xuất hiện các tên gọi khác nhau gắn với địa danh hành chính Thanh Hóa từ sau Công nguyên cho đến giữa thế kỷ XIX. Chúng tôi thử sắp xếp biên niên các tên gọi liên quan đến địa danh Thanh Hóa dưới đây:

Trong tiến trình lịch sử từ xưa đến nay, vùng đất Thanh Hóa được định danh hành chính dưới nhiều tên gọi khác nhau, như: Cửu Chân, Ái Châu.., mà tên gọi **Ái Châu** xuất hiện từ thời thuộc Lương (**thế kỷ VI**).

Năm Canh Tuất (**1010**), tháng 12, sau khi Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ) lên ngôi, đã đổi 10 đạo làm 24 lộ, châu Hoan, châu Ái làm trại (có thể coi trại như châu).

Năm **1029**, đời Lý Thái Tông, đổi làm **Thanh Hóa phủ**.

Trong khoảng thời gian (**1054 - 1072**), đời vua Lý Thánh Tông, (Thái úy Thường Kiệt đi xét hỏi lại dân ở **Thanh Hóa**), chưa rõ thuộc đơn vị hành chính nào? [Theo *Cương mục*, trước đó, năm 1029 đã đổi làm Thanh Hóa phủ, rất có thể: Lại dân (đó) thuộc phủ Thanh Hóa].

Đầu năm Anh Vũ Chiêu Thắng (**1076 - 1084**), Thái úy (Lý Thường Kiệt) được phong làm em vua, trông nom mọi việc quân ở **các châu thuộc trấn Thanh Hóa**, quận Cửu Chân, châu Ái...

Theo *An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký*: Chùa Báo Ân được xây dựng từ năm **1099** đến năm **1100** thì hoàn thành, *An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký* có thể dựng sau đó (chưa rõ thời điểm cụ thể?), cho biết: Năm Nhâm Tuất (**1082**), nhà vua đặc cách gia thêm một **quân Thanh Hóa** (có thể thuộc trấn Thanh Hóa?), tặng cho ông (Thái úy Lý Thường Kiệt) làm đất phong.

Năm **1090**, lần đầu tiên xuất hiện tên gọi (địa danh hành chính): **Thanh Hóa trại** (trại Thanh Hóa). Với Quyền tri trại, Sùng nghị sứ là Hoàng Khánh Văn và Đồng tri trại, Sùng ban Hoàng Thừa Nhĩ.

Có thể từ năm **1100 hoặc sau đó là trại Thanh Hóa** (*An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký*).

Theo ghi nhận của *Văn bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh* thì từ năm **1115 - 1118**, có sự hiện diện tên gọi **trấn Thanh Hóa**, cai quản trấn Thanh Hóa là Quyền Tri các sự vụ. Trấn có thể ngang cấp với quận (quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa), phủ; dưới trấn là huyện.

Năm **1126**, Lý Doãn Tư, chức Bí thư sảnh, Hiệu thư lang, Quản câu ngự phủ tài hóa, sung Thông phán **quận Thanh Hóa**, viết chữ, kiêm viết đầu đề bằng chữ triện trên đá *Văn bia chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn...*

Tài liệu chính sử cho biết: Từ năm **1111 - 1127 - 1203 - 1231 - 1240** đều xuất hiện tên gọi **phủ Thanh Hóa**, gắn với nhiều sự kiện khác nhau xảy ra ở phủ này...

Năm **1256**, nhà Trần (gọi **phủ Thanh Hóa**) là **trại**.

Năm **1263**, **Trại chủ Thanh Hóa** là Lê Cư.

Khoảng năm **1341 - 1357**, đời vua Trần Dụ Tông đổi (phủ Thanh Hóa) làm lộ, chia đặt 3 **phủ: Thanh Hóa, Cửu Chân và Ái Châu...**

Năm Quang Thuận thứ 7 (**1466**), đời vua Lê Thánh Tông. Tháng 6... đến nay chia trong nước làm **12 đạo thừa tuyên** là: **1) Thanh Hóa...**

Năm **1469**, vua Lê Thánh Tông định bản đồ 12 thừa tuyên, trong đó **thừa tuyên Thanh Hóa** quản lĩnh 4 phủ, 16 huyện, 4 châu⁽¹⁾... Thời **Lê Trung Hưng** đặt làm **Thanh Hoa nội trấn... Thanh Hoa ngoại trấn...**, năm Minh Mệnh thứ 12 (**1831**) chia thành hai quản hạt: Nội trấn **Thanh Hoa tỉnh**; ngoại trấn là Ninh Bình tỉnh; năm Thiệu Trị thứ 3 (**1843**) đổi nội trấn làm **Thanh Hóa tỉnh**.

- Dựa vào tài liệu chính sử *Đại Việt sử ký tiền biên, Đại Việt sử ký toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, cho thấy rằng: Tên gọi **Thanh Hóa** gắn với địa danh hành chính **phủ** được đổi [từ trại (Ái Châu)] năm **1029**, đời vua Lý Thái Tông. Sau đó, tên gọi **Thanh**

(1). *Cương mục*. Sđd. Biên soạn và hoàn thành thời Tự Đức, do kiêng húy chữ Hoa (Hồ Thị Hoa, thân mẫu của vua Thiệu Trị (1841-1847) nên đổi tên Thanh Hoa là Thanh Hóa.

Hóa phủ được tiếp tục duy trì từ năm 1111 đến năm 1240; **Thanh Hóa trại** (1256 - 1263); đến cuối đời Trần Dụ Tông (1341-1357), đổi gọi làm lộ, chia đặt 3 phủ, trong đó có phủ **Thanh Hóa**, thời Quang Thuận (1460-1469) đặt **thừa tuyên Thanh Hóa... Lê Trung Hưng** đặt làm **Thanh Hoa nội trấn... Thanh Hoa ngoại trấn...** Đến thời Nguyễn, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) đặt tên **tỉnh Thanh Hoa**. Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) (vì kiêng húy thân mẫu nhà vua là Hồ Thị Hoa) nên đổi tên là **tỉnh Thanh Hóa**.

Rõ ràng, theo Quốc sử quán nhà Nguyễn: Tên gọi địa danh hành chính **phủ Thanh Hóa** lần đầu tiên được biết đến là **năm 1029**. Đơn vị phủ có thể tương đương với trại, lộ, thừa tuyên, trấn, tỉnh sau này. Như vậy, nếu tính từ năm **1029 đổi** (trại) làm **phủ Thanh Hóa**, cho đến năm **2016**, tỉnh Thanh Hóa đã trải qua lịch sử **987** năm thành lập và phát triển thịnh vượng. **Tính đến năm 2019, tỉnh Thanh Hóa 990 tuổi; đến năm 2029 tỉnh Thanh Hóa tròn 1.000 tuổi.**

Tài liệu tham khảo:

1. *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1997.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1972.
3. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo dục. Hà Nội, 1998.

4. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bản điện tử (Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Cơ sở dữ liệu Hán Nôm - Gồm bản chữ Hán Nôm và bản dịch), ký hiệu A.1/1-9.

5. *Văn bia thời Lý*, dịch chú và giới thiệu. Nguyễn Văn Thịnh (Chủ trì), Hoàng Văn Lâu - Phạm Văn Ánh, Nxb. Đại học Quốc gia. Hà Nội, 2010.

6. Tài liệu hội thảo khoa học “*Thanh Hóa, đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương khởi đầu và diễn biến*”. Thanh Hóa ngày 24/12/ 2011.

BÀN THÊM VỀ THỜI ĐIỂM XUẤT HIỆN DANH XƯNG THANH HÓA^(*)

Chúng tôi điếm lại những tư liệu văn bia liên quan đến thời điểm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa đã được giới thiệu trước đây, cùng những quan điểm về thời điểm xuất hiện danh xưng này. Đồng thời, bổ sung một số tư liệu mới nhằm bàn thêm về thời điểm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa.

1. Tư liệu văn bia thời Lý về Danh xưng Thanh Hóa

Văn bia thời Lý ở Thanh Hóa đã được sưu tập và giới thiệu trong một số công trình nghiên cứu gần đây. Trong đó có *Văn bia chùa Phật thời Lý* do Đinh Khắc Thuân và Thích Đức Thiện chủ trì (Nxb. KHXH, 2010); *Tuyển tập Văn bia Thanh Hóa, tập 1 - Văn bia thời Lý - Trần* (Nxb. Thanh Hóa, 2012). Trong số văn bia thời Lý, có 5 văn bia đề cập đến Danh xưng Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Minh Tịnh tự bi văn (1090, Hoằng Hóa, Thanh Hóa).
2. An Hoạch sơn Báo Ân tự bi (1100, Đông Sơn, nay thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

(*). PGS.TS. Đinh Khắc Thuân, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

3. Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh (1118, Hậu Lộc, Thanh Hóa).

4. Càn Ni sơn Hương Nghiêm bi kí (1125, Thiệu Hóa, Thanh Hóa).

5. Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi (1126, Hà Trung, Thanh Hóa).

Trong khi nhiều văn bia ở các địa phương khác thường bị mờ và được khắc lại thì 5 văn bia thời Lý này ở Thanh Hóa đều còn khá rõ. Bia nào cũng có kích cỡ lớn, chạm khắc công phu, có thể xem là những văn bản gốc của văn bia thời Lý có niên đại xuất xứ cụ thể. Văn bia có nội dung phong phú, phản ánh nhiều mặt xã hội đương thời, song ở đây chúng tôi chỉ cung cấp thông tin liên quan đến địa danh Thanh Hóa xuất hiện trên các văn bia này mà thôi. Nội dung cụ thể các đoạn dẫn trong các văn bia này như sau.

1. Bia Minh Tĩnh tự bi văn

Bia dựng tại nghề thôn Tế Độ, xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bia hai mặt, khổ lớn 110 x 185cm, chạm rồng châu bông sen, diềm bên chạm hoa sen dây leo uốn lượn. Bia không ghi niên đại, song văn bia cho biết năm dựng chùa Minh Tĩnh này vào năm 1090, do đó niên đại bia có thể cùng năm dựng chùa này, khoảng 1090.

Nguyên văn chữ Hán:

大越國時李家第四葉(帝)重光。權知清
化寨崇儀使黃慶文啟建。

白蓮沙彌善覺撰。

匠人蘇延太鑿,匠人黃布黃紹等構造。
信受禪師釋義常書。

權寺主釋法良。住持寺主釋惠朗。

同知清化寨內殿崇班黃承爾補立。

廣祐陸年歲次庚午仲春拾伍日樹。

Phiên âm: Đại Việt quốc thời Lý gia đệ tứ diệp (đế)
trùng quang.

Quyền tri Thanh Hóa trại, Sùng Nghi sứ Hoàng
Khánh Văn khởi kiến.

Bạch Liên Sa di Thiện Giác soạn.

Tượng nhân Tô Diên Thái tạc. Tượng nhân Hoàng
Bố, Hoàng Thiệu đẳng cấu tạo. Tín thụ Thiền sư Thích
Nghĩa Thường thư.

Quyền tự chủ Thích Pháp Lương. Trụ trì tự chủ
Thích Huệ Lãng.

Đồng tri Thanh Hóa trại Nội điện Sùng Ban Hoàng Thừa Nhĩ bổ lập.

Quảng Hựu lục niên, tuế thứ Canh Ngọ trọng xuân thập ngũ nhật thụ.

Dịch nghĩa: Đòi vua thứ tư triều Lý nước Đại Việt hưng thịnh.

Tạm thời thay thế nắm quyền trông coi trại Thanh Hóa là Hoàng Khánh Văn tước Sùng Nghi sứ khởi dựng chùa.

Bạch Liên Sa di là Thiện Giác soạn văn bia.

Thợ đá Tô Diên Thái khắc bia. Thợ đá Hoàng Bồ, Hoàng Thiệu cùng tạo dựng.

Tín Thụ Thiên sư là Thích Nghĩa Thường viết chữ.

Quyền tự chủ là Thích Pháp Lương. Trụ trì tự chủ là Thích Huệ Lãng.

Cùng trông coi trại Thanh Hóa tước Nội điện Sùng Ban là Hoàng Thừa Nhĩ trợ giúp dựng bia.

Ngày rằm tháng 2 năm Canh Ngọ thứ 6 niên hiệu Quảng Hựu triều Lý Nhân Tông (1090).

2. Bia An Hoạch sơn Báo Ân tự bi kí

Bia chùa Báo Ân ở núi Nhồi, huyện Đông Sơn, nay thuộc thành phố Thanh Hóa.

Chùa có tên là Báo Ân do Lý Thường Kiệt khi cai quản trấn Thanh Hóa, sai bộ hạ Vũ Thừa Thao lấy đá núi

An Hoạch xây dựng. Chùa hoàn thành vào năm 1099 - 1100, trong chùa có vẽ chân dung Phật và bồ tát. Văn bia không ghi tên người soạn và niên đại, song có lẽ được làm ngay sau khi xây dựng xong chùa năm 1100. Trên sườn bia, vào thời Trần được khắc thêm đoạn văn bản về ruộng Tam bảo của chùa vào các năm Long Khánh thứ 2 (1374) và Quang Thái thứ 3 (1389). Chùa này khởi công từ mùa hạ năm Kỷ Mão (1099), đến mùa hạ năm Canh Thìn (1100) thì hoàn thành.

Bia hiện được bảo quản tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Nội dung văn bia được dịch, giới thiệu trong Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt, Lịch sử ngoại giao triều Lý*, Sông Nhị, Hà Nội, 1950; *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1, Viện Văn học, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1977, trang 305-315. Thác bản tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm: 17539.

Nguyên văn chữ Hán:

署校書郎管勾御府、同中書院編修、
兼守清化寨九真縣公事朱文常述。

Phiên âm: Thự Hiệu thư lang, quản câu ngự phủ, đồng Trung thư viện Biên tu, kiêm thủ Thanh Hóa trại, Cửu Chân huyện công sự Chu Văn Thường thuật.

Dịch nghĩa: Chu Văn Thường giữ chức Thự Hiệu thư lang, quản câu ngự phủ, đồng Trung thư viện Biên tu,

kiêm coi việc quan huyện Cửu Chân, trại Thanh Hóa, soạn thuật.

3. Bia Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh

Bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Văn bia do Hải Chiếu đại sư hiệu Pháp Bảo soạn năm Mậu Tuất, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 9 (1118).

Văn bia được Hoàng Xuân Hãn sưu tập và được sách *Thơ văn Lý - Trần, Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 1 thời Lý giới thiệu.

Nguyên văn chữ Hán:

九真郡清化鎮崇嚴延聖寺碑銘並序

九真郡清化鎮福延資聖寺傳法沙門兼知本郡教門公事通禪海照大師賜紫釋法寶撰。

Phiên âm: Cửu Chân quận, Thanh Hóa trấn, Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh tịnh tự.

Cửu Chân quận, Thanh Hóa trấn, Phúc Diên Tự Thánh tự Truyền pháp sa môn kiêm tri bản quận giáo

môn công sự Thông thiên Hải Chiếu đại sư, tứ tử thích Pháp Bảo soạn.

Dịch nghĩa: Thông thiên Hải chiếu đại sư, tứ tử, thích Pháp Bảo, là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tư Thánh, quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa, kiêm quản công việc giáo môn trong quận soạn văn bia.

Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh là của Thông phán Chu công, quyền coi quận Cửu Chân, suất lĩnh dân cư già trẻ giúp sức xây dựng lại.

Dựng bia ngày 19 tháng Mười năm Mậu Tuất, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ chín (1118).

Chu Nguyên Hạo, giữ chức Phụng nghi lang, thủ Thái thường thừa, kiêm quản ngự phủ tài hóa kiêu kỵ úy, tứ phi ngự đại, tá tử, viết chữ trên bia.

4. Bia Càn Ni sơn Hương Nghiêm bi kí

Bia chùa Hương Sơn thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Văn bia không ghi người soạn, nhưng theo Hoàng Xuân Hãn, thì có lẽ cùng do Hải Chiếu đại sư Thích Pháp Bảo soạn. Bia dựng năm Giáp Thìn niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ thứ 5 (1124).

Nguyên văn chữ Hán:

乾尼山香巖寺即道融禪師諱(?)重修葺也。
師先祖越愛州九真郡令族、鎮國僕射黎公

丁先皇聞公有道、封為愛州九真郡都國掖使、金紫光祿大夫

到黎大行黃帝巡遊五縣江、見其寺已頽然、續補構之。到黎家太宗皇帝南幸愛州、覽茲梵宇、綿曆代祀、棟樑隳毀、而復崇之

Phiên âm:

Càn Ni sơn Hương Nghiêm tự tức Đạo Dung thiền sư húy (...) trùng tu tập dã. Sư tiên tổ Việt Ái châu Cửu Chân quận lệnh tộc, Trần quốc bộc xạ Lê công, gia phú hào thịnh. Tích cốc nhất bách dư thập lẫm; Đãi Đinh Tiên Hoàng văn công hữu đạo, phong vi Ái châu Cửu Chân quận Đô quốc dịch sứ, Kim tử quang lộc đại phu. Sắc tứ bán kỳ. Đáo Lê Đại Hành hoàng đế, tuần du Ngũ Huyện Giang, kiến kỳ tự dĩ đôi nhiên, tục bổ cấu chi.

Dịch nghĩa:

Chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni là ngôi chùa do Thiền sư Đạo Dung tu sửa. Tổ tiên của Thiền sư là Trần quốc bộc xạ Lê công thuộc một dòng họ lớn ở quận Cửu Chân, châu Ái, nước Việt. Về sau Đinh Tiên Hoàng biết ông là người có đạo nghĩa bèn phong tước Kim tử quang lộc đại phu, cho làm Đô quốc dịch sứ quận Cửu Chân, châu Ái, lại sắc ban cho nửa cõi. Đến khi vua Lê Đại Hành đi tuần du đến Giang Ngũ Huyện, thấy chùa chiền đã đổ nát, liền cho xây đắp tu bổ lại.

Ngày 4 tháng Mười hai, mùa đông năm Giáp Thìn, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ thứ 5 (1124), sau tiệc chay dựng bia.

5. Bia Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh

Bia chùa Linh Xứng thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, nay đặt tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Văn bia do Hải Chiếu đại sư soạn, khắc năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 7 (1126). Văn bia được chép trong sách *Ái Châu bí kí*, kí hiệu VHv.1739 Viện Nghiên cứu Hán Nôm, thác bản văn bia số 20954-55.

Nguyên văn chữ Hán:

九真郡清化鎮福延資聖寺傳法沙門兼
知本郡教門公事覺性海照大師賜紫釋法寶
撰。

天符睿武七年丙午三月初三日齋慶訖立石。

秘書省校書郎管勾御府財貨、充清化郡通判李允茲書並篆額。

推誠協謀、保節守正、左理翊戴功臣、守尚書令、開府儀同三司、入內內侍省都都知、檢校太尉兼御史大夫、遙授諸鎮節度使、同中書門下平章事、上柱國。天子義弟、輔國上將軍、越國公、食邑一萬戶、食實封四千戶李常傑啟建。

僧惠統常心法刊。

Phiên âm:

Cửu Chân quận, Thanh Hóa trấn, Phúc Diên Tư Thánh tự, Truyền pháp sa môn, kiêm tri bản quận giáo môn công sự, Giác tính Hải Chiếu đại sư, tứ tử, thích Pháp Bảo soạn.

Thiên Phù Duệ Vũ thất niên, Bính Ngọ, tam nguyệt sơ tam nhật, trai khánh ngật lập thạch.

Bí thư sảnh Hiệu thư lang, quản câu ngự phủ tài hóa, sung Thanh Hóa quận Thông phán Lý Doãn Tư thư, tính triện ngạch.

Suy thành hiệp mưu, bảo tiết thủ chính, tá lý dục đới công thần, thủ Thượng thư lệnh, Khai phủ nghi đồng tam ty, Nhập nội Nội thị sảnh Đô đô tri, Kiểm hiệu Thái úy kiêm Ngự sử đại phu, dao thụ chư trấn Tiết độ sứ, Đồng trung thư môn hạ bình chương sự, Thượng trụ quốc, Thiên tử nghĩa đệ, phụ quốc thượng tướng quân, Việt Quốc công, thực ấp vạn hộ, thực thực phong tứ thiên hộ, Lý Thường Kiệt khai kiến.

Tặng Huệ Thống Thường tâm Pháp Nhàn san.

Dịch nghĩa: Giác tính Hải Chiếu đại sư, tứ tử, thích Pháp Bảo, là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tư Thánh quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa, kiêm coi việc giáo môn ở bản quận, soạn lời.

Khánh thành và dựng bia và ngày 3 tháng Ba năm Bính Ngọ, năm thứ bảy niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ (1126).

Lý Doãn Tư, giữ chức Bí thư sảnh, hiệu thư lang, quản câu ngự phủ tài hóa, sung Thông phán quận Thanh Hóa, viết chữ kiêm viết đầu đề bằng chữ triện trên trán bia.

Lý Thường Kiệt, giữ chức Suy thành hiệp mưu, bảo tiết thủ chính, tá lý dục đới công thần, thủ Thượng thư lệnh, Khai phủ nghi đồng tam ty, Nhập nội nội thị sảnh

Đô đô tri, Kiểm hiệu Thái úy kiêm Ngự sử đại phu, dao thụ chur trần Tiết độ sứ, Đồng trung thư môn hạ bình chương sự, Thượng trụ quốc, thiên tử nghĩa đệ, phụ quốc Thượng tướng quân, Việt Quốc công, thực ấp một vạn hộ, thực thực phong bốn nghìn hộ, xây dựng chùa.

Sư Huệ Thống Thường tâm Pháp Nhàn khắc bia.

Như vậy là trong 5 văn bia thời Lý ở Thanh Hóa này thì 4 văn bia ghi được địa danh Thanh Hóa, trong đó 3 văn bia đầu ghi Thanh Hóa là trại (Thanh Hóa trại 清化寨), còn 1 văn bia cuối cùng ghi Thanh Hóa là trấn (Thanh Hóa trấn 清化鎮). Văn bia chùa Hương Nghiêm không đề cập đến địa danh Thanh Hóa, nhưng cho biết địa danh này ở thời Đinh, Lê là Châu Ái, quận Cửu Chân, nước Việt, phù hợp với tài liệu thư tịch.

Trên cơ sở tư liệu văn bia này mà trong Hội thảo khoa học “*Thanh Hóa đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương khởi đầu và diễn biến*” do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức vào tháng 11/2011 đã đưa ra hai thời điểm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa, là năm 1029 và năm 1082.

Thời điểm năm 1029 được dựa trên cứ liệu văn bia thời Lý và ghi chép trong Cương mục; còn cơ sở của năm 1082 cũng dựa theo cứ liệu văn bia và cứ liệu trong chính sử, đồng thời cho rằng, trước thời điểm năm 1082 này nhiều sử liệu vẫn ghi là Ái Châu.

Thực tế sự kiện năm 1082 được ghi trong văn bia đề cập đến Danh xưng Thanh Hóa không phải là việc khởi đặt danh xưng này mà là nhắc lại Danh xưng Thanh Hóa vốn đã có từ trước. Đoạn văn bia đó được viết trong bia chùa Báo Ân núi An Hoạch như sau: “Chí Nhâm Tuất chi tuế, hoàng đế đặc gia Thanh Hóa nhất quân, tứ công phong ấp...”, nghĩa là: “Đến năm Nhâm Tuất (1082) nhà vua đặc biệt ban thêm cho một quân Thanh Hóa, cho ông (Lý Thường Kiệt) làm phong ấp...”.

2. Bổ sung tư liệu về Danh xưng Thanh Hóa

Tài liệu văn bia như trên cho biết Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện từ năm 1029. Tuy nhiên, thực tế danh xưng này có thể còn xuất hiện sớm hơn.

Tài liệu lịch sử liên quan đến địa danh hành chính vùng đất Thanh Hóa này được nhiều bài viết điểm ra, nhưng cũng rất chung chung. Đại loại như “Các triều Đinh, Lê vẫn gọi là Ái Châu. Đời Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (1010) đổi cả nước 10 đạo làm 24 lộ 路, Hoan Châu và Ái Châu làm trại 寨. Đến đời Lý

Thái Tông niên hiệu Thiên Thành năm thứ 2 (1029), đổi làm phủ Thanh Hóa 清化府”. Hoặc *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi: “Đến thời Lý, năm Thuận Thiên thứ nhất, Canh Tuất (năm 1010), nhà Lý “đổi 10 đạo làm 24 lộ, châu Hoan, châu Ái làm trại”. Sách “Toàn thư” và “Cương Mục” chỉ chép tên 12 lộ trong đó có Thanh Hóa lộ.

Chúng tôi bổ sung một số tài liệu khác liên quan đến việc khảo cứu địa danh Thanh Hóa. Trước hết là sách địa chí *Thanh Hóa tỉnh chí*, sách chữ Hán, kí hiệu A. 3027 tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Trong sách có phần khảo về thay đổi địa danh ở Thanh Hóa như sau:

“Tỉnh Thanh Hóa ở đời Hùng Vương làm bộ Cửu Chân, ở đời An Dương Vương hoặc cứ nhưng làm bộ, hoặc là đổi làm hiệu gì, không khảo cứu vào đâu được. Đến đời Triệu Vũ Đế thì làm huyện Cửu Chân, đến khi nội thuộc vào hai nhà Hán, mới đặt làm quận Cửu Chân, gồm có 7 huyện, đều đặt quan Lĩnh Úy. Và Cửu Chân cùng với Nhật Nam, Giao Chỉ, Hợp Phố, Uất Lâm, Thương Ngô, Nam Hải cộng làm 7 quận. Mỗi quận đều đặt một ông thái thú, để thống thuộc vào quan Thứ sử Giao Châu, đóng lỵ sở tại Long Biên.

Đến đời Tam Quốc, chúa nước Ngô là Tôn Hựu, mới chia 7 quận ở Giao Châu ra đặt thêm làm 17 quận. Lại đặt thêm chức Thứ sử ở Quảng Châu để chia trị. Còn đất 7 huyện ở Cửu Chân thì chia ra mà đặt thêm làm quận

Cửu Đức có 8 huyện. Cả hai quận cộng là 13 huyện, nhưng vẫn thuộc vào Giao Châu.

Các đời Tấn, Tống, Tề, đều nhân như thế, đến vua Vũ Đế nhà Lương mới đổi quận làm châu, lại chia đất Giao Châu ra đặt thêm vài châu nữa và đổi quận Cửu Chân làm Ái Châu, quận Cửu Đức làm Đức Châu, đặt quan thứ sử để cai trị.

Đến đời nhà Tùy, mới đặt chức Hành quân tổng quản đạo Giao Châu và đổi Đức Châu làm Hoàn Châu.

Năm Đại Nghiệp, Kinh lược sứ Lâm Ấp mới đặt chức quan Hoan Châu đạo hành quân tổng quản. Sau lại bãi chức Tổng quản bỏ châu làm quận Ái Châu lại lấy tên cũ là quận Cửu Chân, mà lấy đất Hoan Châu thắp vào quận Nhật Nam. Còn đất cũ của quận Nhật Nam thì lại chia ra làm hai quận là: Lâm Ấp và Bắc Cảnh mà đặt quan thú, quan mục.

Đến đời Vũ Đức nhà Đường, mới đặt chức Giao Châu đại tổng quản. Chưa bao lâu lại đổi làm Giao Châu đô đốc. Quận Cửu Châu lại làm Ái Châu, quận Nhật Nam lại làm Hoan Châu, nhưng cứ hễ đặt chức thứ sử mà cho các châu đều thống thuộc vào Đô đốc.

Đến khoảng năm Trinh Quán nhà Đường mới chia đất Hoan Châu ra đặt thêm làm Diên Châu, sau lại bỏ Diên Châu mà gộp vào Hoan Châu.

Năm đầu niên hiệu Diển Lộ Hoan, Ái và các châu khác, tất cả 13 châu đều có đặt quan thứ sử cả, nhưng đều thống thuộc vào quan Đô hộ. Đến giữa niên hiệu Chí Đức các châu ở An Nam mới đặt thêm dần đến 17 châu. Đến năm đầu niên hiệu Quảng Đức lại đặt thêm quận Diên Thủy ở châu Hoan.

Đến khoảng năm Nguyên Hòa, Lâm Ấp đến xâm lược tự đặt hai người làm quan Đô đốc ở hai châu Hoan và Ái. Sau bị đô hộ là Trương Châu đánh bại. Trương Châu đắp hai thành châu Hoan và châu Ái.

Từ đấy về sau, An Nam có đặt Kinh lược Chiêu Thảo sứ và Tiết Đô sứ. Còn ở châu Hoan, châu Ái thì đặt quan Đô đốc hoặc Tư Mã để cai trị. Lại trải qua đời Ngự Quý, thì Hoan, Ái lại giữ tên châu như cũ. Mà đương lúc Nam, Bắc phân tranh, thì thống thuộc vào hạt nào, không khảo cứu được.

Đến lúc vua Đinh Tiên Hoàng dựng nước, chia nước ra làm 10 đạo. Đến đời Lê Đại Hành mới đổi đạo làm lộ, còn thống thuộc thì có những tên: trại, châu, huyện, giáp, hương, xã, sách. Duy ở đời Đinh, Lê thì châu Ái đặt ra lộ, phủ và sở thuộc chia đặt như thế nào, đều không khảo cứu được.

Đến đời nhà Lý, chia 10 lộ ra làm 24 lộ, còn châu Ái và châu Hoan đều đổi làm trại, sau lại đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu, Ái Châu làm Cửu Chân quận rồi lại

làm Thanh Hóa phủ. Còn sự chia đặt đại khái vẫn theo qui chế cũ của các nhà Đinh, Lê. Nay thấy sử chép, ở lộ thì có An Phủ, ở phủ thì có Tri phủ và Phan phủ sự. Ở trại thì có trại chủ, châu thì có Tư châu, giáp thì có Quản giáp. Đầu đời nhà Trần, chia trong nước ra làm 12 lộ, mỗi lộ đều đặt hai viên quan là An Phủ sứ và Trấn Phủ sứ. Thanh Hóa là một trong 12 lộ. Còn chia đặt làm châu, huyện, trại, giáp, cũng vẫn dễ như qui chế nhà Lý. Lại có đặt ra đại tư xã, tiểu tư xã, lấy chức quan 5, 6 phân sung làm...”.

Tài liệu trên tuy không chỉ rõ Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện chính xác vào thời điểm nào, song nhiều thông tin cho biết ở vùng đất này thời Đinh - Tiền Lê đến đầu thời Lý vừa xuất hiện địa danh Ái châu, vừa xuất hiện địa danh Thanh Hóa, trong Ái Châu có Thanh Hóa.

Tài liệu *Lĩnh ngoại đại đáp* 嶺外大答 của Chu Khứ Phi, sử gia thời Nam Tống, viết về nước An Nam, có đoạn được dịch ra sau đây:

“Giao Chỉ vốn là Tượng Quận thời Tần. Thời Hán, Đường phân đặt, được chép trong Cổ địa Bách Việt. Trong nội địa nguy đặt 4 phủ 13 châu 3 trại. Phủ có Đô hộ, Đại Thông, Thanh Hóa, Phú Lương; châu có Vĩnh An, Vĩnh Thọ, Vạn Xuân, Phong Đạo, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Giá Phong, Trà Lư, An Phong, Tô Châu, Mậu Châu, Lạng Châu; trại có Hòa Ninh, Đại Bàn, Tân An”.

安南國。交阯本秦象郡，漢唐分置，已見於百粵故地首篇。境內偽置四府十三寨。府曰都護，大通，清化，乂安，遮風。州曰永安，永泰，萬春，豐道，太平，清化，乂安，遮風，茶蘆，安豐，蘇州，茂州，諒州。寨曰和寧，大盤，新安。

Tư liệu trên tuy chưa nói rõ Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện khi nào, nhưng qua đó gợi mở rằng, danh xưng này có thể đã xuất hiện trước thời Lý.

Tóm lại, Danh xưng Thanh Hóa được tài liệu văn bia và các nguồn sử liệu cho thấy đã xuất hiện khá sớm từ đầu thời Lý trước năm 1029. Địa danh này với vùng đất địa đầu này có tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước của dân tộc, cần được tiếp tục nghiên cứu để phát huy ý nghĩa, giá trị trong công cuộc phát triển đất nước hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

1. Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục - Thiên chương* (bản dịch), Nxb. Sử học, Hà Nội, 1963.
2. Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt, Lịch sử ngoại giao triều Lý*, Hà Nội, Sông Nhị, in lần thứ 2, Hà Nội, Nxb. Hà Nội, 1950.

3. N. I. Ni-Cu-Lin, “Ba bài văn bia và sự phát triển của văn học Việt Nam đầu thế kỉ XII”, *Tạp chí Văn học*, số 2 - 1976.

4. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản dịch), tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998.

5. *Nghiên cứu Chữ Nôm* (Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm), Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hội Bảo tồn di sản chữ Nôm Hoa Kỳ, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2006.

6. Đại đức, TS. Thích Đức Thiện - TS. Nguyễn Quốc Tuấn (đồng chủ biên), *Phật giáo thời Lý với 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.

7. *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1971.

8. *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, quyển Thượng, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1989.

9. Hà Văn Tấn, *Chữ khắc trên đá, chữ trên đồng, minh văn và lịch sử*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2002.

10. Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Viện Viễn Đông bác cổ Pháp, *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 1: *Từ Bắc thuộc đến thời Lý*, 1998.

11. *Thanh Hóa tinh chí*, bản chữ Hán, kí hiệu A. 3027, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Bản dịch tư liệu của Đinh Khắc Thuân.

12. *Lĩnh ngoại đại đáp*, sách chữ Hán.

13. Đinh Khắc Thuân - Thích Đức Thiện, chủ trì, *Văn bia chùa Phật thời Lý*, Nxb. KHXH, 2010.

14. Phạm Văn Ánh; Phan Bảo; Trần Trọng Dương; Nguyễn Quang Thắng; Lê Quốc Việt (giới thiệu, biên dịch, khảo chú); Nguyễn Tô Lan (hiệu duyệt), Tuyển tập *Văn bia Thanh Hóa*, tập 1: *Văn bia thời Lý - Trần*, Nxb. Thanh Hóa, 2012.

THỜI ĐIỂM RA ĐỜI ĐỊA DANH THANH HÓA^(*)

Thanh Hóa là một đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương được nhà nước phong kiến đặt cho nhiều tên nhất: Cửu Chân, Ái Châu, Thanh Hóa, Thanh Đô, Thiên Xương, Tây Đô, Thanh Hoa, Thanh Hóa... Nhìn chung, trong hàng nghìn năm lịch sử của dân tộc, chỉ có mấy tên phổ biến: Cửu Chân, Ái Châu, Thanh Hóa, Thanh Hoa,... Về tuổi thọ, tên Thanh Hóa tồn tại lâu dài nhất (Lý, Trần, thuộc Minh, Lê Sơ, Nguyễn Thiệu Trị, Việt Nam dân chủ cộng hoà,...).

Cuối năm 2011, Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch Thanh Hóa phối hợp với Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, tổ chức Hội thảo khoa học “*Thanh Hóa đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương khởi đầu và diễn biến*” để tìm thời điểm ra đời “*Danh xưng Thanh Hóa*”. Theo Báo cáo đề dẫn, nội dung tham luận trong Hội thảo nổi lên 2 nhóm vấn đề. Nhóm thứ nhất: Đỗ Bang, Hoàng Tuấn Phổ, Lâm Bá Nam,... căn cứ vào các nguồn thư tịch cổ và mới, cho biết: *Tên Thanh Hóa ra đời đầu tiên năm 1029 vào đời vua Lý Thái Tông (1028-1054)*. Nhóm thứ hai tập trung cứ liệu nguồn văn bia, qua 5 văn bản bia thời Lý

(*). Nhà nghiên cứu Hoàng Tuấn Phổ, Hội VHNT Thanh Hóa.

với các nguồn tư liệu khác, các tác giả: Nguyễn Minh Tường, Đinh Khắc Thuân, Nguyễn Hải Kế, Phạm Tân,... cho rằng tên *trấn Thanh Hóa có mặt sớm nhất vào năm 1082*, cũng chính là *năm Thái úy Lý Thường Kiệt được cử vào trấn trị Trấn Thanh Hóa*.

Xem *Kỷ yếu hội thảo* (ghi ngày 24/12/2011) tôi nhận thấy *nhóm tham luận thứ hai, số lượng tác giả đông gấp ba, bốn lần nhóm thứ nhất*. Có lẽ vì thế, ông Chủ tịch điều hành Hội thảo buộc phải đưa ra ý kiến chỉ đạo *lấy biểu quyết để kết luận đúng, sai, phải trái của một vấn đề khoa học còn phải tiếp tục thảo luận*.

Ý kiến nhóm tham luận thứ hai, lấy thời điểm 1082 cho Danh xưng Thanh Hóa, theo tôi rất cần được xem xét lại:

1. Đây cũng là quan điểm của Hoàng Xuân Hãn tác giả sách *Lý Thường Kiệt* (Nxb. KHXH, các trang 269, 270). Hoàng Xuân Hãn viết:

“Đến đời Lý, kinh đô đóng tại Thăng Long, đất Ái Châu *liền* đổi ra *trại* Thanh Hóa, hình như không được quan tâm lắm... Theo đó, đất Thanh Hóa bấy giờ chỉ giao cho các châu mục giữ, chứ không có đại quân đóng. Mỗi lúc hữu sự thì sai quân ở miền Bắc vào. Phải đợi đến năm 1082, Lý Nhân Tông mới đặt Thanh Hóa thành một *trấn* có một đạo quân đóng luôn ở đó. Đạo quân ấy giao cho Lý Thường Kiệt”.

Hoàng Xuân Hãn nói đúng hay sai? Vấn đề chúng ta cần tìm hiểu là *Tên Thanh Hóa*, dù là *trại*, *phủ*, *đạo*, *trấn*, hay *lộ*..., được chính quyền Trung ương đặt từ bao giờ? Chính Hoàng Xuân Hãn cũng theo sử *Toàn thư* mà cho rằng “*trại Thanh Hóa*” được đổi tên thay Ái Châu từ *đầu đời Lý*.

2. Bia chùa *Báo Ân núi An Hoạch*, soạn giả Chu Văn Thường viết về Lý Thường Kiệt: “*Chỉ Nhâm Tuất chi tuế, hoàng đế đặc gia Thanh Hóa nhất quân, tứ công phong ấp...*”. Sách *Thơ văn Lý - Trần* (Nxb. KHXH) dịch nghĩa: “Đến năm Nhâm Tuất (1082), nhà vua đặc biệt ban thêm cho một quân ở Thanh Hóa, cho ông làm phong ấp...”. Đối chiếu với bia chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn viết: “*Anh Vũ Chiêu Thắng sơ, bao thiên tử nghĩa đệ, tri Ái Châu Cửu Chân quận, Thanh Hóa trấn chư quân sự, phong thực Việt Thường vạn hộ...*”. Dịch: “Đầu năm Anh Vũ Chiêu Thắng (1076-1084), Thái úy được phong làm em nuôi vua, *trông nom mọi việc quân* ở các châu thuộc trấn Thanh Hóa, quận Cửu Chân, Châu Ái và phong cho thái ấp một vạn hộ ở Việt Thường...” (*Thơ văn Lý - Trần*).

Căn cứ tài liệu văn bia trên đây, *đầu năm Anh Vũ Chiêu Thắng phải là năm 1076, không thể là năm 1082, vì năm 1082 đã sang khoảng cuối niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng*, cách năm 1082 chỉ có 2 năm thì hết niên

hiệu này (1084)⁽¹⁾. Ngược thời gian lịch sử, chúng ta lại thấy sử *Toàn thư* chép đời Thánh Tông, Lý Thường Kiệt được phong làm Thái bảo, ban cho phủ việt đi xét thăm các lại dân Thanh Hóa, Nghệ An. Xét đời Lý Thánh Tông làm vua từ 1054 đến 1072 (nổi tiếp là Nhân Tông), vậy, trước năm 1072, khi Lý Thường Kiệt mới được phong Thái bảo, chưa phải là Thái úy, đã có tên Thanh Hóa rồi! (Sử *Toàn thư* chép sự việc này vào năm 1105 Lý Thường Kiệt chết - Kỷ Nhân Tông).

Tóm lại, *không thể căn cứ các sự kiện, sự việc Lý Thường Kiệt, những cái mốc quan trọng trong đời làm quan của ông để khẳng định thời điểm địa danh Thanh Hóa ra đời. Cho đến các sự việc như “Năm Tân Mão” (1111) phủ Thanh Hóa dưng cây cau một gốc, 9 cây (Toàn thư) cũng vậy.*

3. Từ sau năm 1029, Ái Châu được đổi làm phủ Thanh Hóa, tại sao một số sự kiện xảy ra trong đời Lý Thái Tông vẫn dùng địa danh Ái Châu, như đánh giặc Đản Nãi, v.v...? Hiện tượng này được xem là lý do then

(1). Ông Hoàng Xuân Hãn dịch: “Ban đầu đời Anh Vũ Chiêu Thắng” là đúng. Nhưng ông lại mở ngoặc (theo bia Báo Ân thì năm 1082, Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 7 Lý Thường Kiệt đến Thanh Hóa, thì Hoàng Xuân Hãn lại hiểu sai lời văn bia Báo Ân “*Chí Nhâm Tuất chi tuế, hoàng đế đặc gia Thanh Hóa nhất quân tứ công phong ấp...*”. “Chí Nhâm Tuất chi tuế” nghĩa là *đến năm Nhâm Tuất (1082)* ông được *ban thêm* một quân... tức là ông đã đến Thanh Hóa từ trước.

chốt để bác bỏ luận điểm năm 1029, năm thứ 2 Lý Thái Tông đặt tên Thanh Hóa.

Nghi vấn này thực ra có thể giải đáp được.

Một là, tên Cửu Chân, Ái Châu đã trở thành quá quen thuộc, in sâu vào tâm trí nhà chép sử, soạn sách thời phong kiến cổ, trung đại, nên dễ lầm lẫn, nhưng ai cũng hiểu đó là miền đất Thanh Hóa. Thời Trần, vua Trần Nhân Tông chẳng đã viết “*Cối Kệ* cừu sự quân tu kỷ, *Hoan Ái* do tồn thập vạn binh” đó sao? Trong sử *Toàn thư* chép: “Giáp Tý (784) (Đường Đức Tông Quát, Hưng Nguyên năm thứ 1) người quận Cửu Chân là Khương Công Phụ làm quan ở nhà Đường, đậu tiến sĩ, bổ làm Hiệu thư lang...” (Nxb. KHXH, tập 1, tr.131). Đáng lẽ Ngô Sĩ Liên phải chép “người Ái Châu là Khương Công Phụ...” vì nhà Đường và trước đó, nhà Lương, nhà Tùy đều bỏ quận Cửu Chân làm Châu Ái - Ái Châu. v.v...

Hai là, Lý Thái Tổ (1010) đổi Ái Châu làm trại, đến Lý Thái Tông chính thức đặt phủ Thanh Hóa, phủ này là sự nâng cấp cho một đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, bao gồm cả quận Cửu Chân, Châu Ái - Ái Châu (dưới quận, châu có cấp huyện như Kết Thuế, Kết Duyệt, v.v...). Cho nên, tên Cửu Chân, Ái Châu vẫn được dùng để chỉ vùng đất thuộc phủ Thanh Hóa từ Lý Thái Tông đến Lý Nhân Tông và đời sau.

Với Hội thảo “Danh xưng Thanh Hóa” lần này (2016) sau hơn 4 năm (12/2011), tôi vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày trong tham luận Hội thảo trước. Tuy nhiên, đây cũng là dịp tốt để tôi bổ sung thêm một vài điều về cứ liệu chứng minh cho quan điểm của mình.

Sử *Toàn thư* chép: Tháng 12 năm Canh Tuất, Thuận Thiên thứ nhất (tháng 12 âm lịch không thuộc năm dương lịch 1010 mà đã chuyển sang tháng 1 năm 1011): Đổi 10 đạo (thời Tiền Lê) làm 24 lộ, *châu Hoan, châu Ái làm trại*.

Sử *Cương mục* cũng chép: Tháng 12 năm Canh Tuất, Thuận Thiên thứ I, “Đổi 10 đạo làm 24 lộ; Ái Châu và Hoan Châu làm trại”.

Đại Nam nhất thống chí đời Tự Đức: “Đời Lý năm Thuận Thiên thứ nhất đổi Ái Châu làm trại, sau đổi làm phủ Thanh Hóa”. Tiếp theo, *Đại Nam nhất thống chí* chép: “Đời Trần năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 11, đổi làm lộ Thanh Hóa...”. Như vậy, *Đại Nam nhất thống chí* (Quốc sử quán triều Nguyễn) nói vắn tắt, gộp hai việc của hai thời điểm thuộc đầu thời Lý làm một.

Sử *Cương mục* khác và hơn sử *Toàn thư* ở chỗ khảo cứu, hiệu đính... nhiều vấn đề kỹ lưỡng, tường tận, nói lên cách làm việc của Quốc sử quan triều Nguyễn công phu, nghiêm túc và khoa học. *Cương mục* nói rõ: “Năm Thiên Thành thứ 2 đổi làm Thanh Hóa phủ”. Đối chiếu niên biểu lịch sử, chúng ta biết năm Thiên Thành thứ II

là năm Kỷ Ty, dương lịch là năm 1029, cách tháng 12 Canh Tuất (1011) 18 năm, Lý Thái Tông nối ngôi Lý Thái Tổ chưa được 2 năm, thuộc thời kỳ Lý sơ.

Trong tham luận Hội thảo lần trước, PGS.TS Đỗ Bang - ThS. Trần Văn Quyến (Thừa Thiên Huế) dẫn ra nhiều cứ liệu làm sáng tỏ thêm thời điểm 1029, năm ra đời “Danh xưng Thanh Hóa” như *Đại Việt dư địa toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu, *Việt sử địa dư* của Phan Đình Phùng “đều có những ghi chép tương tự như trong *Việt sử thông giám cương mục*” (Kỷ yếu... tr.27).

Tài liệu tham khảo vấn đề “Danh xưng Thanh Hóa” sách có giá trị khảo cứu, tôi thấy hai cuốn sách xuất bản sau 1960 rất đáng chú ý:

- *Đất nước Việt Nam qua các đời*, GS. Sử học Đào Duy Anh dẫn sử *Cương mục* cho rằng tên Thanh Hóa ra đời năm 1029.

- *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, GS. Sử học Hà Văn Tấn chú giải cũng ghi thời điểm Thanh Hóa được đặt tên năm 1029.

Xưa nay, triều đại nào, thời đại nào cũng vậy, việc đổi địa danh cũ, đặt địa danh mới, đều phải có lý do. Vậy, tại sao năm Thiên Thành thứ 2 (1029) mới đổi đặt tên thành phủ Thanh Hóa, một đơn vị hành chính lúc ấy là cấp cao hơn châu, quận, trực thuộc chính quyền Trung ương?

Sử Toàn thư, Cương mục chép:

Tháng 12 năm Nhâm Tý (1012), người Diễn Châu chống lại mệnh lệnh triều đình, nhà vua (Lý Thái Tổ) tự cầm quân đi đánh. Khi quân về đến cửa Biện (Biện Sơn, Tĩnh Gia, Thanh Hóa) gặp cơn gió mưa mờ mịt, sấm chớp âm âm, mọi người đều sợ có sự bất trắc. Nhà vua đốt hương khẩn trời rằng: “Tôi là người ít đức, đứng đầu quan và dân, vẫn nom nớp sợ hãi, như lo lỡ sa xuống vực sâu. Chỉ vì người Diễn Châu ngang ngạnh, không theo giáo hóa, nên bắt buộc phải đi đánh dẹp. Trong vòng gươm giáo chắc không khỏi có sự oan uổng tới dân lành, đến nỗi làm cho hoàng thiên nổi giận, một mình tôi đây dù phải chịu cũng không dám ân hận gì, nhưng còn sáu quân vô tội thì sao? Kính mong lòng trời soi xét cho”. Khán vừa dứt lời, sấm gió yên ngay.

Năm Canh Thân (1020-1021), Thái tử Lý Phật Mã (Lý Thái Tông) đi đánh Chiêm Thành, đêm nghỉ lại Trường Yên mộng thấy thần nhân núi Đồng Cổ xin đi theo đánh giặc. Quả nhiên, khi lâm trận, Thái tử nghe trên không chiêng trống âm ỉ, quân reo ngựa hí vang trời. Lúc trở về, Thái tử vào đền thờ sơn thần Đồng Cổ ở núi Khả Lao (huyện Yên Định, Thanh Hóa) tạ lễ, xin tu sửa lại đền.

Năm Mậu Thìn (1028), mồng một tháng 3, Lý Thái Tổ mất, các con đều muốn làm vua. Thái tử Lý Phật Mã

được thần núi Đổng Cổ báo mộng cho biết ba vương tử sắp nổi loạn cướp ngôi, phải đề phòng cẩn thận, quả nhiên sự việc xảy ra rất đúng.

Trong lúc tình hình kinh sư náo động, Hoàng thành nguy cấp, Thái tử lúng túng chưa biết nên đối phó thế nào, Lê Phụng Hiểu, Vũ vệ tướng quân rút gươm nhảy phát lên ngựa đánh tan quân phản loạn, phò tá Lý Phật Mã lên ngôi trước linh cữu Lý Thái Tổ.

Sự kiện trên tác động khá lớn tới Lý Phật Mã, khiến ông phải rước thần Đổng Cổ về lập đền thờ ở Thăng Long, tôn làm minh chủ hàng năm mở Hội thê cho bá quan. Lê Phụng Hiểu được Thái Tông khen ngợi: “Ta thường xem sử nhà Đường thấy Uất Trì Kính Đức giúp nạn vua, tự nghĩ là người bề tôi đời sau không ai sánh kịp. Năm nay gặp nguy hiểm mới biết Phụng Hiểu trung dũng hơn Kính Đức nhiều!”. Bèn thăng cho Phụng Hiểu làm Đô thống thượng tướng quân.

Lê Phụng Hiểu xuất thân chàng trai nghèo núi Bung (Hoàng Hóa) vũ dũng hơn người và thần núi Đổng Cổ đều là người Ái Châu. Cho nên, Thái Tông lên ngôi năm trước (1028) thì năm sau (1029) đổi đặt trại Ái Châu làm phủ Thanh Hóa. Tên Thanh Hóa bắt đầu từ đây.

DANH XUNG THANH HÓA CÓ TỪ BAO GIỜ^(*)

Cuộc hội thảo của chúng ta có chủ đề “*Danh xưng Thanh Hóa có từ bao giờ và những cứ liệu lịch sử*”. Nhiều tỉnh trên đất nước ta đã từng đặt cho giới sử học câu hỏi tương tự như vậy. Và nhiều tỉnh đã tổ chức hội thảo, tổ chức kỷ niệm ngày lập tỉnh của họ.

Trong lịch trình phát triển của Việt Nam, Thanh Hóa có vị trí riêng: Có lịch sử từ ngày lập quốc, có nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ, có nhiều vị anh hùng lập quốc, có vị tổ Trung hưng của dân tộc, sáng lập các triều vua (Tiền Lê, Hồ, Hậu Lê, Nguyễn), có dòng chúa (Trịnh, Nguyễn).

Bây giờ đặt ra một câu hỏi: Trong những chặng đường lịch sử vẻ vang ấy, Thanh Hóa xuất hiện năm, tháng nào? Tầm giấy khai sinh của Thanh Hóa vào thời khắc nào? Như một người đánh mất giấy khai sinh, nay muốn tìm lại ngày chào đời của mình là việc vất vả, thật khó.

Các tỉnh đã tìm và tìm thấy, nay đến lượt chúng ta. Tiêu chí mà chúng ta đi tìm là “danh xưng”. Thế còn địa giới hành chính? Trong lịch sử đất nước, địa giới hành

(*). Nhà nghiên cứu Lê Xuân Kỳ, Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa.

chính luôn thay đổi, tách, nhập... Chỉ lấy riêng Thanh Hóa việc tách, nhập, đổi tên... cũng đã làm các nhà sử học đau đầu. Ví như: Nguyễn Trãi viết “Thọ Xuân có ngà voi, sừng tê...”. Nhiều người không rõ đã kêu lên: một vùng đồng bằng mênh mông sao lại có voi, có tê giác. Mãi sau ta mới rõ đây là huyện Thọ Xuân khác ở miền núi (Thường Xuân). Rồi huyện Bá Thước. Cho đến lúc này ta vẫn định ninh nó ra đời năm 1925. Sách *Địa chí huyện Bá Thước* in năm 2015 khẳng định huyện Bá Thước được thành lập năm 1925. Cách đây mấy tháng, Huyện ủy, UBND huyện Bá Thước được Viện Hán - Nôm, Viện Sử học tìm trong kho lưu trữ tám “giấy khai sinh” đề năm 1928 do chính tay vua Bảo Đại và Khâm sứ Trung Kỳ, lại có cả việc cử ông Hà Triều Nguyệt làm Tri châu. Mới có 87 năm (1928 - 2015) mà tất cả chúng ta đều không nhớ ra.

Do đó, với vấn đề “Danh xưng Thanh Hóa” ta càng phải thận trọng. Cũng may, đại thể từ khi ra đời Thanh Hóa hầu như chưa có chuyện tách nhập (trừ trường hợp ngoại trấn Thanh Hóa - Ninh Bình) và mấy huyện kỳ mi (tổ chức lỏng lẻo) là: Trình Cố, Man Duy, Sầm Nưa.

Xin nêu ra những sách, tài liệu đã viết về vấn đề này:

A. Các sách in trước năm 1945:

1. *Đại Việt sử ký toàn thư.*
2. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục.*

3. *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi.
4. *Đồng Khánh dư địa chí*.
5. *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú.
6. *Tỉnh Thanh Hóa* của H. Le Breton.
7. *Tỉnh Thanh Hóa* của Charles RoBequain.
8. *Sử học bị khảo* của Đặng Xuân Bảng.
9. *Việt Nam quốc sử khảo* của Phan Bội Châu.

B. Các sách in sau năm 1945:

1. *Đất nước Việt Nam qua các đời* của Đào Duy Anh.
2. *Đại cương lịch sử Việt Nam* của Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ.
3. *Việt Nam những sự kiện lịch sử* - Viện sử học.
4. *Đại cương lịch sử Việt Nam* - Nxb. Giáo dục.

C. Văn bia (in thành sách):

1. Bia thời Lý - Trần.
2. Bia thời Lê.
3. Thần tích, thần sắc Thanh Hóa.
4. Các sách lịch sử Thanh Hóa do Ban nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa. Sách do UBND tỉnh in.
5. Địa chí Thanh Hóa và các huyện Thọ Xuân, Cẩm Thủy, Bá Thước, Đông Sơn...

Trên đây là mấy chục cuốn sách, tấm bia nói sự ra đời của tỉnh Thanh Hóa.

Trước hết là sách *Đại Việt sử ký toàn thư*⁽¹⁾ viết:

“Tân Mão, Hội Trường Đại Khánh năm thứ 2 (1111), Tổng Chính Hòa năm thứ 1, mùa xuân, phủ Thanh Hóa dâng cây cau một gốc 9 thân.

Mùa thu được mùa to.

Mặt trời có hai quầng”.

Trước năm 1111 *Đại Việt sử ký toàn thư* chưa bao giờ nói đến khái niệm “phủ Thanh Hóa”. Các sách ở Thanh Hóa (cả xưa và nay) đều ghi chú: “Tên gọi Thanh Hóa có từ đây”. Nhưng đọc cho kỹ câu “mùa xuân, phủ Thanh Hóa dâng cây cau một gốc 9 thân” (không nói đến năm ra đời của Danh xưng “Thanh Hóa”. Năm 1111 đã là “phủ Thanh Hóa”. Vậy theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Thanh Hóa phải có trước năm 1111.

Việt sử thông giám cương mục⁽²⁾ viết:

“Thanh Hóa: Đời Hùng Vương xưa Thanh Hóa thuộc bộ Cửu Chân; nhà Tần, thuộc Tượng Quận; nhà Hán, là quận Cửu Chân; Ngô, Tấn và Tống cũng theo tên cũ của Hán; Lương Võ đế đổi Cửu Chân làm Ái Châu; nhà Tùy

(1). Quốc sử quán triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2003, tập 2, tr.439.

(2). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, 2004, tập 2, tr.1078.

lại gọi là Cửu Chân quận; nhà Đường chia đặt làm 2 quận: Ái Châu và Cửu Chân.

Nhà Đinh và nhà Lê gọi Thanh Hóa là Ái Châu; nhà Lý đổi làm trại, năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi làm Thanh Hoa phủ; nhà Trần năm Nguyên Phong thứ 6 gọi là trại; khoảng năm Thiệu Phong lại đổi làm lộ, chia đặt 3 phủ là: Thanh Hoa, Cửu Chân và Ái Châu; năm Quang Thái thứ 10 đặt trấn Thanh Đô, đem 3 phủ này lệ vào trấn ấy; nhuận Hồ đổi phủ Thanh Hóa làm phủ Thiên Xương, hợp với Cửu Chân, Ái Châu làm tam phủ, gọi là Tây Đô; thuộc Minh hợp lại làm phủ Thanh Hóa; nhà Lê năm Thuận Thiên nguyên niên đổi thuộc đạo Hải Tây; năm Thiệu Bình thứ 2, Thanh Hóa có 6 phủ lệ thuộc là: Thiệu Thiên, Hà Trung, Tĩnh Gia, Thanh Đô, Trường Yên và Thiên Quan; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Thanh Hóa thừa Tuyên; đến đây trích 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan cho lệ thuộc vào Sơn Nam; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; khoảng giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn, rồi lại trích lấy 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan ở Nam Sơn cho lệ thuộc vào, gọi là Thanh Hoa ngoại trấn; nhà Nguyễn Tây đem Thanh Hoa ngoại trấn lệ thuộc vào Bắc Thành; bản triều năm Gia Long nguyên niên vẫn gọi là trấn và đem Thanh Hoa ngoại trấn lệ thuộc vào; năm thứ 5 đổi ngoại trấn làm Thanh Bình đạo; năm Minh Mệnh thứ 2 đổi làm Ninh Bình đạo; năm thứ 10 đứng riêng làm Ninh Bình trấn; năm thứ 12 chia thành hai quản hạt: nội

trần làm Thanh Hoa tỉnh; ngoại trần là Ninh Bình tỉnh; năm Thiệu Trị thứ 3 đổi nội trần làm Thanh Hóa tỉnh”.

Vậy là các nhà sử học thời Tự Đức đã lấy năm 1029 là năm Danh xưng Thanh Hóa. Trong sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đều ghi “lời chua”, “lời cần án”, “xét” đều đặt ở phần chính văn.

Cuốn sách thứ 3 in sớm nhất (đời Lê Thái Tổ) của Nguyễn Trãi là *Dur địa chí*⁽¹⁾. Nguyễn Trãi viết:

“Na, Tùng và Lương ở về Thanh Hoa.

Na, Tùng là hai tên núi. Lương là tên sông. Thanh Hoa là bộ Cửu Chân ngày xưa; thời Đường là Ái Châu, triều Lý lấy làm phủ Thanh Hoa”.

Phan Duy Tiếp dịch và Giáo sư Hà Văn Tấn đã hiệu đính và chú thích. Cái chú thích này là của Giáo sư Hà Văn Tấn:

“Thanh Hóa là đất của quận Cửu Chân thời thuộc Hán, đến thời Đường là đất Ái Châu (tên Ái Châu có từ thời Lương Vũ đế). Thời Ngô, Đinh, Lê vẫn gọi là Ái Châu. Sang thời Lý, năm Thuận Thiên thứ 1 (1010), đổi Ái Châu thành trại. Năm Thiên Thành thứ 2 (1029) thì đổi làm phủ Thanh Hóa. Nhà Hồ lại đổi phủ Thanh Hóa làm phủ Thiên Xương cùng với Cửu Chân và Ái Châu làm miền phụ kỳ của Tây Đô. Thời thuộc Minh lại đặt

(1). Nguyễn Trãi, *Dur địa chí*, Nxb. Văn học, 2001 (Nguyễn Trãi toàn tập), tập 2, tr.469.

làm phủ Thanh Hóa, gồm phủ Thanh Hóa, Ái Châu và Cửu Chân”.

Cuốn sách thứ 4 có tựa đề là *Sử học bị khảo*⁽¹⁾ của Đặng Xuân Bảng cũng viết như của Nguyễn Trãi: “Thời Lý đổi làm phủ Thanh Hóa” mà không có chú dẫn gì hơn.

Cuốn sách thứ 5 của Phan Bội Châu có tựa đề là *Việt Nam quốc sử khảo*⁽²⁾ viết: “Thanh Hóa cổ gọi là bộ Cửu Chân; Tần gọi là Tượng Quận; Hán gọi là bộ Cửu Chân; Lương (502) gọi là Ái Châu; Lý gọi là trại; năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi thành phủ Thanh Hóa; năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đời Lê gọi là Thừa tuyên; bản triều gọi là tỉnh Thanh Hóa”.

Phan Bội Châu là người quan tâm đến lịch sử Thanh Hóa, đã có những bài viết về Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tông (viết sử nhưng khi đọc thấy rất cảm động). Đoạn ngắn viết về năm ra đời của tên gọi (danh xưng) Thanh Hóa rất dứt khoát, đáng để chúng ta quan tâm nghiên cứu.

Các tài liệu khác cũng cho ta những gợi ý:

Sách *Đông Khánh dư địa chí* ghi: “Sự việc năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đời Thái Tông sử vẫn ghi tên Ái Châu còn tên Thanh Hóa thì đến năm Hội Tường Đại Khánh 2 (1111) mới thấy ghi ở sự việc “phủ Thanh Hóa

(1). Đặng Xuân Bảng, *Sử học bị khảo*, Nxb. VHNT, 1997, tr.414.

(2). Phan Bội Châu, *Việt Nam quốc sử khảo*, Nxb. Thuận Hóa, 1990, toàn tập, tập 2, tr.359 (Giáo sư Chương Thâu sưu tầm và biên soạn).

dâng cây cau một gốc chín thân...”. Có nghĩa là tác giả nói Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện năm 1111.

Sách *Tỉnh Thanh Hóa* của H. Le Breton xuất bản năm 1924 viết “Đến đời nhà Đinh mới dựng tên Thanh Hóa để gọi một phần tỉnh bây giờ. Mười hai đạo giao cho Lê Hoàn coi, quê ở Châu Ái (Thanh Hóa...)”. Không rõ H. Le Breton căn cứ vào đâu để nói “đến đời nhà Đinh mới dựng tên Thanh Hóa...”. Sách *Tỉnh Thanh Hóa* của Charles RoBequain cũng nói Thanh Hóa ra đời năm 1111. Hai tác giả người Pháp nói về sự ra đời của danh xưng Thanh Hóa cách nhau hơn một nửa thế kỷ.

Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú (Nxb. KHXH, 1992) viết: “Nhà Lý đổi làm trại rồi đổi là phủ. Nhà Trần đổi là Thanh Hóa hoặc gọi là phủ...”

Xem thế Phan Huy Chú đưa ra thông tin Danh xưng Thanh Hóa mãi đến nhà Trần mới có.

Sách *Đất nước Việt Nam qua các đời* của Đào Duy Anh (Nxb. Thuận Hóa, 1995) viết: “Sử chép rằng, Lý Công Uẩn chia cả nước ra làm 24 lộ, song sách *Toàn thư* và *Cương mục* chỉ chép tên 12 lộ là: Trường Thiên lộ, Quốc Oai lộ, Hải Đông lộ, Kiến Xương lộ, Khoái lộ, Hoàng Giang lộ, Long Hưng lộ, Bắc Giang lộ, Trường Yên lộ, Hồng lộ, Thanh Hóa lộ, Diễn Châu lộ” (trang 117).

Trong mục Trần Thanh Hóa, Đào Duy Anh dẫn cương mục “Đời Đinh, Lê là Ái Châu, đời Lý đổi là trại, năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi làm phủ Thanh Hóa...”.

Thanh Hóa có nhiều tấm văn bia thời Lý - Trần có thể góp phần giải thích về năm ra đời của “Danh xưng Thanh Hóa”. Trong số những tư liệu ấy phải kể đến “Minh Tĩnh tự bi văn”, “An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký”. Đây là 2 văn bia thời Lý còn lại trên đất Thanh Hóa⁽¹⁾.

1. Bia chùa Minh Tĩnh

Bia khởi dựng ngày 15 tháng 2 năm Quảng Hựu thứ 6 (Canh Ngọ - 1090) đời Lý Nhân Tông ghi người lập bia là: Đồng tri, nay bia đặt tại nghề làng Tế Độ, huyện Hoằng Hóa, trông coi trại Thanh Hóa tước nội điện sùng ban Hoàng Thừa Nhĩ.

Câu mở đầu của văn bia: “Ông Hoàng Khánh Văn giữ chức quyền Thanh Hoa trại... khởi xướng công việc dựng chùa...”

Như vậy, năm 1090, ông Hoàng Khánh Văn đã “giữ chức quyền Thanh Hóa trại” và con ông là Hoàng Thừa Nhĩ đã là “Đồng tri trông coi trại Thanh Hóa”. Vậy thì trước đó đã có trại (Thanh Hóa) để cha con ông “trông

(1). *Tuyển tập Văn bia Thanh Hóa*, tập 1, Văn bia thời Lý - Trần, Nxb. Thanh Hóa, 2012.

coi”. Ông Hoàng Khánh Văn là cha, Hoàng Thừa Nhĩ là con, hai cha con đều là quan giữ chức “quyền” và “trông coi Thanh Hóa”.

2. Văn bia chùa Báo Ân

Bia dựng năm Canh Thìn (1100) viết: “Người soạn thuật là Chu Văn Thường giữ chức Thự mẫn thư lang, quản câu ngự phu, đồng trung thư, kiêm coi việc quân huyện Cửu Chân trại Thanh Hóa” (bia hiện dựng tại sân Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

Trong bia có đoạn “... đến năm Nhâm Tuất (1082), nhà vua đặc biệt ban thêm một quân Thanh Hóa cho ông (Lý Thường Kiệt) làm phong ấp, châu mục đều ngưỡng mộ phong thái, muôn dân đều mến đức chính...”

Xem văn bia chùa Báo Ân (ở núi An Hoạch, trấn Thanh Hóa) đã được khởi công từ năm 1099 đến năm 1100 thì hoàn thành), có thể khẳng định: Năm 1082 là năm nhà vua ban thêm một quân Thanh Hóa cho Lý Thường Kiệt là năm ra đời Danh xưng Thanh Hóa.

Tôi đã trình bày ý kiến về “Danh xưng Thanh Hóa”, chủ yếu là trích dẫn của các nhà sử học thời xưa. Tôi đã dừng lại ở các niên đại 1010, 1029, 1082 và 1111. Và tôi cho là nên chọn năm 1029. Đó là ý kiến của Nguyễn Trãi, của Quốc sử quán triều Nguyễn, của Đào Duy Anh.

DANH XƯNG THANH HÓA QUA MỘT SỐ TƯ LIỆU LIÊN QUAN^(*)

Có thể nói, trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, địa bàn Thanh Hóa chiếm giữ một vị trí hết sức đặc thù. Tính đặc thù ấy được biểu hiện rõ nét trên tất cả các mặt: Điều kiện tự nhiên, chính trị, kinh tế và văn hóa với nhiều nét độc đáo riêng có của xứ Thanh. Qua hàng trăm năm phát hiện nghiên cứu của các ngành khoa học đã chứng minh Thanh Hóa không chỉ là vùng đất có lịch sử lâu đời mà còn là một tiểu vùng văn hóa đặc sắc chứa đựng nhiều giá trị văn hóa vật chất và tinh thần quý giá.

Đồng hành cùng mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, con người Thanh Hóa đã dựng đặt cho lịch sử địa phương mình diên cách hành chính, khẳng định vị thế của vùng đất này là một bộ phận hữu cơ của Tổ quốc. Qua nhiều lần thay đổi tên gọi, từ Bộ Cửu Chân thời nhà nước Văn Lang của các vua Hùng, quận Cửu Chân (thời thuộc Triệu, Hán), trấn, phủ, trại, lộ Thanh Hóa (thời Lý - Trần), thừa tuyên Thanh Hóa (thời Lê Sơ) đến tỉnh Thanh Hóa (thời Nguyễn). Các đơn vị

(*). TS. Lê Ngọc Tạo - Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa.

hành chính cấp dưới qua các thời kỳ cũng có nhiều thay đổi, song về cơ bản ranh giới tự nhiên của Thanh Hóa luôn tương đối ổn định. Cho đến nay, Thanh Hóa là tỉnh nằm ở Bắc Trung Bộ, phía nam giáp tỉnh Nghệ An, phía bắc giáp tỉnh Sơn La, Hòa Bình, Ninh Bình, phía tây giáp Lào với đường biên giới 192 km, phía đông là vịnh Bắc Bộ với chiều dài 102 km. Diện tích tự nhiên của tỉnh Thanh Hóa là 11.130 km² đứng thứ 5 cả nước, dân số gần 3,5 triệu người, đứng sau Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ đô Hà Nội. Đây là một tỉnh rộng lớn, đông dân, có lịch sử lâu đời, có sắc thái văn hóa riêng biệt, có tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa tộc người... có thể coi đây như một nước Việt Nam thu nhỏ. Thế nhưng trong suốt cả một chiều dài của lịch sử, Thanh Hóa bắt đầu định danh và xác lập tên gọi của mình tự bao giờ cho đến nay vẫn chưa có lời giải thỏa đáng. Đây là vấn đề hết sức nan giải, việc lựa chọn xác định chính xác mang tính khoa học có sức thuyết phục còn là ý nghĩa quan trọng không chỉ cho thế hệ hôm nay mà còn cho cả mai sau.

Để góp phần trả lời câu hỏi nêu trên, tại Thanh Hóa cũng đã tổ chức 2 cuộc Hội thảo khoa học. Cuộc Hội thảo lần thứ nhất với tiêu đề “*Bàn về sự ra đời của Danh xưng Thanh Hóa*” vào tháng 10 năm 2010 do Ban Nghiên cứu và Biên soạn lịch sử Thanh Hóa, Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa tổ chức và cuộc Hội thảo lần thứ 2 vào tháng 11 năm 2011 do Sở Văn hóa, Thể thao và Du

lich Thanh Hóa phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đồng chủ trì với tiêu đề “*Thanh Hóa - đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương khởi đầu và diễn biến*”. Các tham luận được quy tụ từ nhiều nhà nghiên cứu ở Trung ương và địa phương, tiếp cận và giải quyết yêu cầu từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau như: Các bộ chính sử, địa chí, văn bia, tư liệu Hán Nôm, các công trình nghiên cứu có liên quan đã biết... Nhiều mốc thời gian được đưa ra qua một số tiêu chí cơ bản được xác định để cùng trao đổi bàn luận. Song kết luận cuối cùng qua các cuộc hội thảo vẫn chưa được trả lời thỏa đáng. Điều đó chứng tỏ đây là vấn đề vô cùng khó khăn chủ yếu do hạn chế về tư liệu khoa học. Có điều, hầu như sự ra đời của Danh xưng Thanh Hóa với tư cách là một đơn vị hành chính đầu tiên, một bộ phận hữu cơ của bộ máy Nhà nước được đa số các nhà nghiên cứu đồng thuận, đó là vào thời Lý (1010 - 1225). Chính từ sự đồng thuận hết sức căn bản này là một hướng để giới khoa học tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu sâu hơn, góp phần trả lời câu hỏi đã nêu.

Trong tiến trình lịch sử Việt Nam và lịch sử các địa phương trong nước cũng vậy, địa giới hành chính là tương đối, luôn luôn được điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp, chia tách sáp nhập, tên mới thay đổi tên cũ... không có gì là lạ. Song, với Thanh Hóa qua nhiều lần thay đổi đơn vị hành chính, với tư cách là một đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương ít thay đổi về địa giới, tên gọi. Trở lại

với chủ đề Danh xưng Thanh Hóa có từ bao giờ, chúng tôi thử tìm hiểu từ các nguồn tư liệu về thời nhà Lý có liên quan với Thanh Hóa, từ đó nhìn nhận thời điểm ra đời cụ thể nhất.

Trước hết, *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên và các *Sử thần triều Lê*, một bộ quốc sử ghi chép lịch sử nước ta từ thời Kinh Dương Vương và các vua Hùng cho đến thời kỳ trung hưng nhà Lê (Lê Gia Tông - 1675) cho biết: Sau khi lên ngôi Hoàng đế, tháng 7 năm Canh Tuất (1010), niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất, Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Đại La rồi đổi tên thành Thăng Long. Tháng 12 cùng năm, đổi 10 đạo (thời Đinh - Tiền Lê) là 24 lộ, châu Hoan, châu Ái làm trại. Vây là đến đầu thời Lý chưa thấy xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa. Dưới thời vua Lý Nhân Tông, (1072 - 1128) tên phủ Thanh Hóa ra đời cùng với sự kiện: “Tân Mão, Hội Tường Đại Khánh năm thứ 2 (1111)... Mùa xuân, phủ Thanh Hóa dâng cây cau một gốc 9 thân”⁽¹⁾. Năm 1117: “Mùa xuân tháng giêng, cho Ngự khổ thư gia là Phạm Tín là phán sự phủ Thanh Hóa”⁽²⁾. Năm 1128: “Người Chân Lạp vào cướp hương Đỗ gia ở châu Nghệ An, có đến hơn 700 chiếc thuyền, xuống chiếu sai bọn Nguyễn Hà Viêm ở Thanh Hóa và Dương ở Châu ấy đưa quân đánh phá được”⁽³⁾.

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, tr.286.

(2). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, tr.288.

(3). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, tr.289.

Từ sau năm 1128, Danh xưng Thanh Hóa có một vài lần thay đổi nhưng chỉ trong thời gian ngắn đã được *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi chép. Như vậy, tên Thanh Hóa xuất hiện sớm nhất ở sách này là vào năm 1111.

Việt sử lược, một cuốn sử khuyết danh được biên soạn dưới thời Trần cũng cho biết những sự kiện liên quan đến Thanh Hóa: Năm Tân Mão, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh năm thứ 2 (1111) “Mùa hạ tháng tư, Thanh Hóa dâng một gốc cau sinh 9 cây”⁽¹⁾. Các sự kiện sau đó cũng chép gần giống như *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Việt Sử thông giám cương mục, được biên soạn từ năm Tự Đức thứ 9 (1856) và hoàn thành vào năm Tự Đức thứ 34 (1881), là bộ sử lớn của Quốc sử quán triều Nguyễn, chép lịch sử nước ta từ thời Hùng Vương đến năm Chiêu Thống thứ 3 (1789), ở phần khảo về địa danh Thanh Hóa, bộ sử này cho biết: nhà Đinh, nhà Lê gọi Thanh Hóa là Ái Châu, nhà Lý đổi làm trại, năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi làm Thanh Hóa phủ⁽²⁾.

Ngoài những bộ sử nói trên, nói về Danh xưng Thanh Hóa, một nguồn tư liệu cũng hết sức tin cậy đó là những ghi chép từ các tấm bia thời Lý ở Thanh Hóa.

(1). *Việt Sử lược*, Bản dịch của Trần Quốc Vượng, phòng tư liệu khoa Sử Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

(2). *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.287.

- *Bia Minh Tịnh tự bi văn* ở nghề thôn Tế Độ, xã Hoằng Phúc, huyện Hoằng Hóa đề ngày rằm tháng 2 năm Canh Ngọ (1090), niên hiệu Quang Hựu thứ 6 có ghi: “nắm quyền trông coi trại Thanh Hóa là Hoàng Khánh Văn tước Sùng nghi sứ khởi dựng chùa... Cùng trông coi trại Thanh Hóa tước nội điện Sùng ban là Hoàng Thừa Nhĩ trợ giúp dựng bia”⁽¹⁾.

- *Bia An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký*. Bia chùa Báo Ân ở núi Nhòì, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa. Bia dựng năm Canh Thìn (1100), người soạn thuật là Chu Văn Thường giữ chức Thư mẫn thư lang, quản câu ngự phu, đồng trung thư, kiêm coi việc quân huyện Cửu Chân, trại Thanh Hóa. Văn bia có đoạn” “Đến năm Nhâm Tuất (1082) nhà vua đặc biệt ban thêm một quân Thanh Hóa cho ông (Lý Thường Kiệt) làm phong ấp, châu mục đều ngưỡng mộ phong thanh, muôn dân đều mến đức chính”⁽²⁾.

- *Bia Càn Ni Sơn Hương Nghiêm bi ký* ở xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa. Bia dựng năm Giáp Thìn niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ thứ 5 (1124) do Hải Chiếu đại sư Thích Pháp Bảo soạn. Văn bia không thấy nói tới Danh xưng Thanh Hóa mà chỉ nói tới ngôi chùa do Thiên Sư

(1). Phạm Văn Thắm, *Một tấm bia đời Lý mới phát hiện tại huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa*. Tạp chí nghiên cứu Hán Nôm, số 5 (2003).

(2). *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1, Viện Văn học, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1977, tr.305.

Đạo Dung thuộc con cháu của Trần quốc bộc xạ Lê Lương, một dòng họ lớn ở Cửu Chân, Châu Ái nước Việt có công tu sửa.

- *Bia Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh* ở xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung. Bia dựng ngày 3 tháng 9 năm Bính Ngọ văn bia do Hải Chiếu đại sư soạn, khắc năm Thiên Phù Đại Vũ thứ 7 (1126). Văn bia có đoạn: “Giác tính hải chiếu đại sư, tứ tử Thích Pháp Bào, là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tư Thành quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa, kiêm coi việc giáo môn ở bản quận soạn lời”.

Như vậy, qua 4 tấm bia đã nói trên, có 2 văn bia ghi *Thanh Hóa trại*, 2 văn bia ghi *Thanh Hóa trấn*. Niên đại sớm nhất là năm 1082 và muộn nhất là năm 1126.

Liên quan tới năm ra đời của Danh xưng Thanh Hóa còn một số tư liệu khác, đặc biệt là những công trình khảo cứu và một số sách địa chí.

Trong *Dư Địa chí* của Nguyễn Trãi (1380 - 1442) được biên soạn và dâng lên vua Lê Thái Tông năm 1435 ghi về vùng đất Thanh Hóa “Thanh Hóa là quận Cửu Chân xưa, đông và bắc giáp Sơn Nam và biển, tây và nam giáp Sơn Tây và Hoan Lộ; có 6 lộ phủ, 22 thuộc huyện, 4 châu, 975 làng xã. Đây là phen dậu thứ 2 của phương Nam vậy”⁽¹⁾. Đáng lưu ý, khi chú thích bản dịch, giáo sư Hà Văn Tấn cho rằng: Thanh Hóa là quận Cửu

(1). Nguyễn Trãi toàn tập tân biên, Nxb. Văn học, 2001, tr.470.

Chân thời thuộc Hán, đến đời Đường là Ái Châu (tên Ái Châu có từ thời Lương Vũ đế). Thời Ngô, Đinh, Lê, vẫn gọi là Ái Châu. Sang thời Lý, năm Thuận Thiên thứ 1 đổi Ái Châu thành trại. Năm Thiên Thành thứ 2 (1029) thì đổi thành phủ Thanh Hóa. Nhà Hồ lại đổi phủ Thanh Hóa thành phủ Thiên Xương cùng với Cửu Chân và Ái Châu là miền phụ kỳ của Tây Đô. Thời thuộc Minh lại đặt làm phủ Thanh Hóa gồm phủ Thanh Hóa, Ái Châu và Cửu Chân. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), thuộc đạo Hải Tây...”⁽¹⁾. Như vậy, Giáo sư Hà Văn Tấn thống nhất với *Việt Sử thông giám cương mục* là Danh xưng Thanh Hóa ra đời vào năm 1029.

Trong *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, phần dựng đất và diên cách chép về tỉnh Thanh Hóa như sau: “Nước ta từ thời Đinh, Lê vẫn theo Châu Ái, đời Lý năm Thuận Thiên thứ 1 đổi làm trại, sau đổi làm phủ Thanh Hóa (tên Thanh Hóa bắt đầu từ đây)”⁽²⁾. Sách này không cho biết cụ thể năm nào ở thời Lý ra đời tên Thanh Hóa.

Sách Việt Sử địa dư của Phan Đình Phùng, phần nói về Thanh Hóa: “Nhà Đinh, nhà Tiền Lê gọi Ái Châu, nhà Lý đổi thành trại, niên hiệu Thiên Thành năm thứ 2 (1029) đổi làm phủ Thanh Hóa; niên hiệu Nguyên Phong

(1). Nguyễn Trãi toàn tập tân biên, Nxb. Văn học, 2001, tr.547.

(2). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, 1997, tr.224.

năm thứ 6 (1252), nhà Trần lại đổi làm trại, trong niên hiệu Thiệu Phong (1341 - 1357), lại đổi làm bộ, chia đặt làm 3 phủ Thanh Hóa, Cửu Chân và Ái Châu”⁽¹⁾.

Sách Việt Nam quốc sử khảo của Phan Bội Châu, trong phần địa lý, sản vật nước ta, mục tỉnh Thanh Hóa đã nói: “Cổ gọi là Cửu Chân, Tần gọi là Tượng Quận... Lý gọi là trại. Năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi thành phủ Thanh Hóa”⁽²⁾.

Sách Đại Việt sử ký tiền biên của Ngô Thì Sĩ ghi chép về công lao của Lý Thường Kiệt khi ông mất năm 1105 như sau: “Khi còn trẻ là hoàng môn chi hậu thời Thái Tông, dần dần thăng lên đến chức Nội thị Sảnh đô tri, Thánh Tông phong làm Thái bảo, ban chiếu cho tiết Việt đi xét hỏi các lại dân ở Thanh Hóa, Nghệ An”⁽³⁾ Chúng ta lại biết Lý Thánh Tông mất vào năm tháng giêng năm Nhâm Tý (1072) ở điện Hội Tiên. Theo chúng tôi, đây là tư liệu hết sức quý giá, mặc dù không trực tiếp cho biết năm ra đời Danh xưng Thanh Hóa, song đã gián tiếp cho thấy tên Thanh Hóa phải có trước năm 1072.

Trở lên, từ những tư liệu đã dẫn, chúng tôi nghiêng về khả năng Danh xưng Thanh Hóa ra đời sớm nhất trước năm 1029.

(1). Phan Đình Phùng, *Việt Sử địa dư*, Nxb. Nghệ An, 2008, tr.293.

(2). *Phan Bội Châu tuyển tập*, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, 1990, tr.359.

(3). *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. Hồng Bàng, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2012, tr.304.

VỀ THỜI ĐIỂM RA ĐỜI CỦA TÊN GỌI “THANH HÓA”^(*)

1. Lời dẫn

Thanh Hóa là mảnh đất giàu truyền thống bậc nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Xứ Thanh cũng là nơi phát tích, sản sinh ra nhiều bậc vua chúa nổi bật, làm rạng danh sơn hà xã tắc⁽¹⁾. Vùng đất này vốn có nhiều tên gọi và sự tách nhập khác nhau qua từng thời kỳ, như *Cửu Chân bộ* 九真部 thời Hùng Vương, *Tượng Quận* 象郡 thời Tần; *Cửu Chân quận* 九真郡 thời Hán; thời Ngô 吳 thì được chia làm hai quận: *Cửu Chân* 九真 và *Cửu Đức* 九德; đến đời Lương Vũ đế 梁武帝 (502-549), vùng phía bắc *quận Cửu Chân* 九真郡 được tách ra, lập làm *Ái Châu* 愛州. Thời Tùy (581-618), *Ái Châu* 愛州 lại lệ vào *quận Cửu Chân*. Đến nhà Đường 唐 (618-907) thì tách ra làm hai *quận Ái Châu* 愛州郡 và *quận Cửu Chân* 九真郡.

(*). TS. Võ Vinh Quang, *Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế*.

(1). Chẳng hạn như: Bà Triệu (226-248), Dương Đình Nghệ (?-937), Lê Hoàn (941-1005), Hồ Quý Ly (1336-1407), Lê Lợi (1385-1433), Nguyễn Kim [Cam] (1468-1545), Trịnh Kiểm (1503-1570)...

Năm Thuận Thiên thứ nhất (1010), Lý Thái Tổ đổi 10 đạo trong cả nước làm 24 lộ, *châu Hoan* 驩州 và *châu Ái* 愛州 làm trại 寨...

Diên cách tên gọi *Thanh Hóa* từng được nhiều tư liệu lịch sử và công trình khoa học đề cập. Đồng thời, để góp phần sáng tỏ thời điểm xuất hiện của tên gọi hành chính *Thanh Hóa*, tháng 11/2011, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học “*Thanh Hóa, đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, khởi đầu và diễn biến*” (từ đây xin gọi là: *Hội thảo Thanh Hóa 2011*). Hội thảo đã đạt nhiều thành quả đáng khích lệ, đem lại cái nhìn khá toàn diện về vùng đất truyền thống này. Tuy vậy, có một vấn đề quan trọng vẫn chưa nhận được sự đồng thuận của các nhà nghiên cứu đó là *thời điểm xuất hiện của Danh xưng Thanh Hóa, với tư cách là một đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương*.

Với mong muốn góp thêm ý kiến để giải quyết vấn đề đặt ra ở trên, ở bài viết này, chúng tôi xin đóng góp thêm một số tư liệu về thời điểm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa.

2. Tìm hiểu về thời điểm ra đời của tên gọi “Thanh Hóa” 清化 (địa danh hành chính)

Tại *Hội thảo Thanh Hóa 2011*, có hai luồng ý kiến về thời điểm xuất hiện của Danh xưng Thanh Hóa, đó là:

(1) xác định vào năm *Thiên Thành thứ 2* triều Lý Thái Tông 李太宗 (1029); (2) vào năm *Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 7* triều Lý Nhân Tông 李仁宗 (1082). Đây là hai cột mốc được các nhà nghiên cứu đưa ra căn cứ vào các nguồn tư liệu hiện tồn tiêu biểu nhất.

Qua quá trình tham cứu hệ thống sử liệu, địa chí... hiện tồn của Trung Quốc, Việt Nam, Pháp (*Tài liệu Trung Hoa* gồm: *Tổng sử* 宋史, *Tổng thư* 宋書, *Tổng hội yếu* 宋會要, *Thái Bình hoàn vũ ký* 太平環宇記, *Đại Minh nhất thống chí* 大明一統志, *Việt kiều thư* 粵嶠書, *An Nam chí* [nguyên] 安南志 [原]...; *Tài liệu của Pháp* là cuốn *Province de Thanh Hoa* của H. Le Breton (1924); *Tài liệu Việt Nam* là các bộ sử như *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書 (từ đây xin gọi tắt là: **Toàn thư**), *Đại Việt sử ký tiền biên* 大越史記前編, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 欽定越史通鑑綱目 (từ đây xin gọi tắt là: **Cương mục**), *Đại Nam nhất thống chí* 大南一統志, *Việt sử địa dư* 越史地輿...), chúng tôi có các nhận định như sau:

Theo H. Le Breton trong *La Province de Thanh Hoa*, từ thời Đinh Bộ Lĩnh (924-979) xứ này từng có tên là *Thanh Hoa* 清華 (hoa 華 trong hàm nghĩa *tinh hoa* 精華). Cụ thể, ở mục *I. Variations dans l'étendue et les*

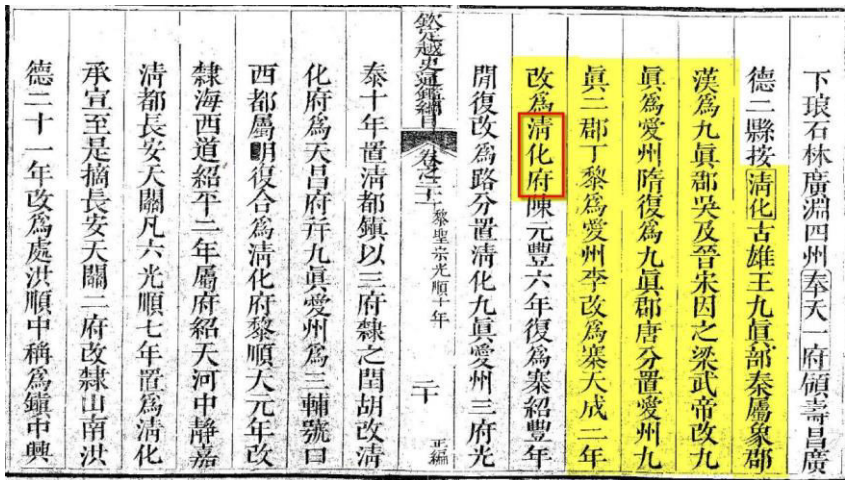
noms (Những thay đổi trong phạm vi và tên gọi), ông viết: “C’est sous le règne de Đinh-Bô-Lãnh que le nom de Thanh Hoa (華) apparait pour la première fois, mais pour ne désigner qu’une partie de la province actuelle”⁽¹⁾ (tạm dịch: đó là lần đầu tiên tên Thanh Hoa được xuất hiện dưới triều Đinh Bộ Lĩnh, nhưng để chỉ định là một phần của tỉnh [Thanh Hóa] hiện nay).

Theo nhận định của H. Le Breton, địa danh *Thanh Hoa* 清華 đã xuất hiện vào triều Đinh Bộ Lĩnh, và cùng với các địa danh khác như Cửu Chân, Tượng Quận, Ái Châu... đều là tiền thân của Thanh Hóa. Tuy vậy, chúng tôi chưa rõ tác giả căn cứ vào nguồn tư liệu khách quan nào để xác tín như vậy, nên chỉ cung cấp ở đây để tham khảo thêm.

Căn cứ vào bộ chính sử quan trọng thứ hai của lịch sử Việt Nam (sau *Toàn thư*) là sách *Cương mục* thì địa danh hành chính *Thanh Hóa* xuất hiện vào năm Thiên Thành thứ 2 triều Lý Thái Tông (1029). Cụ thể, tại tờ 20, quyển 21 sách *Cương mục* có đoạn: [清化]: 古雄王九真郡秦屬象郡漢為九真郡吳及晉宋因之。梁武帝改九真為愛州隨復為九真郡。唐分置愛

(1). H. Le Breton (1924), *La Province de Thanh Hoa*, Imprimerie Kim Đức Giang, Hanoi, pp.22.

州九真二郡。丁黎為愛州。李改為寨。天成二年改為清化府⁽¹⁾ ([Thanh Hóa]: Xưa, thời Hùng Vương là bộ Cửu Chân, đời Tần thuộc Tượng Quận, đời Hán là quận Cửu Chân, đời Ngô - Tấn - Tống cũng theo đó [là Cửu Chân]. Đời Lương Vũ đế đổi Cửu Chân làm Ái Châu, đời Tùy trở lại tên gọi là quận Cửu Chân. Đời Đường thì phân tách và bố trí thành hai quận Ái Châu và Cửu Chân. Triều Đinh, Lê gọi là Ái Châu. Triều Lý đổi là trại. Năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi làm **Thanh Hóa phủ**) (ảnh 1).



Ảnh 1: “Thanh Hóa phủ” trong Cương mục

(1). Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, chính biên* 欽定越史通鑑綱目正編 (bản chữ Hán), quyển 21-22, *Thư viện Quốc gia Việt Nam* lưu trữ, ký hiệu: R.515, tờ 20.

quyển 21, tờ 20 (phần tô đậm)

Chúng tôi cho rằng phần công bố của các sử gia triều Nguyễn về thời điểm xuất hiện của *Thanh Hóa* với tư cách là đơn vị hành chính: *Thanh Hóa phủ* 清化府 vào năm 1029 ở *Cương mục* rất đáng tin cậy. Bởi lẽ, *Cương mục* là bộ quốc sử cực kỳ quan trọng của triều Nguyễn, được thực hiện trong nhiều năm (từ năm 1856 đến năm 1859), lại trải qua các lần “*duyệt nghị*” (1871), “*duyệt kiểm*” (1872), “*phúc kiểm*” (1876), “*duyệt định*” (1878), “*kiểm duyệt*” (1884) rồi mới được khắc in và ban hành vào năm Kiến Phúc thứ 1 (1884).

Mặt khác, ở *Toàn thư, Bản kỷ 3: Kỷ Lý Nhân Tông* khi đề cập chuyện Thái úy Lý Thường Kiệt mắt đã viết rằng: “[乙酉]五年(宋崇寧四年)...夏六月太尉李常傑卒贈入內殿都知檢校尉平章軍國重事越國公。食邑萬戶。以弟李常憲繼封侯。常傑昇龍太和坊人世襲簪笏多謀略有將才。少以姿貌揚逸充黃門侍太宗累遷內侍省都知。聖宗拜太保授節鉞經訪清化又安吏民。及親征占城以為前鋒將。俘獲占主制矩以功拜輔國太傅。遙授諸鎮節度同中書門下上柱國天子義弟輔國上將軍開國公。復以功

拜太尉卒” (nghĩa là: năm Ất Dậu [Long Phù năm thứ 5 (1105)] (năm Sùng Ninh thứ 4 nhà Tống)... Mùa hạ, tháng 6, Thái úy Lý Thường Kiệt chết, tặng chức *Nhập nội điện Đô tri Kiểm hiệu Thái úy Bình chương Quân quốc trọng sự*, tước *Việt quốc công*, ban thực ấp 1 vạn hộ, cho người em là Lý Thường Hiến được kế phong tước hầu. Thường Kiệt người phường Thái Hòa, thành Thăng Long, nổi đời làm quan, nhiều mưu lược, có tài làm tướng. Khi còn ít tuổi, vì vẻ mặt tươi đẹp được sung làm *hoàng môn*, theo hầu Thái Tông, thăng dần đến chức *Nội thị sảnh Đô tri*. Thánh Tông phong chức *Thái bảo*, trao cho tiết việt⁽¹⁾ để xem xét dân tình ở **Thanh Hóa**, **Nghệ An**. Đến khi vua [Lý Thánh Tông] thân đi đánh Chiêm Thành, lấy ông làm tướng tiền phong, bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Vì có công, được phong làm *Phụ quốc Thái phó*, *Dao thụ chư trấn Tiết độ*, *Đông Trung thư Môn hạ*, *Thượng trụ quốc*, *Thiên tử nghĩa đệ*, *Phụ quốc Thượng tướng quân*, tước *Khai quốc*

(1). *Tiết việt 節鉞* (*phù tiết 符节*): một loại phù hiệu đặc trưng do vua chúa ban cấp cho các vị tướng soái khi ra trấn ngoài. *Phù tiết* có chức năng thay vua để nắm giữ binh quyền, quản lý quân binh ... ở bên ngoài; *phủ việt 斧钺*: một loại binh khí lớn dạng chiếc búa, biểu tượng cho quyền uy của các vị tướng khi ra ngoài biên ải): đây là hai loại binh khí và binh phù để làm tin, được nhà vua ban cấp cho vị đại tướng để thay vua toàn quyền xử lý mọi việc ở biên cương hoặc trấn ngoài.

công, sau lại có công nữa, được phong làm Thái úy, rồi chết) (ảnh 2-3).

Tờ 14 a - b

大水○命皇后妃嬪齋戒設醮祈嗣
 癸未三年宋恭帝春太后發內府錢贖賣東之
 與命者嫁鄭夫
 史臣吳士連曰女貧而至茲在貨男貧而至茲
 無妻天下之窮民也太后為之計亦仁政之
 所流也
 ○冬十月廣州人李覺謀反殺得哥復能變
 草木為人招集亡頓據本州築城作亂事聞命李
 常傑等討之覺敗走亡占城餘黨悉平○占城寇
 李在望
 甲申四年宋恭帝春二月命李常傑伐占城得李
 覺亡占城言中國虛費占城主制麻亦因之入寇
 復取制年所獻地哩等三州至是命李常傑罷被
 之制麻亦復納其地○三月復定禁衛兵號
 乙酉五年宋恭帝春祠高榘○夏六月太子李常
 傑辛贈入內殿都知檢校太尉平章軍國事殿
 國公食邑萬六千弟李常憲總討侯常傑用
 世襲者終後謀累有材才少以安孫揚威元帥門
 振振有太保景廷內侍首知宣宗月太保復相

Ảnh 2: Đoạn nói về Lý Thường Kiệt mất

(sách Đại Việt sử ký toàn thư, Hán văn, mộc bản Chính Hòa, 1697)

Tờ 15 a - b

錄諸清化人安其民及親和古製以為前
 得陳占毛制樂以功拜制國太傅道被龍節
 剛中書四下上柱國天子養弟嗣國○秋九月
 上將軍開國公侯以功拜大尉
 白龍於延祐寺二伴石荒塔於覽內寺三時帝
 重修延祐寺增於舊其遺蓮花基池名曰露沼池
 池之外築以畫廊廊之外又躡碧池並架危橋以
 通之處前立寶塔以月之朔望及夏之四月八日
 率駕臨幸設祈柝之儀隊浴伏之式歲以為常
 丙戌六年宋恭帝春五月嘗見西方長竟天○
 太白晝見於臨通常人
 李在望
 丁亥七年宋大觀夏地震
 戊子八年宋大觀春二月築堽于機舍坊○夏六月
 不雨
 己丑九年宋大觀春築洞靈宮○秋迎人蘇厚社
 藥謀反伏誅
 庚寅會祥大慶元年宋大觀春有婦人獻鳳經
 五色九苞○徐文通獻白虎白馬生距橫額一本
 十二莖○秋八月占城獻白象
 丙子二年宋五春清化府改稱一六九

Ảnh 3: Đoạn nói về Lý Thường Kiệt mất

(sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, Hán văn, mộc bản Chính Hòa, 1697)

Đối chiếu thông tin trên với các tư liệu liên quan đến cuộc đời Lý Thường Kiệt, chúng ta thấy ông được *thăng chức Hiệu úy* vào năm 1054, không lâu sau thăng làm *Kiểm hiệu Thái bảo*. Điều này được học giả Hoàng Xuân Hãn công bố như sau: “năm Lý Thánh Tông lên ngôi (1054, ông [Thường Kiệt] 36 tuổi), vì đã có công phù dục, ông được thăng chức Bổng hành quân hiệu úy, tức là một chức võ quan cao cấp. “Hàng ngày, ông hầu cận bên vua, hiến việc tốt, can việc xấu, giúp vua hết mọi cách. Vì cần lao giúp rập, nên được cất lên chức Kiểm hiệu Thái bảo” (Bia LX), tức là một chức tại triều rất cao”⁽¹⁾.

Sau đó, *Toàn thư* ghi rõ là ông được “*trao cho tiết việt để xem xét dân tình ở Thanh Hóa, Nghệ An*” (授節鉞, 經訪清化又安吏民 *thụ tiết việt, kinh phỏng Thanh Hóa, Nghệ An lại dân*). Mặc dù *Toàn thư* không ghi cụ thể thời gian Lý Thường Kiệt vào Thanh Hóa, nhưng chắc chắn một điều là phải sớm hơn thời điểm ông cùng vua Lý Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành vào năm Kỷ Dậu (1069). Bởi lẽ, tiếp theo sự kiện Lý Thường Kiệt vào Thanh Hóa, Nghệ An thì *Toàn thư* ghi: “*Đến khi vua thân đi đánh Chiêm Thành [Kỷ Dậu, 1069], lấy ông làm*

(1). Hoàng Xuân Hãn *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và Tông giáo triều Lý*, Nxb. Hà Nội, 2010, tr.39.

tướng tiên phong, bắt được vua Chiêm là Chế Củ (及親征占城, 以為前鋒將。俘獲占主制矩 *cập thân chinh Chiêm Thành, dĩ vi tiên phong tướng*).

Từ cứ liệu của *Toàn thư* ở trên, chúng tôi thấy rằng những ý kiến xác định cột mốc năm 1082 xuất hiện địa danh Thanh Hóa (với tư cách là đơn vị hành chính) là không hợp lý. Bởi vậy, chúng tôi thống nhất quan điểm với các công bố của *Cương mục* là cột mốc năm 1029 (niên hiệu Thiên Thành thứ 2 đời Lý Thái Tông).

3. Bàn thêm về “châu” 州 - “phủ” 府 trong quan hệ với địa danh hành chính Thanh Hóa

“*Châu*” 州 và “*phủ*” 府 ở đây là hai đơn vị hành chính có quan hệ mật thiết với Danh xưng Thanh Hóa. Đây cũng là mấu chốt tạo ra cuộc tranh luận kéo dài về thời điểm bắt đầu xuất hiện tên gọi Thanh Hóa trong lịch sử.

Như đã biết, vào đời Lương Vũ Đế 梁武帝 (502-549), vùng đất này bắt đầu xuất hiện địa danh *Ái Châu* 愛州, đây là kết quả của sự chia tách phần phía bắc *quận Cửu Chân* 九真郡. Đến đời Tùy (589-617) thì *Ái Châu* 愛州 lại cho lệ vào *quận Cửu Chân*. Xin lưu ý rằng vào đời Lương - Tùy, *Ái châu* 愛州 tồn tại với tư cách là đơn vị hành chính “*châu*” 州 (nên có thể gọi là *châu Ái*).

Đến triều đại nhà Đường 唐 (618-907) thì nơi đây mới được chia tách làm hai *quận* 郡: *Ái Châu quận* 愛州郡 và

Cửu Chân quận 九真郡. Tức rõ ràng *Ái Châu* (viết hoa 2 chữ) ở đời Đường là danh từ riêng, dùng để chỉ đơn vị hành chính cấp “*quận*” (*Ái Châu quận* 愛州郡) chứ không còn là đơn vị hành chính “*châu*” 州 như trước nữa.

Vào niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010), vua Lý Thái Tổ đổi 10 đạo trong cả nước làm 24 lộ, riêng đổi với *châu Hoan* 驩州 và *châu Ái* 愛州 được đổi làm *trại* 寨 (ở đây lại quay về đơn vị hành chính cấp “*châu*” (*Ái châu* 愛州)... Và, như *Cương mục* đã nói, vào năm Thiên Thành thứ 2 (1029), vua Lý Thái Tông gọi toàn vùng đất này là *Thanh Hóa phủ* 清化府.

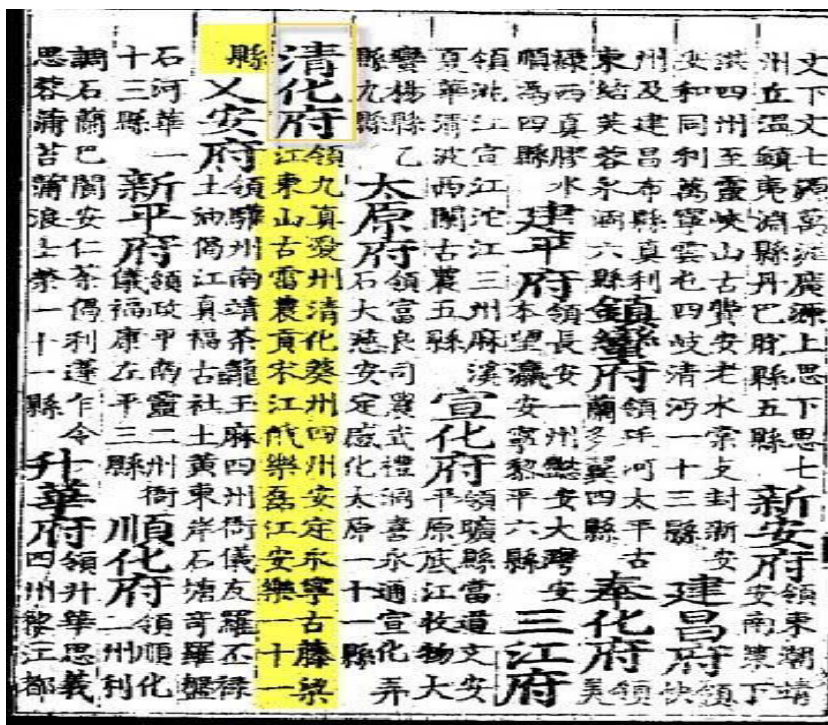
Vậy, khi đã có *phủ Thanh Hóa* 清化府 vào năm 1029 (đơn vị hành chính “*phủ*” 府), liệu rằng tên gọi địa danh hành chính *Ái châu* 愛州 có thể cùng tồn tại song song được không? Xin trả lời rằng: *hoàn toàn được*, đây là điều hiển nhiên. Bởi lẽ *Ái châu* 愛州 ở đây chỉ là đơn vị *châu* 州 thuộc *phủ Thanh Hóa*. Dấu ấn của *phủ Thanh Hóa* bao quát *Ái châu* kéo dài đến thời nhà Minh đô hộ (1407-1427). Các tư liệu hiện tồn như *Đại Minh nhất thống chí* 大明一統志, *Việt kiều thư* 越嶠書 của Lý Văn Phượng 李文鳳 đời Minh, *An Nam chí* [nguyên] 安南志 [原] của Cao Hùng Trưng 高熊徵⁽¹⁾, *Sử học bị*

(1). Sở dĩ chúng tôi chọn các tư liệu đời Minh vì “*Quân Minh sang đánh bắt được họ Hồ, đặt ra Giao Chỉ tam ty [Bố Chính ty, Án Sát ty, Đô ty]. Các*

khảo 史學備考 của Đặng Xuân Bảng... thể hiện rõ nét vấn đề này. Chẳng hạn:

Đại Minh nhất thống chí 大明一統志 quyển 90, mục *An Nam* cho biết: “清化府: 領九真愛州清化葵州四州。安定永寧古藤梁江東山古雷農貢宋江俄樂磊江安樂一十一縣” (*Thanh Hóa phủ*: lãnh 4 châu là *châu Cửu Chân*, **châu Ái**, *châu Thanh Hóa*, *châu Quy*; 11 huyện gồm: *Yên Định*, *Vĩnh Ninh*, *Cổ Đằng*, *Lương Giang*, *Đông Sơn*, *Cổ Lô*, *Nông Cống*, *Tổng Giang*, *Nga Lạc*, *Lỗi Giang*, *An Lạc*) (ảnh 4).

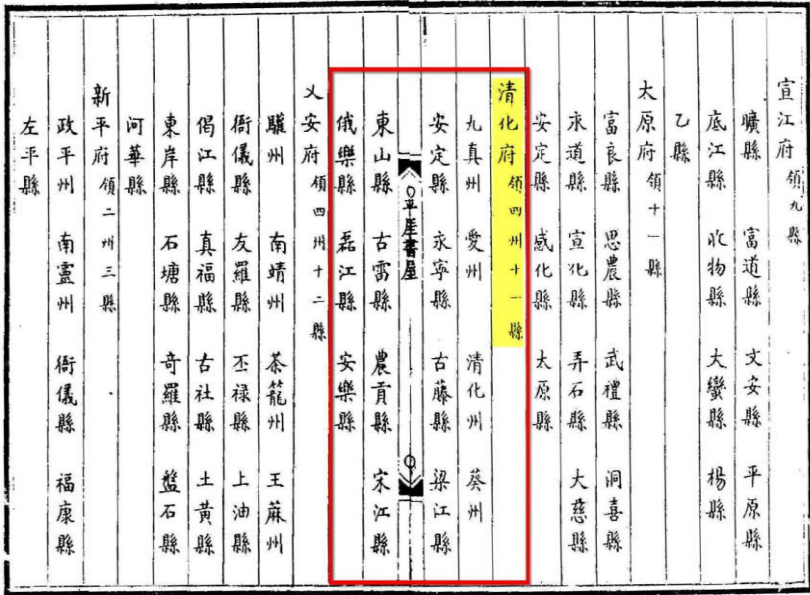
phủ, *châu*, *huyện* thì đều theo tên cũ nhà Trần” (Phan Huy Chú (Viện Sử học dịch, 2007), *Lịch triều hiến chương loại chí, tập 1*, mục *Dư địa chí*, Nxb. Giáo dục, tr.41). Do đó các địa danh hành chính thời Minh về cơ bản giống thời Trần.



Ảnh 4: Đại Minh nhất thống chí, quyển 90, mục An Nam - Thanh Hóa phủ

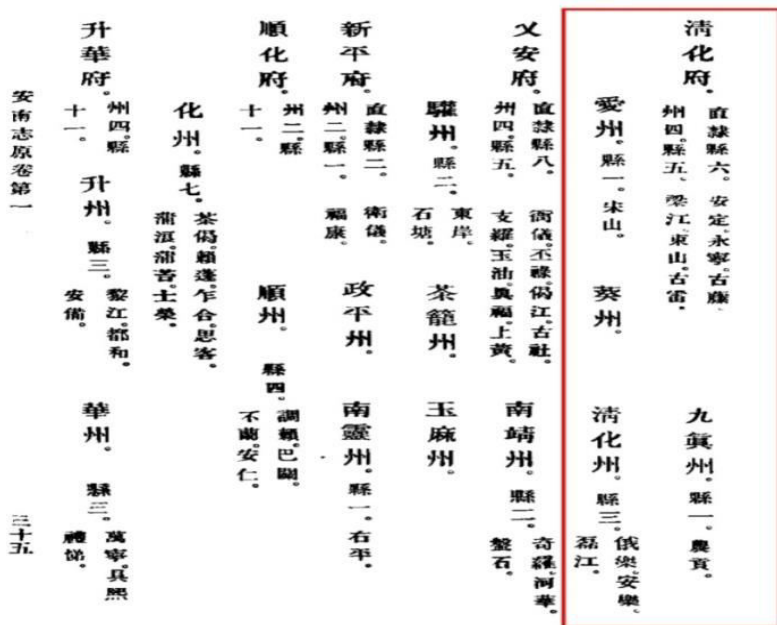
Tại Việt kiều thư 越嶠書, mục Châu huyện diên cách 州縣沿格, Lý Văn Phụng viết: “清化府: 領四州十一縣: 九真州愛州清化州葵州。安定縣永寧縣古藤縣梁江縣東山縣古雷縣農貢縣宋江縣俄樂縣磊江縣安樂縣” (Thanh Hóa phủ: lãnh 4 châu, 11 huyện gồm: châu Cửu Chân, châu Ái, châu Thanh Hóa, châu Quy; huyện Yên Định, huyện Vĩnh Ninh, huyện Cổ Đằng, huyện Lương Giang, huyện

Đông Sơn, huyện Cổ Lôi, huyện Nông Công, huyện Tống Giang, huyện Nga Lạc, huyện Lôi Giang, huyện An Lạc).(ảnh 5).



Ảnh 5: *Việt kiều thư* (Châu huyện diên cách)
Thanh Hóa phủ

Ở *An Nam chí nguyên*, tác giả Cao Hùng Trung ghi rằng: [清化府]直隸縣六: 安定永寧古藤梁江東山古雷。州四縣五: 九真州縣一農貢。愛州縣一宋山。葵州。清化州縣三俄樂安樂磊江 (Phủ Thanh Hóa có 6 huyện trực lệ gồm: *An Định, Vĩnh Ninh, Cổ Đằng, Lương Giang, Đông Sơn, Cổ Lôi*; [còn lại] 4 châu 5 huyện gồm: *châu Cửu Chân* với huyện *Nông Công*, *châu Ái* với huyện *Tổng Sơn*, *châu Quy*, *châu Thanh Hóa* với 3 huyện là *Nga Lạc, An Lạc, Lôi Giang*) (ảnh 6).



Ảnh 6: *An Nam chí nguyên*
quyển 1: *Châu phủ*, mục *Thanh Hóa phủ*

Nói về đơn vị hành chính *phủ Thanh Hóa* thời thuộc Minh, sử gia Đặng Xuân Bảng viết: “*Phủ Thanh Hóa có 4 châu (Thanh Hóa, Ái châu, Cửu Chân, Quy châu) gồm 19 huyện, có 7 huyện trực thuộc là Cổ Đằng (nay là Hoằng Hóa) Cổ Hoàn (có cửa biển Hội Trào, sau dồn vào Cổ Đằng, nay là Hoằng Hóa) Đông Sơn (có núi An Hoạch, núi Long Đại) Lương Sơn (nay là Thụy Nguyên) Cổ Lôi (có cửa ải Nghiêu Sơn, nay là Lôi Dương) An Định, Vĩnh Ninh (có núi Kim Âu, núi Hy Mã, nay là Vĩnh Lộc... Châu Ái (nay là Hà Trung) có 4 huyện là: Hà Trung (có cửa biển Linh Trường, nay là Hậu Lộc), Thống Ninh (vốn là Thống Bình đổi ra, nay là Hậu Lộc), Tống Giang (nay là Tống Sơn), Chi Nga (có 2 cửa biển là Thần Đầu, Chi Long nay là Nga Sơn)...*”⁽¹⁾.

Qua các dẫn chứng trên, chúng tôi thấy rằng bởi *châu Ái 愛州* (cũng gọi là *Ái châu*) là một đơn vị hành chính cấp *châu 州* thời bấy giờ, trực thuộc *phủ Thanh Hóa 清化府* nên các tư liệu sử sách của Việt Nam như *Toàn thư, Đại Việt sử ký tiền biên, An Nam chí lược, Việt sử lược, Cương mục, Lịch triều hiến chương loại chí...* vẫn thường xuyên đề cập đến *Ái châu 愛州* (châu Ái) từ

(1). Đặng Xuân Bảng (1997), *Sử học bị khảo*, Viện Sử học - Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.388.

cột mốc 1029 trở đi⁽¹⁾ là chuyện bình thường. Điều đó không hề phủ nhận sự tồn tại của *phủ Thanh Hóa*, tức địa danh hành chính *Thanh Hóa* (với tên gọi cụ thể: *Thanh Hóa phủ*) hiện diện đầu tiên vào năm Thiên Thành thứ 2 triều Lý Thái Tông (1029) như ghi chép của *Cương mục* là hoàn toàn có cơ sở khách quan để xác định.

4. Kết luận

Việc nghiên cứu về sự ra đời và biến đổi của các địa danh hành chính trong lịch sử là việc làm không hề đơn giản. Bởi do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan chi

(1). Ví dụ: Sách *Việt sử lược* cho biết: “năm Kỷ Ty, hiệu Thiên Thành thứ 2 (1029)... *Giáp Đản Nãi ở Ái châu làm phản. Vua thân đi dẹp, bắt được bọn nơ*” (Khuyết danh, *Việt sử lược* [Trần Quốc Vượng dịch], Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2005, tr.79). Hoặc “*Năm Ất Hợi, hiệu Thông Thụy năm thứ 2 (1035)... Ái châu làm phản, vương đích thân đi chinh phạt, thắng được...*” (*Việt sử lược*, Sđd, tr.81).

Cả đến sau cột mốc năm 1082 (căn cứ vào cách gọi “*Thanh Hóa nhất quân*” 清化一軍 ở văn bia *An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký*) thì sử sách vẫn ghi *Ái châu* (châu Ái) bên cạnh ghi chép về *phủ Thanh Hóa*. Chẳng hạn như: *Đại Việt sử ký tiền biên* nói đến địa danh *châu Ái* vào năm 1093 như sau: “*Quý Mùi, Minh Đạo năm thứ 2 [1093] (Tổng, Khánh Lịch năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, châu Ái nổi loạn*” (Ngô Thi Sĩ (1997), *Đại Việt sử ký tiền biên* (Dương Thị The dịch), Nxb. KHXH, Hà Nội, tr.223).

Sách *Toàn thư* ghi chép về *phủ Thanh Hóa* vào năm 1111 rằng: “*Tân Mão, [Hội Tường Đại Khánh] năm thứ 2 [1111], (Tổng Chính Hòa năm thứ 1), Mùa xuân, phủ Thanh Hóa dâng cây cau một gốc 9 thân*” (Quốc sử quán triều Lê (2011), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1 (Ngô Đức Thọ dịch), Nxb. KHXH, Hà Nội, tr.295). Vậy, rõ ràng hai đơn vị hành chính *Ái châu* (cấp châu) và *Thanh Hóa phủ* (cấp phủ) vẫn tồn tại song hành cùng nhau, và được cùng ghi chép rõ trong sử sách.

phối, sự ghi chép của tiền nhân không hẳn lúc nào cũng tỉ mỉ, cụ thể và rạch ròi. Đối với địa danh hành chính Thanh Hóa, mặc dù có nhiều tư liệu nói đến nhưng rất ít tư liệu giúp giải quyết rốt ráo về thời điểm xuất hiện của tên gọi này. Thực trạng ấy khiến cho các nhà nghiên cứu hiện nay chưa tìm được tiếng nói thống nhất để đi đến đồng thuận về thời gian ra đời cụ thể của Danh xưng Thanh Hóa. Đây cũng chính là vấn đề chúng tôi rất quan tâm và cố gắng giải quyết ở bài viết này.

Bằng việc dẫn liệu nguồn thư tịch có liên quan cùng phương pháp loại suy, khu biệt, chúng tôi cho rằng tên gọi *Thanh Hóa* với tư cách là một đơn vị hành chính cụ thể (*phủ Thanh Hóa 清化府*) bắt đầu xuất hiện vào năm 1029 là hợp lý nhất. Vì như ghi chép của *Toàn thư*, khi Lý Thường Kiệt cầm tiết việt đến vùng đất xứ Thanh trước lúc ông tham chiến ở đất Chiêm Thành (1069) thì nơi đây đã được gọi tên là *Thanh Hóa*.

Tên gọi *Thanh Hóa 清化* gắn liền với đơn vị hành chính “*phủ*” 府 (*phủ Thanh Hóa 清化府*) không hề mâu thuẫn gì với sự tồn tại của *Ái châu* và cả hai đơn vị hành chính trên cùng tồn tại là điều khách quan, phù hợp. Vì “*phủ*” 府 là đơn vị hành chính cao hơn, có vai trò và trách nhiệm cai quản mọi mặt đối với các đơn vị hành chính nhỏ trực thuộc như “*châu*” 州, “*huyện*” 縣 bấy giờ;

Do đó, *Ái châu* 愛州 chỉ là 1 trong 4 châu nằm trong *phủ Thanh Hóa* 清化府 (từ thời Lý, Trần, thuộc Minh...).

Cuối cùng, với các cứ liệu hiện có, chúng tôi đồng thuận với quan điểm ở *Cương mục* về thời điểm bắt đầu hiện hữu tên gọi *Thanh Hóa* (với đơn vị hành chính “*phủ*”) vào năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đời vua Lý Thái Tông.

Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Xuân Bảng, *Sử học bị khảo*, Viện Sử học - Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997.
2. Phan Huy Chú (Viện Sử học dịch, 2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb. Giáo dục.
3. *Đại Minh nhất thống chí* (chữ Hán), bộ nhập *Tứ khố toàn thư*.
4. E. Gaspardone (*sưu tập*, 1932), *An Nam chí nguyên* (bản chữ Hán), Hà Nội.
5. Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt: Lịch sử ngoại giao và Tông giáo triều Lý*, Nxb. Hà Nội, 2010.
6. H. Le Breton, *La Province de Thanh Hoa*, Imprimerie Kim Đức Giang, Hanoi, 1924.
7. Khuyết danh, *Việt sử lược* (Trần Quốc Vượng dịch), Nxb. Thuận Hóa - TT VHNN Đông Tây, Huế, 2005.
8. Lý Văn Phụng, *Việt kiệu thư* (chữ Hán), bộ nhập *Tứ khố toàn thư tồn mục từng thư*.

9. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, chính biên* (bản chữ Hán), quyển 21-22, *Thư viện Quốc gia Việt Nam*, ký hiệu: R.515.

10. Quốc sử quán triều Lê (Tb, 2011), *Đại Việt sử ký toàn thư*, 4 tập (Ngô Đức Thọ dịch), Nxb. KHXH, Hà Nội.

11. Ngô Thì Sĩ, *Đại Việt sử ký tiền biên* (Đương Thị The dịch), Nxb. KHXH, Hà Nội, 1997.

12. Nguyễn Văn Thịnh (chủ trì, 2010), *Văn bia thời Lý*, Nxb. ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản gốc tờ châu bản chữ Hán, lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, triều Thiệu Trị nguyên niên.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Hán văn, mộc bản Chính Hòa, 1697.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1972.
4. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997.
5. Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và Tông giáo triều Lý*, Nxb. Hà Nội, 2010.
6. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học về “Danh xưng Thanh Hóa”*, Thanh Hóa, 2017.
7. *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, Nxb Văn học, 2001.
8. *Phan Bội Châu*, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, 1990.
9. Phan Đình Phùng, *Việt sử địa dư*, Nxb. Nghệ An, 2008.
10. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần “*Dư địa chí*”, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960.
11. *Phật giáo thời Lý với 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.

12. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 24, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1970.

13. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Viện Sử học (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.

14. Tài liệu lưu trữ tại Cục Lưu trữ Nhà nước, *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập 2, năm Minh Mệnh thứ 6 (1825) và 7 (1826), Nxb. Văn hóa, 1998, tr.691.

15. *Thanh Hóa tỉnh chí*, sách chữ Hán, kí hiệu A.3027, lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

16. *Tuyển tập văn bia Thanh Hóa*, tập 1, *Văn bia Thanh Hóa thời Lý - Trần*, Nxb. Thanh Hóa, 2012.

17. PGS.TS. Nguyễn Đức Huệ, *Thử đưa ra vài niên đại về Danh xưng Thanh Hóa qua tài liệu văn bia và thư tịch*.

18. PGS.TS. Lâm Bá Nam, *Từ Ái Châu đến Thanh Hóa lộ trong thời kỳ mở đầu kỷ nguyên Đại Việt*.

19. PGS.TS. Vũ Duy Mền, *Góp phần xác định thời điểm xuất hiện tên địa danh hành chính Thanh Hóa*.

20. PGS.TS. Hà Mạnh Khoa, *Danh xưng Thanh Hóa*.

21. PGS.TS. Đinh Khắc Thuân, *Bàn thêm về thời điểm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa*.

22. TS. Lê Ngọc Tạo, *Danh xưng Thanh Hóa qua một số tư liệu liên quan.*

23. Nhà nghiên cứu Hoàng Tuấn Phổ, *Thời điểm ra đời địa danh Thanh Hóa.*

24. Nhà nghiên cứu Lê Xuân Kỳ, *Danh xưng Thanh Hóa có từ bao giờ.*

25. TS. Võ Vinh Quang, *Về thời điểm ra đời của tên gọi Thanh Hóa.*

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	7
-------------------	---

Phần một

DANH XƯNG MIỀN ĐẤT XỨ THANH TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC

1. Tên gọi miền đất xứ Thanh qua các thời kỳ.....	11
2. Một số sử liệu viết về Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện trước và sau năm 1029.....	19
3. Sử liệu về Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện năm 1029	29
4. Về vương triều Lý với đền thờ thần Đồng Cổ ở làng Đan Nê.....	33

Phần hai

KẾT LUẬN VÀ QUYẾT ĐỊNH VỀ DANH XƯNG THANH HÓA

1. Bàn luận của các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học về sự xuất hiện của Danh xưng Thanh Hóa	37
2. Về ngày, tháng tổ chức lễ kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa	43

3. Hướng tới kỷ niệm 990 năm Danh xưng Thanh Hóa ...	48
KẾT LUẬN	50

Phụ lục

MỘT SỐ CĂN CỨ SỬ LIỆU PHỤC VỤ

VIỆC QUYẾT ĐỊNH VỀ DANH XƯNG THANH HÓA

❖ Từ Ái Châu đến Thanh Hóa lộ trong thời mở đầu kỷ nguyên Đại Việt	52
❖ Thử đưa ra vài niên đại về Danh xưng Thanh Hóa qua tài liệu văn bia và thư tịch	58
❖ Danh xưng Thanh Hóa.....	78
❖ Góp phần xác định thời điểm xuất hiện tên địa danh hành chính Thanh Hóa.....	94
❖ Bàn thêm về thời điểm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa.....	109
❖ Thời điểm ra đời địa danh Thanh Hóa.....	127
❖ Danh xưng Thanh Hóa có từ bao giờ	136
❖ Danh xưng Thanh Hóa qua một số tư liệu liên quan.....	146
❖ Về thời điểm ra đời của tên gọi “Thanh Hóa”	155
TÀI LIỆU THAM KHẢO	175

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú - P. Ba Đình - TP. Thanh Hóa

Điện thoại: (0237)3853.548 - 3723.797 - 3852.281

Fax: (0237)3853.548 * E-mail: nxbthanhhoa@yahoo.com

DANH XƯNG THANH HÓA

Chịu trách nhiệm xuất bản

ThS. HOÀNG VĂN TÚ

Chịu trách nhiệm nội dung

NGUYỄN HỮU NGÔN

Biên tập: **ThS. Hồ Thị Phương**

Bìa: **Nguyễn Công Sơn**

Trình bày: **Lã Thị Hoàng Yến**

Sửa bản in: **Lã Thị Hoàng Yến**

Chế bản tại Phòng KHSXKD - Nhà xuất bản Thanh Hóa

Điện thoại: (0237)3722.347

LKXB: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thanh Hóa

Số 04 Hà Văn Mao - P. Ba Đình - TP. Thanh Hóa

In: 1.020 cuốn, khổ 14,5 × 20,5 cm, tại Công ty TNHH In và Thương mại Trường Xuân. Địa chỉ: Tầng 4, số E1, khu X1 đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội. Số xác nhận ĐKXB: 3210 - 2018/CXBIPH/01 - 98/ThaH, ngày 11 tháng 9 năm 2018. Quyết định XB số: 403/QĐ-NXBThaH, ngày 06 tháng 11 năm 2018. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2018. ISBN: 978-604-74-3810-5